

PHƯƠNG ÁN

Ứng phó bão, áp thấp nhiệt đới, gió mạnh trên biển theo cấp độ rủi ro thiên tai trên địa bàn tỉnh Cà Mau (Cập nhật tháng 7/2021)

I. KHÁI QUÁT ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, DÂN SINH VÀ KINH TẾ - XÃ HỘI

1. Điều kiện tự nhiên

Cà Mau là tỉnh ven biển ở cực nam của Việt Nam, thuộc khu vực Đồng bằng sông Cửu Long, phía bắc giáp tỉnh Kiên Giang, phía đông giáp tỉnh Bạc Liêu và biển Đông, phần mũi phía Nam giáp biển Đông và một phần phía tây giáp vịnh Thái Lan với tổng chiều dài bờ biển lên đến 254km. Trong đó, bờ biển Tây dài 154km, bờ biển Đông dài 100km; vùng biển rộng 71.000 km² với gần 4.500 tàu cá đang hoạt động; phía Nam có Hòn Khoai cách cửa biển Rạch Gốc 13 hải lý; phía Tây Nam có đảo Hòn Chuối cách cửa biển Sông Đốc 18 hải lý và Hòn Đá Bạc cách cửa kinh Đá Bạc 600m; diện tích tự nhiên của tỉnh Cà Mau là 5.221,19 km², được chia thành 02 hệ sinh thái mặn, ngọt, trong đó vùng ngọt hóa có diện tích khoảng 2.088,84 km² (Vùng Bắc Cà Mau có diện tích tự nhiên 1.544,14 km² bao gồm toàn bộ huyện U Minh, phần lớn diện tích huyện Trần Văn Thời và một phần diện tích huyện Thới Bình; vùng Quản lộ Phụng Hiệp có diện tích tự nhiên 544,8 km² bao gồm phần lớn huyện Thới Bình và thành phố Cà Mau); trong nội địa, hệ thống sông rạch chằng chịt với 87 cửa sông lớn, nhỏ thông ra biển, có độ sâu trung bình từ 5 đến 15m);

2. Dân sinh, kinh tế - xã hội

Tỉnh Cà Mau có dân số khoảng 1.194.281 người, trong đó nam 604.903 người chiếm 50,65 %, nữ 589.378 người chiếm 49,35 %, 41.680 người là đối tượng dễ bị tổn thương (Nam: 2,26 %, nữ: 4,75%) với 09 đơn vị hành chính cấp huyện (08 huyện và 01 thành phố) và 101 đơn vị hành chính cấp xã (82 xã, 10 phường và 09 thị trấn), trong đó có 06 huyện/23 xã, thị trấn ven biển.

Diện tích đất nông nghiệp: 461.107 ha. Trong đó, diện tích đất nuôi trồng thủy sản: 222.621 ha; diện tích đất trồng cây lâu năm: 43.287 ha; diện tích đất trồng cây hàng năm: 99.821 ha; diện tích đất lâm nghiệp: 95.014 ha; diện tích đất làm muối: 168 ha; diện tích đất nông nghiệp khác: 195 ha.

Số lao động tham gia trong lĩnh vực nông nghiệp là 341.904 người. Trong đó: Nam: 188.681 người, chiếm 55,2 % và nữ: 153.223 người, chiếm 44,8 %).

II. ĐẶC ĐIỂM VÀ TÌNH HÌNH BÃO, ÁP THẤP NHIỆT ĐỚI, GIÓ MẠNH TRÊN BIỂN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH

1. Bão, áp thấp nhiệt đới

Trong những năm gần đây, do tác động tiêu cực của biến đổi khí hậu, tình hình thời tiết, thiên tai diễn biến ngày càng phức tạp, trong đó bão, áp thấp nhiệt đới đã và đang có chiều hướng gia tăng và xuất hiện ở vĩ độ thấp, đường đi và diễn biến ngày càng phức tạp, khó lường. Bão, áp thấp nhiệt đới xảy ra chủ yếu trong mùa mưa hàng năm (khoảng từ tháng 05 – 12), có khi kéo dài đến tháng 01 năm sau. Thông thường bão, áp thấp nhiệt đới có khả năng ảnh hưởng đến Việt Nam nói chung và tỉnh Cà Mau nói riêng xuất hiện ở phía đông của Philippin, sau đó đổ bộ vào nước này trước khi đi vào biển Đông. Một số cơn bão, áp thấp nhiệt đới hình thành ngay trên biển Đông. Tùy từng cơn bão, áp thấp nhiệt đới mà tốc độ di chuyển nhanh hay chậm, nhưng trung bình từ 10 – 25 km/h và hiện nay, có những cơn bão di chuyển rất nhanh và rất phức tạp, có khi diễn biến kéo dài. Tuy không thường xuyên ảnh hưởng trực tiếp đến tỉnh Cà Mau nhưng cũng kéo theo các tình huống thời tiết, thiên tai bất lợi gây nhiều thiệt hại về tài sản cho người dân trên địa bàn tỉnh Cà Mau. Điển hình về thiệt hại do bão, áp thấp nhiệt đới gây ra trên địa bàn tỉnh là thiệt hại do cơn bão LinDa năm 1997 đổ bộ vào Cà Mau làm chết, mất tích 1.292 người, bị thương 601 người, làm hư hỏng trên 160.000 căn nhà, hư hỏng và chìm 666 phương tiện đánh bắt thủy sản, thiệt hại trên 63.000 ha rừng các loại, trên 77.000 ha đất sản xuất nông nghiệp và nhiều cơ sở vật chất khác.

2. Gió mạnh trên biển

Gió mạnh trên biển thường xảy ra ngay trên biển, biển Đông thường xuyên hơn biển Tây, ngoài khơi thường xuyên hơn ven bờ. Gió mạnh trên biển xuất hiện trong thời đoạn ngắn, có khi chỉ trong 24 giờ rồi kết thúc. Thời gian gần đây, tần suất xuất hiện của loại hình thiên tai gió mạnh trên biển trở nên dày hơn trước, thời gian xuất hiện bắt đầu khoảng tháng 06 và kéo dài đến tháng 02 của năm sau, trong đó tập trung nhiều nhất là từ tháng 10-12. Gió mạnh trên biển thường xuyên tác động trực tiếp làm chìm tàu, chết người và thiệt hại về phương tiện, tài sản,... của người dân., chỉ trong năm 2020, gió mạnh trên biển đã làm 15 người rơi xuống biển (trong đó có 06 người chết và 02 người còn mất tích, 07 người còn sống đã được cứu vớt), chìm 14 tàu cá và 01 sà lan;...

3. Đánh giá rủi ro do bão, áp thấp nhiệt đới, gió mạnh trên biển

3.1. Cấp độ rủi ro do bão, áp thấp nhiệt đới:

Do đặc thù điều kiện tự nhiên của tỉnh, người dân thường sinh sống tập trung dọc theo các tuyến kênh, rạch, ven sông, ven biển; sống chủ yếu bằng nghề khai thác, nuôi trồng thủy sản và sản xuất nông nghiệp, một bộ phận rất lớn còn khó khăn về nhà ở, nhà cửa còn tạm bợ, nên trong trường hợp có bão, áp thấp nhiệt đới đổ bộ trực tiếp trên địa bàn, gió mạnh trên biển sẽ gây ra những thiệt hại hết sức nặng nề cho người dân. Hiện nay, dưới tác động tiêu cực của biến đổi khí hậu nên bão, áp thấp nhiệt đới diễn biến ngày càng phức tạp, khó lường. Bão, áp thấp nhiệt

đới ảnh hưởng trên biển và trên đất liền tỉnh Cà Mau, có thể gây thiệt hại về tính mạng, tài sản, nhà cửa, công trình; nguy cơ vỡ đê, sạt lở đất; gây nguy hiểm cho người và tàu thuyền trên biển; gây ô nhiễm môi trường, dịch bệnh; thiệt hại trong sản xuất nông nghiệp. Cấp độ rủi ro do áp thấp nhiệt đới: Cấp 3. Riêng bão từ cấp 3 đến cấp 4.

3.2. Cấp độ rủi ro do gió mạnh trên biển:

Trên vùng biển tỉnh Cà Mau hiện có trên 4.300 tàu cá trong tỉnh, hàng ngàn tàu cá ngoài tỉnh và hàng ngàn phương tiện thủy nội địa tham gia khai thác thủy sản vùng ven bờ, các hoạt động canh giữ đáy hàng khơi,... Ngoài ra còn có các hoạt động nuôi trồng thủy sản ven biển, hải đảo nên có nhiều rủi ro khi xảy ra gió mạnh trên biển. Cấp độ rủi ro thiên tai do gió mạnh trên biển: Cấp 1.

4. Thời gian dự báo, cảnh báo trước

Về số lượng các cơn bão, áp thấp nhiệt đới có khả năng xuất hiện trong năm, được các cơ quan dự báo khí tượng thủy văn dự báo, cảnh báo thông qua các nhận định dài hạn, ngắn hạn, nhận định mùa, các bản tin nhận định bổ sung,... Đối với từng cơn bão, áp thấp nhiệt đới cụ thể, hiện nay có thể được dự báo, cảnh báo trước khoảng 07 ngày và khi đã xuất hiện thì có các bản tin dự báo hàng ngày cho đến khi không còn khả năng ảnh hưởng thì sẽ kết thúc công tác dự báo. Riêng gió mạnh trên biển thường được dự báo, cảnh báo trước từ 01 đến 02 ngày và có các bản tin theo đợt và theo ngày.

5. Đánh giá năng lực ứng phó bão, áp thấp nhiệt đới, gió mạnh trên biển theo phương châm 04 tại chỗ

5.1. Nguồn nhân lực:

- 100% Ban Chỉ huy PCTT&TKCN các ngành, cấp thường xuyên được củng cố, kiện toàn, đáp ứng toàn diện công tác chỉ huy, chỉ đạo ứng phó với mọi tình huống thiên tai.

- Toàn tỉnh có gần 29.000 lực lượng tại chỗ (Công an, Quân sự, Bộ đội biên phòng, y tế, thanh niên tình nguyện, doanh nghiệp huy động, Hội chữ thập đỏ, lực lượng xung kích, dân quân tự vệ, các ban ngành, lực lượng phản ứng nhanh,...) được tập huấn thường xuyên, sẵn sàng huy động khi có bão, áp thấp nhiệt đới, gió mạnh trên biển xảy ra.

(Chi tiết tại Phụ lục I kèm theo)

5.2. Về cơ sở hạ tầng:

- Về hạ tầng giao thông đường bộ: Cà Mau có 05 tuyến quốc lộ đi qua địa bàn tỉnh với tổng chiều dài 220km (lộ nhựa) 13 tuyến tỉnh lộ với tổng chiều dài 335,92 km (lộ nhựa), hơn 634 km đường liên huyện (lộ nhựa); 5.666km đường giao thông nông thôn (trên 4.000 km đã được kiên cố hóa bằng nhựa và bê tông) và 228km đường đô thị.

- Về hạ tầng giao thông đường thủy: Tổng chiều dài các tuyến sông, kênh trên địa bàn tỉnh khoảng 10.000 km. Trong đó, có 367,5 km đường sông từ cấp IV-III do tỉnh quản lý, 495,2 km đường sông do Trung ương quản lý, còn lại chủ yếu là các kênh rạch nhỏ, đảm bảo cho phương tiện nhỏ lưu thông phục vụ sản xuất và nuôi trồng thủy sản.

- Về đường biển: Cơ bản đáp ứng được yêu cầu đi lại trên biển, hoạt động khai thác thủy sản trên biển, vận chuyển lương thực, thực phẩm ra các đảo, cụm đảo Hòn Khoai, Hòn Chuối,...

- Về đường hàng không: Cảng Hàng không Cà Mau là sân bay hàng không dân dụng cấp 3C, quân sự cấp 2, có khả năng tiếp nhận máy bay ATR-72 và tương đương.

- Về hệ thống các công trình phòng chống thiên tai, đê điều: Có 174 cống thủy lợi và 12 trạm bơm điều tiết nước, chống úng,...Có 49,02km/154km đê biển Tây và gần 60 km kè ở cả biển Tây và biển Đông được xây dựng kiên cố.

(Chi tiết tại Phụ lục II, III kèm theo)

6. Vật tư, phương tiện, trang thiết bị

Sẵn sàng huy động tại chỗ trên 80 xe, gần 200 xuồng cứu hộ các loại; hơn 200 nhà bạt; 170 máy bơm; gần 120 máy phát điện; trên 1.500 phương tiện thủy, bộ; hàng hóa dự trữ; cơ sở thuốc, dụng cụ y tế;...đảm bảo yêu cầu ứng phó bão, áp thấp nhiệt đới, gió mạnh trên biển, cứu hộ cứu nạn, xử lý môi trường, khắc phục hậu quả khi có bão, áp thấp nhiệt đới, gió mạnh trên biển.

(Chi tiết tại Phụ lục IV, V, VI kèm theo)

7. Xác định các yếu tố dễ bị tổn thương do bão, áp thấp nhiệt đới, gió mạnh trên biển

- Về con người: Người già, trẻ em, phụ nữ, hộ nghèo, hộ cận nghèo, người khuyết tật,...là nhóm người dễ bị tổn thương; người dân sinh sống ở khu vực nông thôn, vùng sâu vùng xa, vùng trũng thấp, ven sông ven biển, điều kiện đi lại và tiếp cận với các nguồn thông tin gặp khó khăn.

- Về cơ sở hạ tầng: Hệ thống điện lưới, các công trình công cộng như trụ sở các cơ quan, trường học,...đặc biệt là nhà ở của người dân, trong đó số lượng nhà dân bán kiên cố, thiếu kiên cố trên địa bàn tỉnh có khả năng bị thiệt hại do bão, áp thấp nhiệt đới là rất lớn. Bên cạnh đó, bão, áp thấp nhiệt đới thường gây mưa lớn, triều cường, sóng to làm ảnh hưởng đến hệ thống đường xá, hệ thống đê, kè ven biển.

- Về sản xuất: bão, áp thấp nhiệt đới gây mưa lớn, nước dâng làm đổ, sập, ngập lúa, cây ăn quả, rau màu, ngoài ra còn làm tràn, vỡ bờ bao, đê bao ảnh hưởng đến sản xuất, nuôi trồng thủy sản, thiệt hại các lồng bè nuôi trồng thủy sản,... Trên biển, bão, áp thấp nhiệt đới, gió mạnh trên biển ảnh hưởng đến hoạt động khai thác, đánh bắt thủy hải sản của ngư dân.

- Về vệ sinh môi trường và dịch bệnh: sau khi bão, áp thấp nhiệt đới đi qua làm cho cây xanh đổ ngã, xác động vật chết,...tác động xấu đến môi trường, thiếu nguồn nước sạch sinh hoạt, phát sinh các loại dịch bệnh trên người và vật nuôi, đặc biệt là tại các vùng trũng thấp, điều kiện y tế còn khó khăn.

III. CƠ SỞ PHÁP LÝ, MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU CỦA PHƯƠNG ÁN

1. Cơ sở pháp lý

- Luật Phòng, chống thiên tai số 33/2013/QH13;
- Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đê điều số 60/2020/QH14;
- Nghị định số 160/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai;
- Quyết định số 18/2021/QĐ-TTg ngày 22/4/2021 của Thủ tướng chính phủ quy định về dự báo, cảnh báo, truyền tin thiên tai và cấp độ rủi ro thiên tai;
- Quyết định số 02/QĐ-TWPCTT ngày 18/02/2020 Ban hành Sổ tay hướng dẫn xây dựng phương án ứng phó tương ứng với các cấp độ rủi ro thiên tai.
- Căn cứ yêu cầu nhiệm vụ và tình hình bão, áp thấp nhiệt đới, gió mạnh trên biển trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

2. Mục đích

- Chủ động, kịp thời các phương án dự trữ, huy động vật tư, trang thiết bị, phương tiện, sẵn sàng ứng phó bão, áp thấp nhiệt đới, gió mạnh trên biển.
- Chủ động, linh hoạt trong tổ chức sản xuất, điều chỉnh mùa vụ, cơ cấu cây trồng, vật nuôi phù hợp với điều kiện thời tiết, bão, áp thấp nhiệt đới, gió mạnh trên biển.
- Chủ động, kịp thời truyền tải thông tin dự báo và cảnh báo sớm và các phương án tuyên truyền cùng với các thông điệp rõ ràng, hướng dẫn thực hiện các hành động cụ thể (chặt tỉa cây xanh, chằng chống, gia cố nhà cửa, dự trữ nhu yếu phẩm, lương thực, nước uống,.....theo hướng dẫn của chính quyền địa phương).

3. Yêu cầu

- Huy động, sử dụng các nguồn lực phù hợp, tiết kiệm, hiệu quả.
- Tất cả các ngành, các cấp, các địa phương phải quán triệt cho cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân thực hiện nghiêm túc Phương án này, đặc biệt là người dân trong việc chấp hành hướng dẫn, khuyến cáo của các cơ quan chuyên môn và chính quyền địa phương.
- Theo dõi chặt chẽ diễn biến thời tiết; thường xuyên theo dõi các bản tin dự báo xu thế thời tiết và theo dõi tình hình thực tế để kịp thời cập nhật, điều chỉnh linh hoạt các kịch bản ứng phó đảm bảo sát thực tế theo phương châm “04 tại chỗ”.

IV. MỤC TIÊU, PHƯƠNG CHÂM VÀ KỊCH BẢN PHƯƠNG ÁN

1. Mục tiêu

1.1. Mục tiêu chung:

Nâng cao năng lực, chủ động, kịp thời, hiệu quả trong công tác phòng, chống bão, áp thấp nhiệt đới, gió mạnh trên biển theo các cấp độ rủi ro của các ngành, các cấp và người dân; hạn chế đến mức thấp nhất thiệt hại do bão, áp thấp nhiệt đới gây ra trên địa bàn tỉnh.

1.2. Mục tiêu cụ thể:

- Không để xảy ra thiệt hại về người do bão, áp thấp nhiệt đới, gió mạnh trên biển gây ra, hạn chế đến mức thấp nhất thiệt hại về tài sản.

- 100% các hộ gia đình được tiếp cận thông tin, được trang bị kiến thức, kỹ năng cơ bản về phòng, chống bão, áp thấp nhiệt đới.

- 100% các hộ gia đình sinh sống ở các địa phương ven biển hoặc có tham gia hoạt động nuôi trồng, khai thác thủy hải sản trên biển được tiếp cận thông tin, được trang bị kiến thức, kỹ năng cơ bản về ứng phó gió mạnh trên biển.

- 100% các hộ dân, đặc biệt là các hộ dân sống trong vùng trũng thấp, vùng dễ bị tổn thương nắm rõ các địa điểm, phương tiện, tuyến đường di chuyển tránh trú an toàn khi xảy ra bão, áp thấp nhiệt đới.

2. Phương châm ứng phó với Bão, áp thấp nhiệt đới

Triển khai thực hiện phương án phòng, chống Bão, áp thấp nhiệt đới, gió mạnh trên biển theo phương châm “04 tại chỗ” thực chất, hiệu quả, cụ thể:

2.1. Chỉ huy tại chỗ:

a) Đối với chính quyền địa phương:

Một số nhiệm vụ của chỉ huy tại chỗ, đặc biệt là xã, phường, thị trấn, bao gồm:

- Phối hợp với các ngành, các tổ chức có liên quan thường xuyên kiểm tra việc triển khai thực hiện phương án, giải quyết kịp thời những khó khăn vướng mắc ở địa phương;

- Chỉ đạo việc huy động mọi nguồn lực tại chỗ để ứng phó khi có bão, áp thấp nhiệt đới xảy ra;

- Tùy theo diễn biến của bão, áp thấp nhiệt đới (thông tin cảnh báo, dự báo; chỉ đạo của cấp trên) mà người chỉ huy ra các mệnh lệnh phù hợp để ứng phó và trực tiếp chỉ huy việc thực hiện;

- Sau khi bão, áp thấp nhiệt đới kết thúc, chỉ đạo việc đánh giá tình hình thiệt hại, vệ sinh môi trường, phòng chống dịch bệnh và khắc phục hậu quả.

b) Đối với hộ gia đình:

Trước mùa mưa bão, mỗi hộ gia đình cần chủ động thực hiện các hoạt động sau:

- Thường xuyên theo dõi thông tin dự báo, cảnh báo bão, áp thấp nhiệt đới và các hướng dẫn, khuyến cáo của chính quyền địa phương.

- Chủ động chuẩn bị các điều kiện cần thiết để ứng phó với bão, áp thấp nhiệt đới (chặt tỉa cây xanh, chằng chống nhà cửa, dự trữ lương thực, nước uống,...), phân công công việc cho các thành viên trong gia đình.

- Phải biết trong trường hợp khẩn cấp cần di dời, sơ tán thì gia đình mình cần mang theo những vật dụng thiết yếu gì, di chuyển trên tuyến đường nào, bằng phương tiện gì, di chuyển đến đâu,...

- Tuân thủ theo các hướng dẫn của chính quyền địa phương và chủ động hỗ trợ những người xung quanh nếu điều kiện cho phép, đặc biệt là đối với các hộ gia đình có nhà kiên cố, có điều kiện kinh tế cần phát huy tinh thần tương thân tương ái, giúp đỡ những người có hoàn cảnh khó khăn hơn có nơi tránh trú bão, áp thấp nhiệt đới.

2.2. Lực lượng tại chỗ:

a) Đối với chính quyền địa phương:

Khi thiên tai xảy ra thì việc sử dụng các lực lượng sẵn có tại địa bàn để ứng cứu, hỗ trợ là nhanh nhất, hiệu quả nhất. Các lực lượng tại chỗ gồm dân quân, dân phòng, đoàn thanh niên, các đội xung kích, các lực lượng vũ trang, các đơn vị chuyên trách thường trực như bộ đội, công an đóng trên địa bàn. Các lực lượng này thường trực tại chỗ trước, trong và sau thiên tai và trực tiếp nhận lệnh từ người chỉ huy.

Nhiệm vụ của các lực lượng tại chỗ là chủ động phối hợp với lực lượng vũ trang đóng trên địa bàn, lực lượng chi viện, hỗ trợ từ cấp trên và tập hợp lực lượng tại chỗ để thực hiện việc ứng phó khẩn cấp như:

- Tham gia di dời, sơ tán dân đến nơi trú ẩn an toàn;

- Hỗ trợ nhân dân chằng chống nhà cửa, thu hoạch nông sản, thủy sản để hạn chế thiệt hại.

- Tham gia cứu nạn, sơ cấp cứu cho người bị thương, đưa người bị thương đến các cơ sở y tế tập trung. Đảm bảo cung cấp các dịch vụ hậu cần trước hết là lương thực, nhu yếu phẩm, nước sạch, thuốc men, chăm sóc sức khỏe, đặc biệt là người dân tại các điểm sơ tán tập trung.

- Tham gia ứng cứu khẩn cấp các công trình phòng, chống thiên tai bị ảnh hưởng do bão, áp thấp nhiệt đới;

- Tham gia khắc phục hậu quả thiệt hại các công trình, nhà ở;

- Vệ sinh môi trường, phòng ngừa dịch bệnh, bảo vệ an ninh trật tự, an toàn xã hội ở địa phương.

b) Đối với hộ gia đình:

Trong công tác phòng chống thiên tai, với các hộ gia đình thì lực lượng tại chỗ là những lao động chính, những người có sức khỏe, nhanh nhẹn đủ sức tham gia các hoạt động ứng phó thiên tai, bảo vệ gia đình và sẵn sàng hỗ trợ chính quyền địa phương khi được huy động.

2.3. Phương tiện, vật tư tại chỗ:

a) Đối với chính quyền địa phương:

Chủ động chuẩn bị các phương tiện, vật tư, vật dụng sẵn có tại địa phương để phục vụ công tác phòng, chống bão, áp thấp nhiệt đới, đảm bảo ứng cứu nhanh và kịp thời, giảm nhẹ tới mức thấp nhất những hậu quả do thiên tai gây ra.

Ngoài việc chuẩn bị vật tư do ngân sách nhà nước cấp, chính quyền địa phương cần tổ chức vận động trong nhân dân thực hiện phong trào nhà nước và nhân dân cùng làm (nhân dân đóng góp vật tư như cừ tràm, đất, bao tải, cát,..), ký kết các thỏa thuận huy động phương tiện, vật tư của doanh nghiệp, nhân dân phục vụ cho công tác ứng phó bão, áp thấp nhiệt đới.

b) Đối với hộ gia đình:

Mỗi hộ gia đình phải chủ động chuẩn bị các phương tiện, vật tư của gia đình (xe máy, xuồng, áo phao, dây,...) để tự chằng chống nhà hoặc tự sơ tán, di dời,....

2.4. Hậu cần tại chỗ:

a) Đối với chính quyền địa phương:

Chủ động các phương án cung cấp lương thực, nước uống, thuốc chữa bệnh, các nhu yếu phẩm cần thiết,... để cấp phát cho người dân, ưu tiên đối tượng bị tổn thương, theo nguyên tắc chung là cơ bản đáp ứng các yêu cầu phục vụ tại chỗ trong lúc khẩn cấp trước khi có sự cứu trợ từ bên ngoài.

b) Đối với hộ gia đình:

Từng hộ gia đình phải chuẩn bị đầy đủ các nhu yếu phẩm thiết yếu như lương thực, thực phẩm, thuốc men, nước uống,...theo hướng dẫn của chính quyền địa phương, đảm bảo đủ dùng cho gia đình mình càng dài ngày càng tốt trước khi có sự cứu trợ.

3. Phương án ứng phó với bão, áp thấp nhiệt đới, gió mạnh trên biển theo các cấp độ rủi ro thiên tai

3.1. Thời điểm triển khai các hoạt động ứng phó bão, áp thấp nhiệt đới, gió mạnh trên biển:

Các thời điểm phải triển khai các hoạt động ứng phó bão, áp thấp nhiệt đới, gió mạnh trên biển trên địa bàn tỉnh như sau:

- Thời điểm có các bản tin dự báo dài hạn, dự báo xu thế mùa mưa bão (triển khai các hành động sớm dựa trên cảnh báo sớm).
- Thời điểm bão, áp thấp nhiệt đới gần biển Đông.

- Thời điểm bão, áp thấp nhiệt đới trên biển Đông.
- Thời điểm bão, áp thấp nhiệt đới gần bờ.
- Thời điểm bão, áp thấp nhiệt đới khẩn cấp.
- Thời điểm bão, áp thấp nhiệt đới đổ bộ.
- Sau khi bão, áp thấp nhiệt đới đi qua.
- Thời điểm có bản tin cảnh báo gió mạnh trên biển.
- Thời điểm diễn ra gió mạnh trên biển.
- Sau khi kết thúc gió mạnh trên biển.

3.2. Các kịch bản bão, áp thấp nhiệt đới, gió mạnh trên biển:

Căn cứ diễn biến thực tế của bão, áp thấp nhiệt đới đã diễn ra trên địa bàn tỉnh, Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tỉnh Cà Mau xây dựng các kịch bản ứng phó bão, áp thấp nhiệt đới, gió mạnh trên biển trên địa bàn tỉnh Cà Mau như sau:

a) Kịch bản 1: Áp thấp nhiệt đới đổ bộ vào đất liền của tỉnh với sức gió từ cấp 6 - 7, giật cấp 8, dự báo nước dâng do áp thấp nhiệt đới là 1,0m. Nước dâng do áp thấp nhiệt đới ít có khả năng tràn qua hệ thống đê biển, tuy nhiên hệ thống đê cửa sông, đê sông, bờ bao do cao trình thấp nên nước dâng do áp thấp nhiệt đới có khả năng tràn qua các công trình này. Vì vậy, đối với các xã, thị trấn có hộ dân sống ven biển, ven đê, ven các cửa sông chịu tác động của mưa dông, gió mạnh và ảnh hưởng của nước dâng gây ngập, tràn.

b) Kịch bản 2: Bão đổ bộ vào đất liền của tỉnh với sức gió từ cấp 8 đến cấp 9, giật cấp 10, cấp 11, dự báo nước dâng do bão là 2,5m. Thời điểm bão ảnh hưởng tới các tỉnh Nam bộ nói chung và tỉnh Cà Mau nói riêng thường vào thời kỳ cuối năm (từ tháng 10 đến tháng 12 và tháng 01 năm sau), thời điểm này trùng với mực nước triều cao nhất trong các tháng 10, 11, 12 và tháng 01 năm sau tại Cà Mau. Do đó nguy cơ ngập lụt phụ thuộc vào triều cường tại thời điểm bão đổ bộ vào đất liền, nước dâng do bão có khả năng tràn qua hệ thống đê biển, đê cửa sông, đê sông. Vì vậy, đối với các xã, thị trấn có hộ dân sống ven biển, ven đê, ven các cửa sông, ngoài việc chịu tác động của mưa dông, gió mạnh thì còn phải chịu ảnh hưởng của nước ngập, tràn do nước biển dâng khi có bão.

c) Kịch bản 3: Do ảnh hưởng của các hình thể thời tiết bất lợi, vùng biển ngoài khơi Nam bộ có gió Đông Bắc hoạt động mạnh. Vùng biển Cà Mau có gió cấp 6-7, giật cấp 8, sóng biển cao từ 1,5 - 5,0m, biển động, rủi ro thiên tai do gió mạnh trên biển: cấp 1. Gió mạnh trên biển chủ yếu ảnh hưởng trực tiếp đến tính mạng, tài sản và hoạt động nuôi trồng, sản xuất, khai thác thủy hải sản trên biển và có khả năng ảnh hưởng đến nhà cửa, giao thông, hoạt động sản xuất ven bờ của các địa phương ven biển.

V. NỘI DUNG ỨNG PHÓ THEO TỪNG KỊCH BẢN

1. Kịch bản 1: Ứng phó với áp thấp nhiệt đới (ATNĐ)

1.1. Giai đoạn 1: Ứng phó với ATNĐ gần biển Đông

Khi ATNĐ hoạt động gần biển Đông và có khả năng di chuyển vào biển Đông trong 48 giờ tới. Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn các ngành, các cấp, các đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan thực hiện những nhiệm vụ cụ thể như sau:

*** Nhiệm vụ 1:** Theo dõi chặt chẽ diễn biến của ATNĐ; thông báo cho nhân dân, đặc biệt là các chủ tàu, thuyền trưởng biết để có kế hoạch sản xuất phù hợp, đảm bảo an toàn cho người và phương tiện.

⇒ Thực hiện ngay khi có tin ATNĐ.

*** Nhiệm vụ 2:** Báo, đài, cơ quan thông tấn, viễn thông,... tiến hành cập nhật thông tin, tăng cường thời lượng phát sóng, tin, bài, phóng sự,... về diễn biến của ATNĐ, các kỹ năng, kinh nghiệm, biện pháp ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai,...

⇒ Thực hiện ngay khi có tin ATNĐ, đồng thời duy trì liên tục trước, trong và sau ATNĐ.

*** Nhiệm vụ 3:** Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn các ngành, các cấp rà soát lại các phương án, kế hoạch đã xây dựng để sẵn sàng ứng phó trong trường hợp ATNĐ di chuyển vào biển Đông và có khả năng ảnh hưởng đến tỉnh Cà Mau.

⇒ Thực hiện ngay khi có tin ATNĐ gần biển Đông.

*** Nhiệm vụ 4:** Tăng cường hoạt động của các Đài trực canh, thông tin kịp thời cho tàu thuyền.

⇒ Thực hiện ngay khi có tin ATNĐ gần biển Đông, đồng thời duy trì liên tục trước, trong và sau ATNĐ.

1.2. Giai đoạn 2: Ứng phó với ATNĐ trên biển Đông

Vị trí tâm ATNĐ nằm trên biển Đông (vượt qua kinh tuyến 120⁰) cách điểm gần nhất thuộc bờ biển đất liền Việt Nam trên 1.000km và có khả năng di chuyển về phía đất liền Cà Mau trong 48 giờ tới hoặc vị trí tâm ATNĐ cách bờ biển Cà Mau từ 500 - 1.000km và chưa có khả năng di chuyển về phía đất liền Cà Mau trong 48 giờ. Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tỉnh ban hành Văn bản theo dõi, ứng phó với ATNĐ. Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn các ngành, các cấp, các đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan thực hiện những nhiệm vụ cụ thể như sau:

*** Nhiệm vụ 1:** Tổ chức trực ban nghiêm túc 24/24 đối với các đơn vị làm công tác PCTT&TKCN trên địa bàn tỉnh, theo dõi chặt chẽ diễn biến của ATNĐ; thông báo cho nhân dân, đặc biệt là các chủ tàu, thuyền trưởng biết.

⇒ *Thực hiện ngay khi có Văn bản chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tỉnh.*

* **Nhiệm vụ 2:** Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh tiến hành kiểm đếm tàu thuyền đánh bắt xa bờ, thường xuyên giữ thông tin liên lạc và hướng dẫn tàu thuyền thoát ra, không đi vào khu vực nguy hiểm, kêu gọi vào bờ hoặc tìm nơi tránh trú an toàn; chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Chi cục Thủy sản) tăng cường ứng dụng hệ thống giám sát tàu trong công tác rà soát, kiểm đếm và kêu gọi tàu thuyền tránh trú ATNĐ.

⇒ *Thực hiện ngay khi có Văn bản chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tỉnh.*

* **Nhiệm vụ 3:** Kiểm tra, rà soát công tác chuẩn bị ứng phó với ATNĐ, cụ thể:

- Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn các ngành, các cấp phân công cán bộ kiểm tra đôn đốc việc chuẩn bị triển khai các phương án phòng tránh ATNĐ theo phương châm “04 tại chỗ” của ngành mình, cấp mình.

- Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn các huyện, thành phố Cà Mau chỉ đạo các đơn vị tiến hành kiểm tra, rà soát số lượng, đối tượng người dân cần di dời sơ tán, nơi sơ tán đến, lực lượng, phương tiện, điều kiện y tế, lương thực thực phẩm phục vụ cho công tác sơ tán, sẵn sàng triển khai khi có yêu cầu.

- Đối với các địa phương có hoạt động nuôi trồng thủy, hải sản bằng lồng, bè thì tiến hành rà soát, kiểm đếm, cập nhật số lượng lồng, bè hiện có, ước tính sản lượng và đưa ra các giải pháp xử lý thích hợp (*Danh sách lồng bè nuôi trồng thủy sản theo Phụ lục XI*).

⇒ *Hoàn thành trước 24h từ thời điểm có dự báo ATNĐ đổ bộ.*

1.3. Giai đoạn 3: Ứng phó với ATNĐ gần bờ

Vị trí tâm ATNĐ cách bờ biển tỉnh Cà Mau từ 500 đến 1.000 km và có khả năng di chuyển về phía đất liền Cà Mau trong 48 giờ tới hoặc vị trí tâm ATNĐ cách bờ biển Cà Mau từ 300 đến dưới 500 km và chưa có khả năng di chuyển về phía Cà Mau trong 48 giờ tới. Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tỉnh ban hành Văn bản ứng phó với ATNĐ gần bờ. Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn các ngành, các cấp, các đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan thực hiện những nhiệm vụ cụ thể như sau:

* **Nhiệm vụ 1:** Trực ban nghiêm túc 24/24 trên địa bàn toàn tỉnh, theo dõi chặt chẽ diễn biến của ATNĐ; thông báo cho nhân dân, đặc biệt là các chủ tàu, thuyền trưởng biết.

⇒ *Thực hiện ngay khi có Văn bản chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tỉnh.*

* **Nhiệm vụ 2:** Tiếp tục kiểm đếm tàu thuyền; thường xuyên giữ thông tin liên lạc và hướng dẫn tàu thuyền thoát ra, không đi vào khu vực nguy hiểm, kêu gọi vào bờ hoặc tìm nơi tránh trú an toàn, cụ thể:

- Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh chỉ đạo các Đồn, Trạm Biên phòng kiểm đếm tàu cá từ 20CV trở lên do cấp tỉnh quản lý.

- Ủy ban nhân dân cấp huyện chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp xã kiểm đếm tàu cá dưới 20CV do cấp huyện quản lý, kể cả các phương tiện thủy gia dụng tham gia khai thác thủy sản, phối hợp với các lực lượng chức năng (Đồn Biên phòng, Thanh tra Giao thông vận tải, Cảnh sát giao thông đường thủy) lập các chốt tại các cửa biển không có Đồn, Trạm biên phòng để kiểm soát tàu thuyền.

⇒ *Thực hiện ngay khi có Văn bản chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tỉnh.*

* **Nhiệm vụ 3:** Lập Sở Chỉ huy tiền phương, phân công cán bộ địa bàn.

- Sở Chỉ huy tiền phương cấp tỉnh: Đặt tại 05 vị trí đã được xác định.

+ Vị trí 1: Đặt tại Ủy ban nhân dân tỉnh.

+ Vị trí 2: Đặt tại Ủy ban nhân dân huyện U Minh.

+ Vị trí 3: Đặt tại Ủy ban nhân dân huyện Trần Văn Thời.

+ Vị trí 4: Đặt tại Ủy ban nhân dân huyện Đầm Dơi.

+ Vị trí 5: Đặt tại Ủy ban nhân dân huyện Năm Căn.

- Sở Chỉ huy tiền phương cấp huyện: Do Ủy ban nhân dân huyện, thành phố xác định.

- Phân công thành viên Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tỉnh xuống địa bàn phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp huyện trực tiếp chỉ đạo công tác ứng phó ATNĐ.

⇒ *Thực hiện ngay khi có thông tin dự báo ATNĐ gần bờ.*

* **Nhiệm vụ 4:** Triển khai các phương án cụ thể gồm:

a) Phương án chằng chống nhà: Toàn tỉnh có 99.511 căn nhà thuộc diện phải chằng chống ứng phó bão. Trong đó:

Thành phố Cà Mau:	9.076 nhà.
Huyện Thới Bình:	11.636 nhà.
Huyện Cái Nước:	6.914 nhà.
Huyện U Minh:	15.303 nhà.
Huyện Trần Văn Thời:	10.552 nhà.
Huyện Phú Tân:	7.394 nhà.
Huyện Ngọc Hiển:	9.545 nhà.
Huyện Đầm Dơi:	21.906 nhà.

Huyện Năm Căn: 7.185 nhà.

- Ủy ban nhân dân cấp huyện chỉ đạo cho chính quyền xã, ấp khẩn trương rà soát lại số lượng nhà thuộc diện phải chằng chống và thông báo cho người dân biết để chuẩn bị vật tư (Đối với nhiều ngôi nhà thuộc diện nhà tạm bợ đã cũ nát, không có khả năng chống chịu được ATNĐ ngay cả khi đã chằng chống thì cần có phương án sơ tán người, tài sản chứ không nên chằng chống); hướng dẫn nhân dân chuẩn bị đủ vật tư để chằng chống (tận dụng vật tư cất giữ của năm trước để sử dụng, nếu không đảm bảo thì phải mua mới) và tiến hành chằng chống ngay sau đó.

- Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh chủ trì phối hợp với các lực lượng vũ trang, Ủy ban nhân dân cấp huyện, hướng dẫn người dân chằng chống đúng cách và cử lực lượng hỗ trợ nhân dân chằng chống nhà đảm bảo an toàn, đồng thời hướng dẫn người dân cách thức tháo dỡ, bảo quản vật tư sau ATNĐ để tận dụng cho những lần tiếp theo.

⇒ Hoàn thành trước 24 giờ từ thời điểm có dự báo ATNĐ đổ bộ.

b) Phương án di dời, sơ tán dân:

Tổng số dân cần di dời trên địa bàn toàn tỉnh là 25.120 hộ/91.526 người. Trong đó:

Thành phố Cà Mau:	6.370 hộ/25.658 người.
Huyện Thới Bình:	1.500 hộ/4.500 người.
Huyện Cái Nước:	5.052 hộ/19.197 người.
Huyện U Minh:	740 hộ/3.374 người.
Huyện Trần Văn Thời:	2.057 hộ/5.730 người.
Huyện Phú Tân:	2.923 hộ/10.041 người.
Huyện Huyện Ngọc Hiển:	709 hộ/5.865 người.
Huyện Đầm Dơi:	3.314 hộ/13.441 người.
Huyện Năm Căn:	3.082 hộ/13.707 người.

- Khi có thông báo ATNĐ gần bờ Ủy ban nhân dân cấp huyện chỉ đạo cho chính quyền xã, ấp khẩn trương rà soát lại số hộ thuộc diện phải di dời, sơ tán để thông báo cho người dân biết và chuẩn bị (Phải luôn đảm bảo người dân biết được họ sẽ di dời đến đâu, bằng đường nào, phương tiện gì và khi nào thì di dời,...).

- Ủy ban nhân dân cấp huyện chủ trì phối hợp với các ngành, đoàn thể tuyên truyền, vận động người dân tự di dời theo thứ tự ưu tiên người già, phụ nữ, trẻ em rồi đến tài sản có giá trị (tận dụng các mối quan hệ gia đình, người thân quen có nhà cửa kiên cố để tiếp nhận) chỉ giữ lại những người khỏe mạnh để trông coi tài sản, nhà cửa cho đến khi có lệnh sơ tán hoàn toàn; phối hợp với Sở Giao thông vận tải thiết lập các bảng chỉ dẫn an toàn, dẫn đường đến nơi tiếp nhận sơ tán đảm bảo an toàn

(Danh sách các tuyến đường thủy, bộ phục vụ di dời dân theo Phụ lục VII).

- Tập trung di dời, sơ tán trước những người dân sống ven biển, ven rừng phòng hộ, ven đê, vùng cửa sông, người canh giữ đày hàng khơi, người sống trên các lồng bè nuôi trồng thủy sản, dân sống vùng xung yếu, vùng trũng thấp đến những địa điểm an toàn đã xác định trước *(Danh sách các điểm sơ tán an toàn theo Phụ lục VIII, danh sách phương tiện tham gia sơ tán, di dời dân theo Phụ lục IV).*

- Ban tiếp nhận sơ tán tại điểm tiếp nhận, tiếp nhận, quản lý người dân được sơ tán đến và sắp xếp, bố trí nơi ăn, ở cho người sơ tán trong suốt quá trình tránh ATNĐ, tận dụng tối đa các nguồn lực từ nhân dân để thực hiện.

- Trong quá trình sơ tán, nếu tình thế cấp bách thì cương quyết cưỡng chế di dời để đảm bảo an toàn cho người dân

(Lực lượng tham gia sơ tán di dời dân theo Phụ lục I).

⇒ Hoàn thành trước 24 giờ từ thời điểm có dự báo ATNĐ đổ bộ.

c) Phương án sắp xếp, neo đậu tàu thuyền:

► **Hiện trạng tàu cá:**

Toàn tỉnh hiện có 4.499 phương tiện với tổng công suất 568.074KW. Trong đó, số lượng tàu có chiều dài lớn nhất dưới 12 mét là 1.531 phương tiện với tổng công suất 38.829KW; Tàu có chiều dài lớn nhất từ 12 mét đến dưới 15 mét là 1.357 phương tiện với tổng công suất 140.850KW; Tàu có chiều dài lớn nhất từ 15 mét trở lên là 1.611 phương tiện với tổng công suất 388.395KW. Ngoài ra, khi xảy ra ATNĐ, áp thấp nhiệt đới còn có hàng nghìn tàu cá của các tỉnh bạn sẽ tránh trú trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

► **Hiện trạng các cảng cá, bến cá, khu neo đậu tàu thuyền:**

- Khu neo đậu tránh trú bão: Có 03 khu neo đậu tránh trú ATNĐ cho các tàu cá trên địa bàn tỉnh đang hoạt động gồm: Khu neo đậu Rạch Gốc – huyện Ngọc Hiển, sức chứa 1.000 tàu; Khu neo đậu Cái Đồi Vàm – Phú Tân, sức chứa 600 tàu; Khu neo đậu Sông Đốc – Trần Văn Thời, sức chứa 1.000 tàu. Ngoài ra khu neo đậu Khánh Hội – huyện U Minh đang trong quá trình hoàn thành thi công, sức chứa dự kiến 700 tàu.

- Cảng cá, bến cá (có khả năng neo đậu): Có 01 Cảng cá và 02 bến cá đã đầu tư xây dựng và đưa vào hoạt động, gồm: Cảng cá Sông Đốc – huyện Trần Văn Thời; bến cá Rạch Gốc – huyện Ngọc Hiển; bến cá Cái Đồi Vàm – huyện Phú Tân, với quy mô là Cảng loại I và II, chiều dài mỗi Cảng từ 40 – 200 mét. Ngoài ra, 03 công trình bến cá đang được xây dựng gồm: Bến cá Khánh Hội – huyện U Minh; bến cá Hồ Gui – xã Nguyễn Huân – huyện Đầm Dơi; bến cập tàu Bãi Nhỏ đảo Hòn Khoai – xã Tân Ân – huyện Ngọc Hiển.

(Danh sách các cảng cá, bến cá, khu neo đậu tránh trú ATNĐ theo Phụ lục IX)

- Các khu vực, vùng nước tự nhiên khác: Cà Mau có nhiều tuyến sông, luồng lạch lớn, nhỏ thông ra biển và sâu vào trong nội thủy có thể bố trí cho tàu cá neo đậu khi có bão (*Danh sách các điểm neo đậu tránh trú ATNĐ trong các kênh rạch theo Phụ lục X*).

► **Sắp xếp neo đậu tàu thuyền tránh, trú ATNĐ:**

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì phối hợp với Sở Giao thông Vận tải, Bộ Chỉ huy Bộ đội biên phòng tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện ven biển bố trí phương tiện, phân công cán bộ tham gia hướng dẫn, điều hành việc sắp xếp neo đậu tàu thuyền theo từng địa bàn; bố trí chỗ ăn, ở đảm bảo an toàn và các điều kiện khác cho số lượng thuyền viên trên tàu, đặc biệt là các tàu ngoài tỉnh khi có tình huống ATNĐ đổ bộ.

⇒ Hoàn thành trước 24 giờ từ thời điểm có dự báo ATNĐ đổ bộ.

d) **Phương án bảo vệ sản xuất:**

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chỉ đạo các đơn vị thuộc và trực thuộc triển khai thực hiện, hướng dẫn, khuyến cáo người dân tập trung một số việc sau:

- Tuyên truyền nâng cao nhận thức của nhân dân về công tác phòng, chống ATNĐ. Thông báo, hướng dẫn nhân dân chủ động áp dụng các biện pháp phòng, chống ATNĐ trong từng hoạt động sản xuất.

- Kiểm tra, thống kê số lượng gia súc, gia cầm, thủy sản, lúa, rau màu,.. nằm trong vùng dự kiến bị ngập do ATNĐ để chủ động xây dựng các phương án ứng phó.

- Một số giải pháp cụ thể:

+ Đối với nuôi trồng thủy sản: Tiến hành bồi trùc, gia cố bờ bao khu vực nuôi, lồng bè làm rào chắn để tránh thất thoát tôm nuôi, cá nuôi; chủ động di dời các lồng, bè đến nơi an toàn để tránh va đập và dòng chảy mạnh cũng như phải tháo dỡ chòi canh, nhà ở trên lồng, bè để giảm tác động của gió, tuyệt đối không được để cho người ở lại trên lồng, bè; đối với các ao nuôi tôm thâm canh và siêu thâm canh thì cần kiểm tra lại các trang thiết bị, máy móc, hệ thống cung cấp oxy, chuẩn bị phương án máy phát điện dự phòng sao cho đảm bảo cung cấp đủ oxy khi cúp điện nhằm tránh thiệt hại tối đa cho tôm. Chuẩn bị vôi, thuốc, hóa chất, men vi sinh,.. để kịp thời xử lý khi mưa lớn nhằm hạn chế tác động do thay đổi môi trường đột ngột. Giảm lượng thức ăn, kiểm tra thường xuyên các yếu tố môi trường để kịp thời xử lý; tiếp tục thu hoạch trước ATNĐ đối với các ao nuôi, lồng bè đã đạt kích cỡ thu hoạch hoặc không đủ điều kiện an toàn khi có ATNĐ đi qua.

+ Đối với sản xuất lúa: Tập trung nhân lực, phương tiện sẵn có để thu hoạch ngay các diện tích lúa đã đến thời kỳ thu hoạch, diện tích còn lại chưa thu hoạch kịp thì bơm tát, rút cạn nước trên mặt ruộng để tránh làm giảm chất lượng hạt gạo do ATNĐ đi qua gây đổ ngã, ngập úng, chờ ATNĐ tan thì tiến hành thu hoạch ngay. Riêng các diện lúa mới gieo sạ, hoặc đang giai đoạn trở đòng, cần chủ động

rút nước ở ruộng, kênh rạch phù hợp với tình hình của từng địa phương, chuẩn bị các phương tiện để tiêu úng kịp thời.

+ Đối với diện tích cây rau màu, cây công nghiệp ngắn ngày vụ mùa trên đất chuyên màu, chú trọng tiêu thoát nước khi mưa lớn; tập trung chăm sóc sớm những diện tích đã gieo trồng, bảo đảm cho cây sinh trưởng phát triển tốt.

+ Đối với cây ăn trái: cắt tỉa cành cây để hạn chế đổ ngã, giảm thiệt hại do ATNĐ gây ra; chuẩn bị các phương tiện để tiêu úng kịp thời; đối với loại cây thân giả như chuối thì dùng cây chống đỡ, những cây có thân yếu, bộ tán nặng, cây đang ra trái thì cần phải cắm cọc để giữ cây.

+ Đối với chăn nuôi gia súc, gia cầm: kiểm tra, chằng chống lại chuồng trại, đảm bảo vững chắc, mái chuồng phải gia cố để hạn chế bị tốc mái khi có ATNĐ, kiểm tra lại rèm che để tránh mưa tạt, gió lùa vào chuồng nuôi; tăng cường chăm sóc vật nuôi để chống dịch bệnh; hạn chế chăn thả; dự trữ thức ăn, một số hóa chất khử trùng nước để đảm bảo đủ nước sạch cho vật nuôi uống, một số vật tư thuốc thú y cần thiết; chủ động phương án thấp sáng và tưới ẩm dự phòng để giữ ẩm cho vật nuôi.

⇒ Hoàn thành trước 24 giờ từ thời điểm dự báo ATNĐ đổ bộ.

e) Phương án đảm bảo an ninh trật tự:

- Sở Giao thông - Vận tải tổ chức kiểm tra lại các tuyến đường giao thông trọng điểm, phát hiện kịp thời các chướng ngại vật, ổ gà, ổ lồi, xuống cấp để tiến hành thực hiện các giải pháp khẩn cấp nhằm đảm bảo thông đường, thông tuyến trong suốt thời gian ATNĐ xảy ra. Giao nhiệm vụ cụ thể cho từng đội duy tu sửa chữa, điều động lực lượng giải quyết nhanh, ưu tiên theo thứ tự Quốc lộ, tỉnh lộ, huyện lộ, đặc biệt lưu ý những trục giao thông chính đảm bảo vận chuyển người, lương thực... trong khi ATNĐ xảy ra. Bố trí cụ thể phương tiện để vận chuyển sơ tán dân tránh ATNĐ theo kế hoạch, yêu cầu của Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn của tỉnh.

- Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh phối hợp với Công an tỉnh, Bộ Chỉ huy Bộ đội biên phòng tỉnh triển khai lực lượng, phương tiện (xe tải, xe buýt, ca nô, tàu, thuyền, xuồng...) chi viện cho các xã phường trọng yếu di dời, sơ tán dân và tài sản của dân tại các khu vực bị ảnh hưởng của ATNĐ, bị chia cắt đến nơi tạm cư, hỗ trợ nhân dân đi lại an toàn và tổ chức việc cứu hộ - cứu nạn trên các địa bàn bị ảnh hưởng; sẵn sàng phối hợp với các đơn vị hỗ trợ, tiếp ứng cho các địa phương khi cần thiết.

- Công an tỉnh triển khai các lực lượng để bảo vệ an ninh trật tự, an toàn xã hội, các công trình trọng điểm, tài sản của nhân dân, Nhà nước và doanh nghiệp, ngăn ngừa các đối tượng xấu lợi dụng tình hình thiên tai để trộm cắp, cướp giật; chỉ đạo lực lượng Cảnh sát cơ động, Cảnh sát giao thông triển khai lực lượng phân luồng, điều phối, hướng dẫn giao thông tại các tuyến đường nguy hiểm, để người dân biết và hạn chế đi lại; đảm bảo giao thông huyết mạch tại các tuyến đường

quan trọng, phục vụ công tác di dời dân, cứu hộ, cứu nạn, cứu sập, cứu trợ xã hội,...

⇒ Hoàn thành trước 24 giờ từ thời điểm dự báo ATNĐ đổ bộ, đồng thời duy trì thường xuyên, liên tục trước, trong và sau ATNĐ.

g) Phương án đảm bảo thông tin liên lạc:

- Sở Thông tin và Truyền thông chỉ đạo các doanh nghiệp viễn thông thường xuyên gia cố các nhà trạm, cột ăng ten, mạng ngoại vi; kiểm tra, sửa chữa, bổ sung kịp thời các trang thiết bị, vật tư dự phòng cho mạng lưới bưu chính viễn thông như: trạm BTS lưu động, máy điện thoại, máy bộ đàm, dây chống sét, cầu chì, thiết bị truyền dẫn chuyên mạch, máy phát điện... đảm bảo thông tin liên lạc thông suốt từ Trung ương đến địa phương, phục vụ cho công tác phòng, chống ATNĐ nhất là việc thông tin từ các bộ phận và các huyện về trung tâm phụ trách các khu vực như đã phân công và ngược lại cũng như bảo đảm thông tin liên lạc từ Chỉ huy các khu vực về tỉnh và Trung ương.

- Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh tăng cường trang bị các máy vô tuyến sóng ngắn liên lạc tầm xa của ngành, xây dựng phương án bố trí lực lượng cùng với hệ thống thông tin liên lạc chủ động tại các Sở tiền phương trọng yếu, hỗ trợ tối đa cho công tác chỉ đạo điều hành ứng phó ATNĐ.

- Điện lực Cà Mau tiến hành kiểm tra tất cả các trụ điện cao, trung và hạ thế, hành lang an toàn lưới điện khu vực các huyện, thành phố Cà Mau; tiến hành phát quang hành lang tuyến, đặc biệt các cây có thể đổ ngã vào đường dây điện hoặc trụ điện khi ATNĐ đổ bộ. Kiểm tra hệ thống lưới điện, đặc biệt lưu ý đến khu vực ven sông, cửa sông, những khu vực thường xảy ra sạt lở. Chuẩn bị phương tiện xe tải, xe cầu, dự phòng vật tư và các thiết bị cần thiết để thay thế ngay khi có sự cố. Khi nhận được thông báo tình hình diễn biến của ATNĐ sẽ đổ bộ, trong trường hợp cần thiết phải lập tức cắt điện cô lập khu vực có nguy cơ ảnh hưởng của ATNĐ mà không cần thông báo trước nhằm đảm bảo an toàn tính mạng cho nhân dân, đồng thời sử dụng máy phát điện dự phòng để phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành phòng, chống ATNĐ ở những khu vực mất điện.

⇒ Hoàn thành trước 24 giờ từ thời điểm có dự báo ATNĐ đổ bộ.

1.4. Giai đoạn 4: Ứng phó với ATNĐ khẩn cấp

Vị trí tâm ATNĐ cách điểm gần nhất thuộc bờ biển đất liền tỉnh Cà Mau dưới 300 km hoặc vị trí tâm ATNĐ cách điểm gần nhất thuộc bờ biển đất liền tỉnh Cà Mau từ 300 đến 500 km và có khả năng di chuyển về phía đất liền tỉnh Cà Mau trong 48 giờ tới. Ủy ban nhân dân, Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tỉnh ban hành Công điện ứng phó với ATNĐ khẩn cấp. Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn các ngành, các cấp, các đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan khẩn trương thực hiện những nhiệm vụ cụ thể như sau:

* **Nhiệm vụ 1:** Tiếp tục trực ban nghiêm túc 24/24 trên địa bàn toàn tỉnh, theo dõi chặt chẽ diễn biến của ATNĐ. Kiểm tra, rà soát đảm bảo hoàn thành tất cả các nhiệm vụ tại Phương án ứng phó với ATNĐ gần bờ, đặc biệt chú trọng công tác sơ

tán di dời dân, áp dụng các biện pháp cưỡng chế di dời trong trường hợp cần thiết để đảm bảo an toàn cho người và tài sản trước khi ATNĐ đổ bộ.

* **Nhiệm vụ 2:** Thông báo cấm tàu thuyền ra biển hoạt động; thường xuyên giữ thông tin liên lạc và hướng dẫn tàu thuyền thoát ra, không đi vào khu vực nguy hiểm, kêu gọi tàu thuyền vào bờ hoặc tìm nơi tránh trú khẩn cấp. Tăng cường tuần tra, kiểm soát tại các cửa sông, cửa biển, các khu neo đậu tàu thuyền ở địa phương, tuyệt đối không để ngư dân trốn ra khơi hoặc ở lại các nơi canh giữ đáy hàng khơi, kịp thời bắn pháo hiệu kêu gọi tàu thuyền theo đúng quy định.

⇒ Hoàn thành trước 12 giờ kể từ thời điểm dự báo ATNĐ đổ bộ.

* **Nhiệm vụ 3:** Triển khai Phương án tìm kiếm cứu hộ, cứu nạn:

- Các khu vực tìm kiếm cứu hộ, cứu nạn gồm: vùng ven biển, vùng sông, cửa sông; các khu vực có công trình, nhà cửa bị sập,...

- Địa điểm tập kết lực lượng, phương tiện, trang thiết bị tìm kiếm cứu hộ - cứu nạn trên biển: Các Cảng cá, Bến cá, Khu neo đậu tránh trú ATNĐ.

- Địa điểm tập kết lực lượng, phương tiện, trang thiết bị tìm kiếm cứu hộ - cứu nạn trên đất liền: Trụ sở đóng quân của các lực lượng Quân sự, Công an, Biên phòng, phòng cháy chữa cháy; các điểm tập kết phương tiện của Sở Giao thông vận tải,...

- Địa điểm tiếp nhận, sơ cấp cứu người bị nạn: Trung tâm y tế, Hội Chữ Thập đỏ các xã, thị trấn; các điểm sơ cấp cứu lưu động trên địa bàn.

- Lực lượng, phương tiện, trang thiết bị bao gồm lực lượng, phương tiện, trang thiết bị đã được đầu tư, trang bị, phân bổ theo quy định của các đơn vị: Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Phòng Cảnh sát Phòng cháy chữa cháy và Cứu nạn cứu hộ Công an tỉnh, Cảng vụ Hàng hải, Chi cục Thủy sản tỉnh, Đội tàu cứu hộ, cứu nạn tỉnh, ... (Danh sách trang thiết bị tham gia ứng phó, khắc phục hậu quả ATNĐ, áp thấp nhiệt đới theo Phụ lục V).

- Các lực lượng làm nhiệm vụ tìm kiếm cứu hộ, cứu nạn trực ban 24/24, chuẩn bị đầy đủ cơ sở nhiên liệu, lương thực, nước uống cho hoạt động tìm kiếm cứu nạn trong 07 ngày; trang bị đầy đủ các trang thiết bị về y tế sơ cấp cứu; áo phao, phao cứu sinh phải đảm bảo đủ số lượng, chất lượng và chủng loại, sẵn sàng điều động phương tiện khi có tín hiệu cứu nạn, cứu hộ.

- Sở Y tế củng cố, duy trì các đội cấp cứu tại chỗ và cơ động để kịp thời chữa trị cho nạn nhân bị tai nạn do thiên tai, đồng thời di chuyển nạn nhân đến các cơ sở y tế gần nhất để chữa trị; thực hiện việc huy động lực lượng y bác sĩ, chỉ đạo hệ thống bệnh viện, trạm xá trong tỉnh, phục vụ việc sơ cứu, cấp cứu.

- Hệ thống thông tin liên lạc là các đài trực canh của lực lượng Biên phòng, Đài Thông tin Duyên hải, ... với các tần số và thời gian lên sóng cụ thể và thông báo thường xuyên đến tàu thuyền.

- Trường hợp tàu cá bị nạn ở khu vực gần bờ, khi phát hiện, tiếp nhận thông tin thì Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh, tàu kiểm ngư của Chi cục Thủy sản báo

cáo nhanh hoặc báo cáo trực tiếp vụ việc (nếu khẩn cấp) về Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tỉnh và tổ chức cứu hộ, cứu nạn; trường hợp tàu cá gặp sự cố xa bờ, tàu của các cơ quan tìm kiếm cứu nạn tỉnh không thể ra kịp thì khẩn trương gọi điện báo Ủy Ban Quốc gia ứng phó sự cố thiên tai và tìm kiếm cứu nạn hoặc Trung tâm tìm kiếm cứu nạn vùng gần nhất hỗ trợ, ứng cứu, đồng thời Báo cáo Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tỉnh.

⇒ Công tác tìm kiếm cứu hộ, cứu nạn thực hiện thường xuyên, liên tục trước, trong và sau ATNĐ.

1.5. Giai đoạn 5: Ứng phó ATNĐ trên đất liền

Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn các ngành, các cấp, các đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan thực hiện những nhiệm vụ cụ thể như sau:

* **Nhiệm vụ 1:** Tiếp tục trực ban nghiêm túc 24/24 trên địa bàn toàn tỉnh, theo dõi chặt chẽ diễn biến của ATNĐ. Tiếp tục triển khai các phương án đảm bảo an ninh trật tự, tìm kiếm cứu hộ cứu nạn.

* **Nhiệm vụ 2:** Tiếp tục thực hiện phương án đảm bảo thông tin liên lạc, đồng thời sẵn sàng triển khai hệ thống máy phát điện, hệ thống thông tin liên lạc chỉ huy chuyên dụng sử dụng trong điều kiện hệ thống thông tin công cộng không hoạt động, hệ thống điện bị cắt hoàn toàn.

* **Nhiệm vụ 3:** Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn các huyện và thành phố Cà Mau liên tục cập nhật thông tin mọi diễn biến, ảnh hưởng của ATNĐ, kịp thời báo cáo thiệt hại về Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh và Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tỉnh (qua Văn phòng thường trực) để tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tỉnh.

1.6. Giai đoạn 6: Tìm kiếm cứu nạn sau ATNĐ, khắc phục hậu quả do ATNĐ gây ra

Các sở, ngành, địa phương ưu tiên thực hiện nhiệm vụ theo thứ tự ưu tiên lần lượt như sau:

- Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Giao thông Vận tải, Ủy ban nhân dân các huyện và Thành phố Cà Mau chỉ đạo ngay các cơ quan chức năng khẩn trương tăng cường lực lượng phối hợp chặt chẽ với các lực lượng làm nhiệm vụ tìm kiếm cứu nạn các tỉnh lân cận và khu vực tổ chức tìm kiếm nạn nhân còn mất tích và phải đảm bảo an toàn tuyệt đối cho người và phương tiện tham gia tìm kiếm cứu nạn, đồng thời, chỉ đạo cơ quan chức năng khẩn trương rà soát, thống kê các phương tiện và người còn đang bị nạn để tiếp tục tổ chức tìm kiếm, cứu nạn, kịp thời.

- Sở Y tế chỉ đạo cho các cơ sở khám, chữa bệnh từ tỉnh đến huyện, xã khẩn trương ổn định cơ sở vật chất, thuốc, trang thiết bị, duy trì chế độ trực ban, trực cấp

cứu sẵn sàng tiếp nhận người bị nạn do mưa ATNĐ; duy trì các đội cấp cứu cơ động ứng trực, sẵn sàng cơ động hỗ trợ ứng cứu khi có lệnh; tăng cường giám sát các ca bệnh; bảo đảm việc tiếp nhận, cấp cứu, điều trị và cách ly bệnh nhân khi có dịch bệnh truyền nhiễm xảy ra; triển khai các biện pháp xử lý vệ sinh môi trường, xử lý nguồn nước, ăn uống, sinh hoạt,...; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát vệ sinh phòng, chống dịch bệnh sau thiên tai; đẩy mạnh hoạt động truyền thông, khuyến cáo nhân dân vùng bị thiên tai trong công tác vệ sinh môi trường, phòng chống dịch bệnh.

- Sở Lao động Thương binh và Xã hội, Hội Chữ thập đỏ, Hội Liên hiệp Phụ nữ, các cơ quan Mặt trận, Đoàn thể,... bố trí lực lượng túc trực tại các vùng dân cư sơ tán tập trung; đảm bảo cung cấp đầy đủ hàng hóa, lương thực, thực phẩm, nhu yếu phẩm thiết yếu, nước uống,... cho nhân dân.

- Sở Công thương tăng cường công tác quản lý thị trường, đảm bảo bình ổn giá các mặt hàng thiết yếu phục vụ sản xuất và đời sống của nhân dân, tuyệt đối không để tư thương lợi dụng tăng giá các vật tư, nguyên vật liệu, nhiên liệu...trước, trong và sau khi ATNĐ xảy ra; phối hợp với các ngành chức năng xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm; phối hợp với Điện lực tỉnh khắc phục các sự cố bảo đảm khôi phục điện trong thời gian sớm nhất.

- Sở Thông tin và Truyền thông cùng các nhà mạng tập trung bảo đảm an toàn thông tin, liên lạc thông suốt.

- Sở Giao thông vận tải, Công ty cấp thoát nước và công trình đô thị Cà Mau, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Cà Mau bố trí ngay lực lượng cơ động tham gia trong việc dọn dẹp các cây đổ ngã và vật cản trên đường bộ đảm bảo việc lưu thông thông suốt.

- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tập trung xử lý sự cố đê điều, cống, đập,...

- Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố chỉ đạo Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn cấp huyện, xã tiến hành ngay việc thống kê, đánh giá thiệt hại do thiên tai; lập thủ tục hỗ trợ khôi phục sản xuất theo đúng quy định hiện hành, báo cáo kết quả thực hiện về Ủy ban nhân dân, Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tỉnh; trong thời gian ngắn nhất, huy động các nguồn lực tổ chức thu dọn cây xanh, các công trình..., bị ngã đổ; sửa chữa trường học, bệnh viện, các công trình công cộng bị hư hỏng khác,...

⇒ Thực hiện ngay sau khi ATNĐ đi qua.

2. Kịch bản 2: Ứng phó với bão

Công tác ứng phó bão cũng bao gồm 06 giai đoạn như ứng phó với áp thấp nhiệt đới nhưng với cấp gió lớn hơn, khả năng gây thiệt hại lớn hơn nên công tác ứng phó cần huy động tất cả các nguồn lực có trên địa bàn tỉnh (nhân lực, trang thiết bị, phương tiện, nhu yếu phẩm, thuốc men, thiết bị y tế,...), đảm bảo đủ khả năng ứng phó với bão theo tinh thần an toàn, tiết kiệm, hiệu quả, cụ thể các hoạt động ứng phó cần tăng cường hơn khi ứng phó áp thấp nhiệt đới, cụ thể:

Tại Giai đoạn 2: Ứng phó với bão trên biển Đông, cần triển khai phương án sơ tán, di dời dân với số lượng lớn hơn khi ứng phó áp thấp nhiệt đới, cụ thể từng địa phương như sau:

** Toàn tỉnh có 99.511 căn nhà thuộc diện phải chằng chống ứng phó bão. Trong đó:*

Thành phố Cà Mau:	9.076 nhà.
Huyện Thới Bình:	11.636 nhà.
Huyện Cái Nước:	6.914 nhà.
Huyện U Minh:	15.303 nhà.
Huyện Trần Văn Thời:	10.552 nhà.
Huyện Phú Tân:	7.394 nhà.
Huyện Ngọc Hiển:	9.545 nhà.
Huyện Đầm Dơi:	21.906 nhà.
Huyện Năm Căn:	7.185 nhà.

** Đối với ứng phó bão, ngoài việc di dời dân đến nơi trú ẩn an toàn, trong trường hợp người dân vượt quá khả năng đáp ứng của các điểm tránh trú, cần sơ tán dân đi nơi khác (sơ tán qua các xã lân cận hoặc về trung tâm huyện, thành phố), cụ thể từng địa phương như sau:*

► Di dời tại chỗ 237.790 người:

Huyện Ngọc Hiển:	21.509 người.
Huyện Đầm Dơi:	43.273 người.
Huyện Cái Nước:	33.726 người.
Huyện Năm Căn:	20.115 người.
Huyện Thới Bình:	28.080 người.
Thành Phố Cà Mau:	25.658 người.
Huyện Phú Tân:	4.504 người.
Huyện U Minh:	32.437 người.
Huyện Trần Văn Thời:	11.570 người.

► Sơ tán đi nơi khác 77.924 người: Sơ tán qua xã khác hoặc về trung tâm huyện, thành phố. Trong đó:

Huyện Ngọc Hiển:	13.113 người.
Huyện Đầm Dơi:	30.769 người.
Huyện Năm Căn:	17.448 người.
Huyện U Minh:	8.615 người.

Huyện Trần Văn Thời:	4.488 người.
Huyện Phú Tân:	17.417 người.

3. Kịch bản 3: Ứng phó với gió mạnh trên biển

Công tác ứng phó với gió mạnh trên biển bao gồm 02 giai đoạn, chủ yếu là ứng phó trên biển và các cụm đảo, công tác ứng phó trên đất liền chủ yếu là các địa phương ven biển, ở qui mô nhỏ, cụ thể như sau:

3.1. Giai đoạn 1: Khi có bản tin gió mạnh trên biển

Khi gió mạnh trên biển hoạt động trên biển Đông, có khả năng ảnh hưởng đến tính mạng, tài sản, hoạt động nuôi trồng, sản xuất, khai thác thủy hải sản trên biển. Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn các ngành, các cấp, các đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan thực hiện những nhiệm vụ cụ thể như sau:

*** Nhiệm vụ 1:** Theo dõi chặt chẽ diễn biến của gió mạnh trên biển; thông báo cho nhân dân, đặc biệt là các chủ tàu, thuyền trưởng biết để có kế hoạch sản xuất phù hợp, đảm bảo an toàn cho người và phương tiện.

⇒ Thực hiện ngay khi có tin gió mạnh trên biển.

*** Nhiệm vụ 2:** Báo, đài, cơ quan thông tấn, viễn thông,... tiến hành cập nhật thông tin, tăng cường thời lượng phát sóng, tin, bài, phóng sự,... về diễn biến của gió mạnh trên biển, các kỹ năng, kinh nghiệm, biện pháp ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai,...

⇒ Thực hiện ngay khi có tin gió mạnh trên biển, đồng thời duy trì liên tục trong và sau gió mạnh trên biển.

*** Nhiệm vụ 3:** Tăng cường hoạt động của các Đài trực canh, thông tin kịp thời cho tàu thuyền. Các địa phương ven biển rà soát số lượng nhà cần gia cố, chằng chống, các lồng bè nuôi trồng thủy sản trên biển, quanh các đảo, cửa biển cần gia cố, sẵn sàng ứng phó gió mạnh trên biển, hạn chế đến mức thấp nhất do gió mạnh trên biển gây ra.

⇒ Thực hiện ngay khi có tin gió mạnh trên biển, đồng thời duy trì liên tục trong và sau khi có gió mạnh trên biển.

3.2. Giai đoạn 2: Ứng phó trong và sau thời gian diễn ra gió mạnh trên biển

Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn các ngành, các cấp, các đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan khẩn trương thực hiện những nhiệm vụ cụ thể như sau:

*** Nhiệm vụ 1:** Trục ban nghiêm túc, theo dõi chặt chẽ diễn biến của gió mạnh trên biển. Kiểm tra, rà soát đảm bảo hoàn thành tất cả các nhiệm vụ tại giai đoạn ứng phó với gió mạnh trên biển khi có bản tin, đặc biệt chú trọng công tác đảm bảo an toàn cho lồng bè nuôi trồng thủy sản, tàu thuyền đang hoạt động hoặc neo đậu, nhà ở, công trình ven biển.

(Danh sách lồng bè nuôi trồng thủy sản theo Phụ lục XI).

* **Nhiệm vụ 2:** Tăng cường tuần tra, kiểm soát tại các cửa sông, cửa biển, quanh các đảo, các khu neo đậu tàu thuyền ở địa phương, hướng dẫn tàu thuyền neo đậu an toàn đối với các tàu neo đậu.

⇒ Hoàn thành trước 12 giờ kể từ thời điểm dự báo có gió mạnh trên biển.

* **Nhiệm vụ 3:** Triển khai Phương án tìm kiếm cứu hộ, cứu nạn:

- Các khu vực tìm kiếm cứu hộ, cứu nạn gồm: vùng lồng, vùng khơi, vùng ven biển, vùng cửa sông,...

- Địa điểm tập kết lực lượng, phương tiện, trang thiết bị tìm kiếm cứu hộ - cứu nạn trên biển: Các Cảng cá, Bến cá, Khu neo đậu tránh trú gió mạnh trên biển, các Đồn, Trạm Biên phòng.

- Địa điểm tiếp nhận, sơ cấp cứu người bị nạn: các Đồn, Trạm Biên phòng, Trung tâm y tế, Hội Chữ Thập đỏ các xã, thị trấn.

- Lực lượng, phương tiện, trang thiết bị bao gồm lực lượng, phương tiện, trang thiết bị đã được đầu tư, trang bị, phân bổ theo quy định của các đơn vị: Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh, Cảng vụ Hàng hải, Chi cục Thủy sản tỉnh, Đội tàu cứu hộ, cứu nạn tỉnh, ... *(Danh sách trang thiết bị tham gia ứng phó, khắc phục hậu quả gió mạnh trên biển, theo Phụ lục XIII).*

- Các lực lượng làm nhiệm vụ tìm kiếm cứu hộ, cứu nạn trực ban theo quy định, chuẩn bị đầy đủ cơ sở nhiên liệu, lương thực, nước uống cho hoạt động tìm kiếm cứu nạn; trang bị đầy đủ các trang thiết bị về y tế sơ cấp cứu; áo phao, phao cứu sinh phải đảm bảo đủ số lượng, chất lượng và chủng loại, sẵn sàng điều động phương tiện khi có tín hiệu cứu nạn, cứu hộ.

- Hệ thống thông tin liên lạc là các đài trực canh của lực lượng Biên phòng, Đài Thông tin Duyên hải,... với các tần số và thời gian lên sóng cụ thể và thông báo thường xuyên đến tàu thuyền.

- Trường hợp tàu cá bị nạn ở khu vực gần bờ, khi phát hiện, tiếp nhận thông tin thì Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh, tàu kiểm ngư của Chi cục Thủy sản báo cáo nhanh hoặc báo cáo trực tiếp vụ việc (nếu khẩn cấp) về Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tỉnh và tổ chức cứu hộ, cứu nạn; trường hợp tàu cá gặp sự cố xa bờ, tàu của các cơ quan tìm kiếm cứu nạn tỉnh không thể ra kịp thì khẩn trương gọi điện báo Ủy Ban Quốc gia ứng phó sự cố thiên tai và tìm kiếm cứu nạn hoặc Trung tâm tìm kiếm cứu nạn vùng gần nhất, Bộ Tư lệnh Vùng Cảnh sát biển 4, Bộ Tư lệnh Hải quân vùng 5 hỗ trợ, ứng cứu, đồng thời Báo cáo Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tỉnh để chỉ huy, điều hành chung.

(Danh sách lực lượng, trang thiết bị tham gia ứng phó, khắc phục hậu quả gió mạnh trên biển, theo Phụ lục XII và XIII).

⇒ Công tác tìm kiếm cứu hộ, cứu nạn thực hiện thường xuyên, liên tục trong và sau khi diễn ra gió mạnh trên biển.

VI. TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ VÀ NHÂN DÂN TRONG CÔNG TÁC ỨNG PHÓ BÃO, ATNĐ, GIÓ MẠNH TRÊN BIỂN

1. Trách nhiệm của chủ tàu, thuyền trưởng và ngư dân

- Theo dõi sát diễn biến của bão, ATNĐ, gió mạnh trên biển qua mọi kênh thông tin, đặc biệt là qua các Đài trực canh của Bộ đội Biên phòng, Đài Thông tin Duyên hải để được hướng dẫn cách thức di chuyển an toàn; chủ động, khẩn trương tìm nơi tránh trú.

- Giữ liên lạc thường xuyên giữa tàu thuyền với lực lượng chức năng và gia đình; thường xuyên thông tin chính xác về số lượng, số hiệu tàu, số thuyền viên trên tàu, vị trí tàu đang hoạt động trên biển, số lượng tàu thuyền đã về nơi trú tránh hoặc đã di chuyển ra khỏi vùng ảnh hưởng của bão, ATNĐ, gió mạnh trên biển và thực hiện đúng hướng dẫn, chỉ thị của cơ quan chức năng, chính quyền địa phương; nếu phải tránh trú ở vùng biển nước ngoài thì thông báo cho Biên phòng, Đài thông tin duyên hải biết để hỗ trợ và phải thực hiện đúng quy định của nước bạn xin tránh trú.

- Các chủ tàu cá trên đất liền thực hiện nghiêm các chỉ thị, hướng dẫn, thông báo của các ngành chức năng; thường xuyên thông tin về diễn biến của bão, ATNĐ, gió mạnh trên biển, cảnh báo bão, ATNĐ, gió mạnh trên biển đến thuyền trưởng, các thành viên trên tàu và yêu cầu họ phải thực hiện ngay theo các hướng dẫn phòng, tránh bão, ATNĐ, gió mạnh trên biển để đảm bảo an toàn cho người và phương tiện.

- Đối với tàu thuyền đã vào bờ tại các cảng cá, bến cá, khu neo đậu tránh, trú bão, thì phải thực hiện đúng các biện pháp đảm bảo an toàn cho người và phương tiện, tuyệt đối tuân theo sự sắp xếp, quản lý của lực lượng làm nhiệm vụ ở khu vực neo đậu tàu thuyền.

2. Trách nhiệm của cộng đồng dân cư

- Đối với cộng đồng dân cư phải thường xuyên theo dõi các bản tin dự báo, cảnh báo về diễn biến của bão, ATNĐ, gió mạnh trên biển trên các phương tiện thông tin đại chúng. Thực hiện đầy đủ các nội dung văn bản của Ủy ban nhân dân, Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tỉnh qua sự hướng dẫn, chỉ đạo trực tiếp của chính quyền địa phương.

- Dự trữ lương thực, thực phẩm, nhu yếu phẩm cần thiết. Tổ chức chằng chống nhà cửa để phòng, chống bão, ATNĐ; tiếp tục chặt tỉa cành cây ở gần nhà để đảm bảo an toàn khi bão, ATNĐ đổ bộ.

- Tổ chức gia cố bờ ruộng, bờ bao nuôi trồng thủy sản, đập, cống, bọng ... để bảo vệ sản xuất, chuẩn bị các phương tiện bơm tát sẵn sàng bơm tiêu chống úng đối với các vùng sản xuất nông nghiệp, vùng trũng, thấp có nguy cơ gây ngập úng.

- Sẵn sàng thực hiện theo các phương án sơ tán, di dời dân dưới sự chỉ đạo của chính quyền địa phương khi bão, ATNĐ đổ bộ, đồng thời tham gia cùng chính

quyền địa phương trong công tác phòng, chống bão, ATNĐ, giữ gìn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội nơi ở và nơi sơ tán đến.

3. Trách nhiệm của các cấp, các ngành có liên quan

- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Thực hiện chức năng, nhiệm vụ là cơ quan thường trực Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tỉnh, tổng hợp thông tin từ các ngành, các cấp tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tỉnh chỉ đạo, xử lý kịp thời trong công tác ứng phó bão, ATNĐ, gió mạnh trên biển; phối hợp với Bộ chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Cà Mau quản lý chặt chẽ và sắp xếp neo đậu tàu thuyền đảm bảo an toàn tránh bão, ATNĐ, gió mạnh trên biển; chỉ đạo, bố trí đội tàu cứu hộ, cứu nạn tỉnh phối hợp với các lực lượng liên quan làm tốt công tác tìm kiếm cứu hộ, cứu nạn trên biển; chỉ đạo Hạt Quản lý đề điều ứng trực xử lý các sự cố về đề điều; chỉ đạo các đơn vị thuộc, trực thuộc ứng trực thực hiện kịp thời các phương án bảo vệ sản xuất cho nhân dân; phối hợp với Sở Lao động, Thương binh và Xã hội, Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư xem xét cân đối nguồn dự phòng ngân sách tỉnh, Quỹ Phòng, chống thiên tai để trình Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ hỗ trợ cho các địa phương khắc phục thiệt hại sau bão, ATNĐ, gió mạnh trên biển và đề xuất chính sách hỗ trợ người dân vùng bị thiệt hại có điều kiện sớm phục hồi sản xuất; đồng thời, hướng dẫn Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Cà Mau, giải quyết các chính sách, chế độ trợ giúp đột xuất cho các đối tượng bị thiệt hại do bão, ATNĐ, gió mạnh trên biển gây ra.

- Văn Phòng Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tỉnh: Bố trí tăng cường trực ban theo quy định để tiếp nhận và truyền phát kịp thời tin bão, ATNĐ, gió mạnh trên biển của các cơ quan dự báo khí tượng, công điện, văn bản chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, Ban Chỉ đạo Trung ương về Phòng, chống thiên tai, Ủy ban Quốc gia ứng phó sự cố thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn cho Lãnh đạo Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tỉnh, các cấp, các ngành và địa phương để theo dõi và xử lý.

- Sở Công thương chỉ đạo kiểm tra, có phương án bảo đảm vận hành an toàn hệ thống truyền tải điện; phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các cơ quan đoàn thể tỉnh tổ chức trợ giúp, cung ứng hàng hóa, chất đốt, lương thực, thực phẩm, nhu yếu phẩm cần thiết... cho những người dân phải sơ tán, di dời tránh bão, ATNĐ, cứu trợ nhân dân vùng bị thiệt hại do bão, ATNĐ, không để người dân thiếu đói trong và sau bão, ATNĐ. Sở Công thương thông báo kịp thời cho các tổ chức kinh tế và hướng dẫn, kiểm tra công tác phòng, chống bão, ATNĐ tại các kho bãi, chợ, trung tâm thương mại trọng yếu...

- Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Đài Thông tin Duyên hải, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Cà Mau theo dõi chặt chẽ diễn biến của bão, ATNĐ, gió mạnh trên biển; phát tín hiệu báo bão, ATNĐ, gió mạnh trên biển đúng quy định; kiểm đếm, kêu gọi tàu thuyền đang hoạt động tìm nơi tránh trú an toàn; kiểm soát chặt chẽ tàu thuyền hoạt động ở ven biển, cửa sông; tham mưu thực hiện cấm biển, cấm tàu thuyền

hoạt động; thiết lập hệ thống thông tin đảm bảo hoạt động liên lạc thông suốt từ trên xuống dưới, giữa Bộ đội Biên phòng với các cơ quan, đơn vị có liên quan, giữa Bộ đội Biên phòng với các tàu đánh cá trên biển.

- Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh phối hợp với Công an tỉnh, Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh, các đơn vị có liên quan tổ chức sơ tán, di dời dân đến nơi an toàn, đồng thời tổ chức lực lượng bảo vệ bảo đảm an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội tại khu vực sơ tán đến, phối hợp chặt chẽ với các đơn vị bảo đảm thông tin liên lạc thông suốt trước, trong và sau bão, ATNĐ.

- Báo, Đài và các cơ quan thông tấn báo chí thực hiện việc đưa tin về bão, ATNĐ, gió mạnh trên biển, các chỉ đạo của Trung ương, của tỉnh trong công tác ứng phó bão, ATNĐ, gió mạnh trên biển một cách thường xuyên, liên tục với tần suất và thời lượng được tăng cường, đặc biệt là chuyên mục về phòng chống thiên tai.

- Ủy ban nhân dân các huyện và thành phố Cà Mau (*các địa phương không giáp biển chỉ thực hiện nhiệm vụ có liên quan đến công tác ứng phó bão và áp thấp nhiệt đới*):

+ Tăng cường công tác tuyên truyền theo chiều sâu; thực hiện thường xuyên, liên tục bằng mọi biện pháp, đảm bảo thông tin về bão, ATNĐ, gió mạnh trên biển, kế hoạch triển khai ứng phó bão, ATNĐ, gió mạnh trên biển của chính quyền địa phương đến được với tất cả người dân, chú trọng lựa chọn cán bộ tuyên truyền giỏi, đảm bảo triển khai đúng chủ trương, thống nhất để không gây tâm lý hoang mang cho nhân dân.

+ Chủ động phối hợp với các lực lượng vũ trang đóng quân trên địa bàn, lực lượng chi viện, hỗ trợ từ cấp trên và huy động lực lượng tại chỗ, tổ chức di dời dân ở các khu vực xung yếu đến nơi trú ẩn an toàn theo kế hoạch; bố trí lực lượng quản lý, giữ gìn an ninh, trật tự tại các điểm tiếp nhận dân sơ tán, đảm bảo cung cấp lương thực, nhu yếu phẩm, nước sạch, điện thắp sáng, thuốc chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe cho người dân, vệ sinh môi trường, phòng ngừa dịch bệnh và bảo vệ an ninh, trật tự, an toàn xã hội ở địa phương và nơi tạm cư, tổ chức giúp đỡ các gia đình bị nạn.

+ Chủ động rà soát, cập nhật các phương án phòng, chống thiên tai trước mùa mưa bão, đảm bảo sát thực tế khi triển khai; cảnh báo kịp thời cho dân cư sống ven sông, vùng trũng thấp có nguy cơ ngập lụt, sạt lở, lũ quét; chủ động ứng phó, sơ tán dân đảm bảo an toàn.

- Trục ban nghiêm túc đảm bảo thông tin, báo cáo, xử lý kịp thời mọi tình huống xảy ra.

VII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Căn cứ Phương án chung của tỉnh, từng sở, ngành, địa phương xây dựng phương án chi tiết để triển khai thực hiện, đồng thời, thường xuyên theo dõi thông tin dự báo tình hình, diễn biến bão, ATNĐ, gió mạnh trên biển để cập nhật, điều chỉnh một cách linh hoạt sát với tình hình thực tế.

2. Thủ trưởng các sở, ban ngành, đơn vị và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Cà Mau phải trực tiếp chỉ đạo Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn của đơn vị, địa phương mình thực hiện nhiệm vụ theo từng phương án. Các thành viên Ban chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tỉnh, huyện, thành phố Cà Mau, xã, phường, thị trấn thực hiện theo nhiệm vụ và địa bàn được phân công phụ trách.

3. Các tổ chức, cá nhân, lực lượng đóng trên địa bàn phải tuân thủ sự điều động và chấp hành nghiêm túc sự chỉ đạo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân – Trưởng ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn các cấp trên địa bàn tỉnh.

4. Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn các cấp, các ngành thực hiện nghiêm chế độ trực ban và thông tin, báo cáo theo quy định.

5. Về kinh phí thực hiện: Sử dụng kinh phí được giao đầu năm cho ngành, địa phương, đơn vị; Quỹ phòng, chống thiên tai tỉnh. Trường hợp phát sinh kinh phí vượt khả năng cân đối ngân sách và Quỹ phòng, chống thiên tai, các sở, ngành, địa phương, đơn vị báo cáo Sở Tài chính tham mưu, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

6. Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn theo dõi, đôn đốc, tổng hợp tình hình thực hiện Phương án hàng năm, kịp thời báo cáo, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, chỉ đạo tháo gỡ khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện.

Đối với việc phân công, phân cấp chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ ứng phó, khắc phục hậu quả bão, ATNĐ, gió mạnh trên biển thực hiện theo đúng phân công tại phương án này, trong trường hợp các văn bản quy định có thay đổi thì thực hiện theo các văn bản mới.

Trên đây là nội dung Phương án ứng phó với bão, áp thấp nhiệt đới, gió mạnh trên biển theo cấp độ rủi ro thiên tai trên địa bàn tỉnh Cà Mau./. Kau

Nơi nhận:

- Ban Chỉ đạo TW về PCTT (b/c);
- UBQG UPSC, TT&TKCN (b/c);
- Bộ Nông nghiệp & PTNT (b/c);
- UBND tỉnh (b/c);
- Tổng cục PCTT;
- Trưởng ban, P. Trưởng ban BCH phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tỉnh (b/c);
- Chi cục PCTT miền Nam;
- Thành viên Ban Chỉ huy PCTT&TKCN tỉnh;
- Sở NN&PTNT;
- UBND các huyện, TP. Cà Mau (t/h);
- LĐ VPBCH PCTT&TKCN tỉnh;
- Lưu: VT, PCTT (Sơn).

**KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN**



**GIÁM ĐỐC SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT
Lê Thanh Triều**



Phụ lục I:

LỰC LƯỢNG THAM GIA ỨNG PHÓ BẢO, ATNĐ

(Kèm theo Phương án số 03/PA-BCH ngày 16/7/2021 của Ban Chỉ huy PCTT&TKCN tỉnh Cà Mau)

DVT: Người

STT	Lực lượng	TP. Cà Mau		H. Cái Nước		H. Phú Tân		H. Năm Căn		H. Ngọc Hiển		H. Thới Bình		H. U Minh		H. Trần V Thời		H. Đầm Dơi		Tổng cộng	
		Tổng	Nữ	Tổng	Nữ	Tổng	Nữ	Tổng	Nữ	Tổng	Nữ	Tổng	Nữ	Tổng	Nữ	Tổng	Nữ	Tổng	Nữ	Tổng	Nữ
1	Quân sự	1.106				287		392		59		68		46		72		500		2.530	
2	Bộ đội Biên phòng					25		47		60				20		69		43		264	
3	Công an	320		342		159		164		228		210		39		106		382		1.950	
4	Y tế	155	16	324	32	100	10	129	13	74	7	50	5	36	4	140	14	173	17	1.181	118
5	Thanh niên tình nguyện	250	25	1084	108			101	10							735	74			2.170	217
6	Doanh nghiệp huy động	574	57			10	1					253	25			42	4	92	9	971	97
7	Hội chữ thập đỏ	181	18	452	45	78	8	95	10	81	8	25	3	18	2	216	22	183	18	1.329	133
8	Lực lượng xung kích	1.807	181	816	82	641	64	76	8	830	83	325	33	240	24	327	33	334	33	5.396	540
9	Dân quân tự vệ	2.094	209	1.722	172	214	21	960	96	196	20	335	34	130	13	403	40	864	86	6.918	692
10	Dân huy động	300	30			210	21	394	39			359	36	250	25	1.240	124			2.753	275
11	Các ban ngành	60	6									309	31	60	6	173	17			602	60
12	Phản ứng nhanh	500	50					69	7					200	20	298	30			1.067	107
13	Cán bộ xã	500	50	750	75	278	28	363	36					80	8	481	48			2.452	245
Tổng		7.847	642	5.490	515	2.002	153	2.790	219	1.528	118	1.934	166	1.119	101	4.302	406	2.571	165	29.583	2.484



Phụ lục II:

DANH MỤC CÔNG THUY LỢI ĐIỀU TIẾT NƯỚC TRONG TRƯỜNG HỢP NGẬP ÚNG DO BÃO, ATNĐ

(Kèm theo Phương án số: 03/PA-BCH ngày 16/7/2021 của Ban Chỉ huy PCTT&TKCN tỉnh Cà Mau)

STT	Tên Công trình	Địa điểm	Tiểu vùng	Khẩu độ B (m)	Số cửa	Chức năng công trình	Ghi chú
I	THÀNH PHỐ CÀ MAU						
1	Cống Tắc Vân	Tp. Cà Mau	Quản lộ Phụng Hiệp	5	1	kiểm soát mặn	
2	Cống Cà Mau	Tp. Cà Mau	Quản lộ Phụng Hiệp	8,5	2	kiểm soát mặn	
3	Cống Xã Đọt	Xã Hòa Tân	Quản lộ Phụng Hiệp	10	1	kiểm soát mặn	
II	HUYỆN TRẦN VĂN THỜI						
4	Cống Rạch Lùm	Xã Khánh Hưng	III-Bắc Cà Mau	10	1	tiêu nước	
5	Cống Kênh Giữa	Xã Khánh Hải	III-Bắc Cà Mau	2,5	1	tiêu nước	
6	Cống Kênh Hăng	Xã Khánh Hưng	III-Bắc Cà Mau	2,5	1	tiêu nước	
7	Cống kênh Cổng Đá	Xã Khánh Hưng	III-Bắc Cà Mau	2,5	1	tiêu nước	
8	Cống Phù Lý	TT.Sông Đốc	III-Bắc Cà Mau	2,5	1	tiêu nước	
9	Cống Xã Thuận	TT.Sông Đốc	III-Bắc Cà Mau	2,5	1	tiêu nước	
10	Cống Công Nghiệp	Xã Khánh Hưng	III-Bắc Cà Mau	10	1	tiêu nước	
11	Cống Kênh Tư	Xã Khánh Lộc	III-Bắc Cà Mau	2,5	1	tiêu nước	
12	Cống Sáu Thước	Xã Khánh Lộc	III-Bắc Cà Mau	2,5	1	tiêu nước	
13	Cống Số 2	Xã Khánh Lộc	III-Bắc Cà Mau	2,5	1	tiêu nước	
14	Cống Ông Bích Nhỏ	TT. TVT	III-Bắc Cà Mau	2,5	1	tiêu nước	
15	Cống Hội Đồng Thành	Xã Khánh Bình	III-Bắc Cà Mau	7,5	1	tiêu nước	
16	Cống Sông Đốc 5	Xã Lợi An	II-Nam Cà Mau	8	1	kiểm soát mặn	
17	Cống Lộ Xe 3 (Bang Lén)	Xã Lợi An	II-Nam Cà Mau	5	1	kiểm soát mặn	
18	Cống Kênh Đứng	Xã Trần Hợi	III-Bắc Cà Mau	10	1	tiêu nước	
19	Cống Minh Hà	Xã Trần Hợi	III-Bắc Cà Mau	10	1	tiêu nước	
20	Cống SD 6 (Đường Cuốc)	Xã Lợi An	II-Nam Cà Mau	8	1	kiểm soát mặn	
21	Cống SD 7 (Lung Thuộc)	Xã Lợi An	II-Nam Cà Mau	5	1	kiểm soát mặn	
22	Cống Tham Trơi	Xã Khánh Bình Đông	III-Bắc Cà Mau	7,5	1	tiêu nước	
23	Cống Rạch Nhum	Xã Khánh Bình Đông	III-Bắc Cà Mau	5	1	tiêu nước	
24	Cống Lung Bạ	Xã Khánh Bình Đông	III-Bắc Cà Mau	2,5	1	tiêu nước	
25	Cống Phạm Kiệt	Xã Khánh Bình Đông	III-Bắc Cà Mau	2,5	1	tiêu nước	
26	Cống Mương Cui	Xã Khánh Bình Đông	III-Bắc Cà Mau	2,5	1	tiêu nước	
27	Cống Rạch Cui	Xã Khánh Bình	III-Bắc Cà Mau	7,5	1	tiêu nước	

STT	Tên Công trình	Địa điểm	Tiểu vùng	Khẩu độ B (m)	Số cửa	Chức năng công trình	Ghi chú
28	Cổng Hai Sĩ Đông	Xã Trần Hợi	III-Bắc Cà Mau	5	1	tiêu nước	
29	Cổng Trảng Cò	Xã Trần Hợi	III-Bắc Cà Mau	5		tiêu nước	
30	Cổng Trùm Thuật Bắc	TT. Trần Văn Thời	III-Bắc Cà Mau	5,5	1	tiêu nước	
31	Cổng Hai Sĩ Tây	TT. Trần Văn Thời	III-Bắc Cà Mau	5	1	tiêu nước	
32	Cổng Kênh Cũ 2	TT. Trần Văn Thời	III-Bắc Cà Mau	5	1	tiêu nước	
33	Cổng Ông Bích Lớn	Xã Khánh Bình	III-Bắc Cà Mau	5,5	1	tiêu nước	
34	Cổng Cà Giữa	Xã Khánh Bình	III-Bắc Cà Mau	2,5	1	tiêu nước	
35	Cổng Rạch Bào	Xã Khánh Bình	III-Bắc Cà Mau	2,5	1	tiêu nước	
36	Cổng Chồn Gầm	Xã Khánh Bình	III-Bắc Cà Mau	2,5	1	tiêu nước	
37	Cổng Đường Ranh	Xã Khánh Bình	III-Bắc Cà Mau	2,5	1	tiêu nước	
38	Cổng Cây Táo Đông	Xã Khánh Bình Đông	III-Bắc Cà Mau	5	1	tiêu nước	
39	Cổng Bà Kẹo Tây	Xã Khánh Bình Đông	III-Bắc Cà Mau	5	1	tiêu nước	
40	Cổng Cây Táo Tây	Xã Khánh Bình Đông	III-Bắc Cà Mau	5	1	tiêu nước	
41	Cổng Già Đông Đông	Xã Khánh Bình Đông	III-Bắc Cà Mau	5	1	tiêu nước	
42	Cổng Kênh Cũ 1	Xã Trần Hợi	III-Bắc Cà Mau	5	1	tiêu nước	
43	Cổng Già Đông Tây	Xã Khánh Bình Đông	III-Bắc Cà Mau	5	1	tiêu nước	
44	Cổng SD3 (Xéo Giá)	Xã Lợi An	II-Nam Cà Mau	8	1	kiểm soát mặn	
45	Cổng Đường Ranh Đông	Khánh Hưng	III-Bắc Cà Mau	5	1	tiêu nước	
46	Cổng Đá Bắc	Khánh Hưng	III-Bắc Cà Mau	5	1	tiêu nước	
47	Cổng Sườn 2	Khánh Hưng	III-Bắc Cà Mau	5	1	tiêu nước	
48	Cổng Bà Kẹo Đông	Xã KBĐ	III-Bắc Cà Mau	5	1	tiêu nước	
49	Cổng SD1 (Rạch Rẫy)	Xã Lợi An	II-Nam Cà Mau	8	1	kiểm soát mặn	
50	Cổng Rạch Ráng	TT. Trần Văn Thời	III-Bắc Cà Mau	12	1	tiêu nước	
51	Cổng Đường Ranh Tây	Xã Khánh Hải	III-Bắc Cà Mau	8	1	tiêu nước	
52	Cổng Sườn 1	Xã Khánh Hải	III-Bắc Cà Mau	5	1	tiêu nước	
53	Cổng Bia Đỏ	Xã Khánh Hải	III-Bắc Cà Mau	5	1	tiêu nước	
54	Cổng Sườn 3	Xã Khánh Hải	III-Bắc Cà Mau	8	1	tiêu nước	
55	Cổng Sườn 4	Xã Khánh Hải	III-Bắc Cà Mau	4	1	tiêu nước	
56	Cổng Kênh Tư	Xã Khánh Hải	III-Bắc Cà Mau	5	1	tiêu nước	
57	Cổng Ba Tinh	Xã Khánh Bình Tây	III-Bắc Cà Mau	5	1	tiêu nước	
58	Cổng Đá Bạc	Xã Khánh Bình Tây	III-Bắc Cà Mau	16	2	tiêu nước	
59	Cổng Kênh Mới	Xã Khánh Hải	III-Bắc Cà Mau	5	1	tiêu nước	
60	Cổng Hợp Tác Xã	Xã Khánh Hải	III-Bắc Cà Mau	4	1	tiêu nước	
61	Cổng Sào Lưới	Xã Khánh Bình Tây Bắc	III-Bắc Cà Mau	10	1	tiêu nước	

STT	Tên Công trình	Địa điểm	Tiểu vùng	Khẩu độ B (m)	Số cửa	Chức năng công trình	Ghi chú
62	Cổng Bảy Ghe	Xã Khánh Hải	III-Bắc Cà Mau	5	1	tiêu nước	
63	Cổng Rạch Bần	Xã Phong Lạc	III-Nam Cà Mau	10	1	kiểm soát mặn	
64	Cổng Chống Mỹ 1	Xã Phong Lạc	III-Nam Cà Mau	5	1	kiểm soát mặn	
65	Cổng Tư Còn	Xã Phong Điền	III-Nam Cà Mau	5	1	kiểm soát mặn	
66	Cổng Rạch Ruộng	Xã Khánh Lộc	III-Bắc Cà Mau	7,5	1	tiêu nước	
67	Cổng Trùm Thuật Nam	Xã Khánh Hải	III-Bắc Cà Mau	10	1	tiêu nước	
68	Cổng 30/4	Xã Khánh Bình Tây Bắc	III-Bắc Cà Mau	6	1	tiêu nước	
69	Cổng 1/5	Xã Khánh Bình Tây Bắc	III-Bắc Cà Mau	6	1	tiêu nước	
70	Cổng Sua Đũa	Xã Khánh Bình Tây Bắc	III-Bắc Cà Mau	5	1	tiêu nước	
71	Cổng Chủ Ân	Xã Phong Lạc	III-Nam Cà Mau	8,5	1	tiêu nước	
72	Cổng Rạch Lãng	Xã Phong Lạc	III-Nam Cà Mau	5,5	1	tiêu nước	
73	Trạm bơm di động (Cổng Đá)	Xã Khánh Hưng	III-Bắc Cà Mau			điều tiết nước	
74	Cổng Công Điền	Xã Phong Điền	III-Nam Cà Mau	5	1	kiểm soát mặn	
75	Cổng Lung Trường	Xã Phong Điền	III-Nam Cà Mau	10	1	kiểm soát mặn	
76	Cổng Kênh 3	Xã Phong Lạc	III-Nam Cà Mau	5	1	kiểm soát mặn	
77	Cổng Kênh 4	Xã Phong Lạc	III-Nam Cà Mau	5	1	kiểm soát mặn	
78	Cổng Chống Mỹ 2	Xã Phong Lạc + Phong Điền	III-Nam Cà Mau	5	1	kiểm soát mặn	
79	Cổng Chống Mỹ 2-2	Xã Phong Lạc	III-Nam Cà Mau	5	1	kiểm soát mặn	
80	Cổng Phát Thạnh	Xã Lợi An	III-Nam Cà Mau	5	1	kiểm soát mặn	
81	Cổng Rạch Lãng 2	Xã Lợi An	III-Nam Cà Mau	5	1	kiểm soát mặn	
III	HUYỆN THỚI BÌNH						
82	Cổng Bạch Ngưu	Xã Hồ Thị Kỳ	Quảng lộ Phụng Hiệp	6	1	kiểm soát mặn	
83	Cổng Đường Xuồng	Xã Hồ Thị Kỳ	Quảng lộ Phụng Hiệp	5	1	kiểm soát mặn	
84	Cổng Thị Phụng	Xã Hồ Thị Kỳ	Quảng lộ Phụng Hiệp	2,5	1	kiểm soát mặn	
85	Cổng Ông Hương	Xã Hồ Thị Kỳ	Quảng lộ Phụng Hiệp	2,5	1	kiểm soát mặn	
IV	HUYỆN ĐÀM ĐOI						
86	Cổng Hiệp Hải	Xã Tân Thuận	XVII	7,5	2	kiểm soát mặn	
87	Cổng Tam Bô	Xã Tà An Khương Đông	XVII	8	1	kiểm soát mặn	
88	Cổng Khâu Mét	Xã Tà An Khương Đông	XVII	10	3	kiểm soát mặn	
89	Cổng Ký Thuật	Xã Tà An Khương Đông	XVII	10	2	kiểm soát mặn	
90	Cổng Bảy Thi	Xã Tân Duyệt	Ô Tân Dân	8	1	kiểm soát mặn	
91	Cổng Chín Chài	Xã Tân Duyệt	Ô Tân Dân	4	1	kiểm soát mặn	
92	Cổng Lô 21	Xã Tân Dân	XVIII	8	1	kiểm soát mặn	
93	Cổng Cà Kiến	Xã Tân Dân	XVIII	8	1	kiểm soát mặn	

STT	Tên Công trình	Địa điểm	Tiểu vùng	Khẩu độ B (m)	Số cửa	Chức năng công trình	Ghi chú
94	Cổng Lò Gạch	Xã Tân Dân	XVIII	8	1	kiểm soát mặn	
95	Cổng Xóm Rẫy	Xã Tân Dân	XVIII	3	1	kiểm soát mặn	
96	Cổng Lô II (Lô III)	Xã Tân Dân	XVIII	8	1	kiểm soát mặn	
97	Cổng Hai Dựng	Xã Tân Dân	Ô Tân Dân	4	1	kiểm soát mặn	
98	Cổng Miên	Xã Tân Duyệt	Ô Tân Dân	4	1	kiểm soát mặn	
99	Cổng Chà Là	Xã Tạ An Khương Đông	XVII	10	1	kiểm soát mặn	
100	Cổng Sáu Thước	Xã Tân Dân	XVIII	8	1	kiểm soát mặn	
101	Cổng Lô 3	Xã Tân Dân	XVIII	10	1	kiểm soát mặn	
102	Cổng Quảng Lôi	Tạ An Khương Đông	XVII	10	1	kiểm soát mặn	
103	Cổng Kênh Lý	Xã Tân Duyệt	Ô Tân Dân	8	1	kiểm soát mặn	
104	Cổng Hai Hạt	Xã Tân Đức	XVII	7,5	2	kiểm soát mặn	
105	Cổng Học Môn	Xã Tân Thuận	XVII	10	2	kiểm soát mặn	
106	Cổng Bảy Thi - kênh ngang	Xã Tân Duyệt	Ô Tân Dân	10	1	kiểm soát mặn	
107	Cổng Dân Quân	Xã Tạ An Khương	XVII	7,5	2	kiểm soát mặn	
108	Cổng Voi Chùa	Xã Tân Thuận	XVII	10	1	kiểm soát mặn	
109	Cổng Miếu Thiết	Xã Tân Thuận	XVII	10	2	kiểm soát mặn	
110	Cổng Mương Đường	Xã Tạ An Khương	XVII	10,5	1	kiểm soát mặn	
V	HUYỆN CÁI NƯỚC						
111	Cổng Lung Dừa	Xã Tân Phú	II-Nam Cà Mau	5	1	kiểm soát mặn	
112	Cổng KG2	Xã Thạnh Phú	II-Nam Cà Mau	10	1	kiểm soát mặn	
113	Cổng Cà Đai	Xã Trần Thới	X	3	1	kiểm soát mặn	
114	Cổng Huế Hải	Xã Trần Thới	X	3	1	kiểm soát mặn	
115	Cổng Bà Chủ	Xã Trần Thới	X	3	1	kiểm soát mặn	
116	Cổng Tư Tả	Xã Trần Thới	X	3	1	kiểm soát mặn	
117	Cổng Bào Châu	Xã Trần Thới + Xã Việt Thắng	X	30	1	kiểm soát mặn	
118	Cổng Cây Giá	TT Cái Nước	X	3	1	kiểm soát mặn	
119	Cổng Cái Chim	Xã Trần Thới	X	3	1	kiểm soát mặn	
120	Cổng Cây Dương	Xã Trần Thới	X	3	1	kiểm soát mặn	
121	Cổng Rau Dừa	Xã Hưng Mỹ	X	5,4	1	kiểm soát mặn	
122	Cổng Quang Đàm	Xã Hưng Mỹ	X	5,4	1	kiểm soát mặn	
123	Cổng Nước Đục	Xã Hưng Mỹ	X	5,4	1	kiểm soát mặn	
124	Cổng Bà Xã	Xã Hòa Mỹ	X	5,4	1	kiểm soát mặn	
125	Cổng Ba Tô	Xã Hòa Mỹ	X	5,4	1	kiểm soát mặn	
126	Cổng Mò Om	Xã Hòa Mỹ	III-Nam Cà Mau	5	1	kiểm soát mặn	

STT	Tên Công trình	Địa điểm	Tiểu vùng	Khẩu độ B (m)	Số cửa	Chức năng công trình	Ghi chú
127	Cổng Biện Trảng	Xã Hưng Mỹ	III-Nam Cà Mau	5	1	kiểm soát mặn	
128	Cổng Bàu Trà	Xã Hưng Mỹ	III-Nam Cà Mau	2,5	1	kiểm soát mặn	
VI	HUYỆN U MINH						
129	Cổng T23-17	Xã Khánh An	II-Bắc Cà Mau	7,5	1	tiêu nước	
130	Cổng T21	Xã Khánh An	II-Bắc Cà Mau	10	1	tiêu nước	
131	Cổng Rạch Dinh	Xã Khánh Tiến	II-Bắc Cà Mau	5,5	1	kiểm soát mặn	
132	Cổng Biện Nhị	Xã Khánh Hội	II-Bắc Cà Mau	10	3	kiểm soát mặn	
133	Cổng T29	Xã Khánh Hội	II-Bắc Cà Mau	8	1	tiêu nước	
134	Cổng Tiêu Dừa	Xã Khánh Tiến	II-Bắc Cà Mau	7,9	1	kiểm soát mặn	
135	Cổng Lung Ranh	Xã Khánh Tiến	II-Bắc Cà Mau	5,6	1	kiểm soát mặn	
136	Cổng Hương Mai	Xã Khánh Tiến	II-Bắc Cà Mau	10	1	kiểm soát mặn	
137	Cổng Kênh Xáng Mới	Xã Khánh Hội	II-Bắc Cà Mau	10	1	kiểm soát mặn	
138	Cổng Kênh Giữa	Xã Khánh An	II-Bắc Cà Mau	2,5	1	tiêu nước	
139	Cổng Kênh Ranh	Xã Khánh An	II-Bắc Cà Mau	2,5	1	tiêu nước	
140	Cổng Rạch Giếng	Xã Khánh An	II-Bắc Cà Mau	2,5	1	tiêu nước	
VII	HUYỆN PHÚ TÂN						
141	Cổng Cái Cắm (giáp Cái Đôi Vàm-Ba Tiệm)	Xã Tân Hải	V	12	1	kiểm soát mặn	
142	Cổng Tân Điền	Xã Tân Hải + Phú Tân	V	8	1	kiểm soát mặn	
143	Cổng Thanh Bình	Xã Phú Tân	V	6	1	kiểm soát mặn	
144	Cổng Rạch Cái Nước Biên	Xã Phú Tân	V	8	1	kiểm soát mặn	
145	Cổng Lô II, 3	Xã Phú Tân	V	8	1	kiểm soát mặn	
146	Cổng Công Nghiệp	Xã Tân Hải	V	12	1	kiểm soát mặn	
147	Cổng Kết Nghĩa	Xã Tân Hải	V	8	1	kiểm soát mặn	
148	Cổng Cái Cắm (giáp đê biên Tây)	Xã Tân Hải	V	12	1	kiểm soát mặn	
149	Cổng Kênh số 1 (giáp Mỹ Bình)	Xã Phú Tân + Xã Phú Mỹ	V	10	1	kiểm soát mặn	
150	Cổng Sáu Thọ	Xã Phú Tân	V	8	1	kiểm soát mặn	
151	Cổng Cái Nước Biên	TT.Cái Đôi Vàm	V	8	1	kiểm soát mặn	
152	Cổng Kênh Đứng	Xã Phú Tân	V	8	1	kiểm soát mặn	
153	Cổng Tự Lực	Xã Phú Tân	V	8	1	kiểm soát mặn	
154	Cổng Nội Đồng	Xã Phú Tân	V	6	1	kiểm soát mặn	
155	Cổng So Đũa Nhỏ	Xã Việt Thắng	X	8	1	kiểm soát mặn	
156	Cổng Súa Đũa Lớn	Xã Việt Thắng	X	4	1	kiểm soát mặn	
157	Cổng Công Nghiệp (Đê biên Tây)	TT. Cái Đôi Vàm + Xã Tân Hải	V	12	1	kiểm soát mặn	
158	Cổng Cái Bát (Kênh Lô III)	TT.Cái Đôi Vàm	V	6	1	kiểm soát mặn	

STT	Tên Công trình	Địa điểm	Tiểu vùng	Khẩu độ B (m)	Số cửa	Chức năng công trình	Ghi chú
159	Cống Mỹ Hưng	Xã Tân Hải	V	8	1	kiểm soát mặn	
160	Cống Xèo Xây	Xã Tân Hưng Tây	X	6	1	kiểm soát mặn	
161	Cống Trâm Bầu	Xã Tân Hưng Tây	X	2,5	1	kiểm soát mặn	
162	Cống Lung bôn 2	Xã Việt Thắng	X	8	1	kiểm soát mặn	
163	Cống Xèo Dọp	Xã Việt Thắng	X	3	1	kiểm soát mặn	
164	Cống Cà Này	Xã Việt Thắng	X	10	1	kiểm soát mặn	
165	Cống Kênh số 1 (giáp Cái Đồi Vàm - Ba Tiệm)	Xã Phú Tân + Xã Phú Mỹ	V	10	1	kiểm soát mặn	
166	Cống Mây Dốc	Xã Phú Thuận	X	3	1	kiểm soát mặn	
167	Cống Vàm Đình	Xã Phú Thuận + Xã Tân Hưng Tây	X	20	1	kiểm soát mặn	
168	Cống Mười Hồ	Xã Việt Thắng	X	6	1	kiểm soát mặn	
169	Cống Kênh Cùg	Xã Việt Thắng	X	4,5	1	kiểm soát mặn	
170	Cống Lung Trâm	Xã Tân Hưng Tây	X	8	1	kiểm soát mặn	
171	Cống Bò Đê	Xã Tân Hưng Tây	X	4,5	1	kiểm soát mặn	
172	Cống Má Tám	Xã Việt Thắng	X	10	1	kiểm soát mặn	
173	Cống Xèo Su	Xã Việt Thắng	X	5	1	kiểm soát mặn	
174	Cống Xèo Thành	Xã Việt Thắng	X	4,5	1	kiểm soát mặn	
175	Cống Lung Bôn 1	Xã Tân Hưng Tây	X	6	1	kiểm soát mặn	

Phụ lục III:
DANH MỤC TRẠM BƠM ĐIỀU TIẾT NƯỚC TRONG TRƯỜNG HỢP NGẬP ÚNG ĐUỐI BẢO, ATNĐ

(Kèm theo Phương án số: 03/PA-BCH ngày 16/7/2021 của Ban Chỉ huy PCTT&TKCN tỉnh Cà Mau)



STT	Danh mục, dự án	ĐDD	Số trạm	Công suất máy bơm	Tổng công suất	Nguồn
						điện năng
1	Đầu tư thí điểm trạm bơm di động phục vụ vùng ngọt hóa Tiểu vùng III - Bắc Cà Mau	Khánh Hưng - Trần Văn Thời	2	1 trạm x (02 máy x 1.250 m ³ /h + 3 máy x 2.500 m ³ /h); 1 trạm x 02 máy x 5.500 m ³ /h	21.000m ³ /h	400 KW
2	Ô thủy lợi khép vùng sx lúa - tôm xã Tân Hưng, huyện Cái Nước	Tân Hưng - Cái Nước	2	2 trạm x 02 máy x (2.500 m ³ /h/máy)	10.000m ³ /h	65KW
3	Ô TL áp Xóm Lớn, Tân Hưng, Lung Dừa, Ông Muộn - TP Cà Mau	Lý Văn Lâm - TP. Cà Mau	1	1 trạm x 03 máy x (2.500 m ³ /h/máy)	7.500m ³ /h	100 KW
4	Ô thủy lợi áp Bào Sơn, áp Chánh, Thanh Điền - TP Cà Mau	Lý Văn Lâm - TP. Cà Mau	1	1 trạm x 03 máy x (2.500 m ³ /h/máy)	7.500m ³ /h	100 KW
5	Khép kín ô thủy lợi vùng sx lúa 2 vụ thuộc áp 1 & áp 6 xã Tân Lộc	TânLộc - Thới Bình	1	1 trạm x 02 máy x (2.500 m ³ /h/máy)	5.000m ³ /h	65 KW
6	Cánh đồng mẫu lớn xã Khánh Bình, huyện Trần Văn Thời	Khánh Bình - Trần Văn Thời	2	1 trạm x 05 máy x (2.500 m ³ /h/máy)	18.000m ³ /h	165 KW
7	Ô sản xuất Trung tâm Giống nông nghiệp	Khánh Lâm - U Minh	1	1 trạm x 01 máy x (2.500 m ³ /h/máy)	2.500m ³ /h	50 KW
8	Ô thủy lợi Minh Hà A - Khánh Bình Đông và áp 5 xã Trần Hợi, huyện Trần Văn Thời	Khánh Bình Đông và Trần Hợi - Trần Văn Thời	1	1 trạm x 1 máy x (12.000 m ³ /h/máy)	12.000m ³ /h	160 KW
9	Ô thủy lợi phục vụ sản xuất chuyên Lúa-Cá-Màu xã An Xuyên, TPCM	An Xuyên - TP. Cà Mau	4	2 trạm x 2 máy x (2.500 m ³ /h/máy)	25.000m ³ /h	(65 ÷ 100) KW
10	Trạm kênh Lễ Quyền	Lý Văn Lâm - TP. Cà Mau	1	1 trạm x 4 máy x (2.500 m ³ /h/máy)	10.000m ³ /h	150 KW
	Trạm bơm kênh Giữa	Lý Văn Lâm - TP. Cà Mau	1	1 trạm x 4 máy x (2.500 m ³ /h/máy)	10.000m ³ /h	150 KW
11	Trạm bơm kênh Huế	Lý Văn Lâm - TP. Cà Mau	1	1 trạm x 2 máy x (5.500 m ³ /h/máy)	5.000m ³ /h	250 KW



Phụ lục IV:

DANH SÁCH PHƯƠNG TIỆN THAM GIA ỨNG PHÓ BÃO, ATNĐ

(Kèm theo Phương án số: 03/PA-BCH ngày 16/7/2021 của Ban Chỉ huy PCTT&TKCN tỉnh Cà Mau)

TT	ĐƠN VỊ QUẢN LÝ	PHƯƠNG TIỆN		Ghi chú
		BỘ	THỦY	
		Số lượng (chiếc)	Số lượng (chiếc)	
I	Khu vực 1 (TP Cà Mau)	206	67	
1	Bộ Chỉ huy QS tỉnh	5	7	
2	Bộ Chỉ huy BDBP tỉnh	1	1	
3	Công an tỉnh	3	8	
4	Sở Giao thông Vận tải	112	31	
5	Thành phố Cà Mau	85	20	
II	Khu vực 2 (U Minh, Thới Bình)	70	44	
1	Bộ Chỉ huy BDBP tỉnh			
2	Công an tỉnh	2	6	
3	Sở Giao thông Vận tải	50	7	
4	Chi cục Thủy sản		1	
5	Huyện U Minh	8	14	
6	Huyện Thới Bình	10	4	
7	Đội tàu CH ở huyện		12	
III	Khu vực 3 (Trần Văn Thời, Phú Tân)	12	123	
1	Ban Chỉ huy QS huyện	1		
2	Bộ Chỉ huy BDBP tỉnh			
3	Công an huyện	2	1	
4	Sở Giao thông Vận tải			
5	Huyện Trần Văn Thời			
6	Đội tàu CH ở huyện TVT		10	
7	Huyện Phú Tân	9	110	
8	Hải Đội 2		2	
IV	Khu vực 4 (Đầm Dơi, Cái Nước)	167	291	
1	Bộ Chỉ huy QS tỉnh	2		
2	Công an tỉnh	2	5	
3	Sở Giao thông Vận tải	50	4	
4	Huyện Cái Nước	95	227	
5	Huyện Đầm Dơi	18	47	
6	Đội tàu CH ở huyện ĐD		8	
V	Khu vực 5 (Năm Căn, Ngọc Hiển)	123	421	
1	Bộ Chỉ huy QS tỉnh	2		
2	Bộ Chỉ huy BDBP tỉnh		1	
3	Công an tỉnh	2	7	
4	Sở Giao thông Vận tải	50	10	
5	Huyện Năm Căn	20	10	
6	Huyện Ngọc Hiển	49	380	
7	Đội tàu CHCN huyện Ngọc Hiển		13	
Tổng		578	946	

Phục lục V:
DANH MỤC TRANG THIẾT BỊ THAM GIA ỨNG PHÓ BÃO, ATNĐ
(Kèm theo Phương án số: 03/PA-BCH ngày 16/7/2021 của Ban Chỉ huy PCTT&TKCN tỉnh Cà Mau)



TT	Địa điểm và tên thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng
I	KHU VỰC 1 (TP CÀ MAU)		293
	Nhà bạt 16.5m2	Bộ	3
	Phao áo cứu sinh	Chiếc	135
	Phao tròn cứu sinh	Chiếc	90
	Máy phát điện	Chiếc	65
II	KHU VỰC 2 (U MINH, THỚI BÌNH)		706
1	HUYỆN U MINH		542
	Nhà bạt 16.5m2	Bộ	3
	Phao áo cứu sinh	Chiếc	189
	Phao tròn cứu sinh	Chiếc	342
	Búa	Cây	4
	Rựa	Cây	2
	Máy cưa	Cây	2
2	HUYỆN THỚI BÌNH		164
	Xe cứu hộ các loại	Chiếc	11
	Nhà bạt 16.5m2	Bộ	9
	Phao áo cứu sinh	Chiếc	65
	Phao tròn cứu sinh	Chiếc	65
	Máy phát điện các loại	Chiếc	2
	Máy cưa cầm tay các loại	Chiếc	5
	Băng ca	Chiếc	2
	Loa cầm tay	Chiếc	5
III	KHU VỰC 3 (TRẦN VĂN THỜI, PHÚ TÂN)		955
1	HUYỆN TRẦN VĂN THỜI		743
	Xuồng các loại khác	Chiếc	106
	Nhà bạt 16.5m2	Bộ	4
	Phao áo cứu sinh	Chiếc	190
	Phao tròn cứu sinh	Chiếc	215
	Phao bè	Chiếc	2
	Máy phát điện các loại	Chiếc	
	Máy bơm nước các loại	Chiếc	157
	Máy cưa cầm tay các loại	Chiếc	56
	Máy phát điện 5KW	Chiếc	13
2	HUYỆN PHÚ TÂN		212
	Nhà bạt 16.5m2	Bộ	4
	Phao áo cứu sinh	Chiếc	105
	Phao tròn cứu sinh	Chiếc	100
	Phao bè	Chiếc	3
IV	KHU VỰC 4 (ĐÀM ĐOI, CÁI NƯỚC)		530
1	HUYỆN CÁI NƯỚC		152
	Nhà bạt 16.5m2	Bộ	6
	Phao áo cứu sinh	Chiếc	65
	Phao tròn cứu sinh	Chiếc	80

TT	Địa điểm và tên thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng
	Máy cưa cầm tay các loại	Chiếc	1
2	HUYỆN ĐÀM DỜI		378
	Nhà bạt 16.5m ²	Bộ	3
	Nhà bạt 24.75m ²	Bộ	2
	Nhà bạt 60m ²	Bộ	1
	Phao áo cứu sinh	Chiếc	125
	Phào tròn cứu sinh	Chiếc	245
	Phao bè	Chiếc	2
V	KHU VỰC 5 (NĂM CĂN, NGỌC HIỂN)		287
1	HUYỆN NĂM CĂN		113
	Nhà bạt 16.5m ²	Bộ	2
	Phao áo cứu sinh	Chiếc	60
	Phào tròn cứu sinh	Chiếc	50
	Phao bè	Chiếc	1
2	HUYỆN NGỌC HIỂN		174
	Nhà bạt 16.5m ²	Bộ	2
	Phao áo cứu sinh	Chiếc	50
	Phào tròn cứu sinh	Chiếc	100
	Phao bè	Chiếc	0
	Máy phát điện các loại	Chiếc	2
	Loa cầm tay	Chiếc	0
	Áo mưa	Chiếc	10
	Đèn pin	Cây	5
	Nón bảo hiểm	Cái	0
	Giày bata	Đôi	5
VI	CÁC ĐƠN VỊ KHÁC		11.529
1	CÔNG AN TỈNH		1.494
	Xe cứu hộ các loại	Chiếc	7
	Xe chữa cháy	Chiếc	10
	Xuồng cao su	Chiếc	2
	Xuồng các loại	Chiếc	39
	Nhà bạt 16.5m ²	Bộ	8
	Nhà bạt 24.5m ²	Bộ	4
	Nhà bạt loại 60m ²	Bộ	1
	Nhà bạt các loại	Chiếc	33
	Phao áo cứu sinh	Chiếc	1.091
	Phào tròn cứu sinh	Chiếc	272
	Phao bè	Chiếc	2
	Máy phát điện các loại	Chiếc	10
	Máy bơm nước các loại	Chiếc	8
	Máy cưa cầm tay các loại	Chiếc	2
	Máy khoan cắt bê tông	Chiếc	2
	Đệm hơi cứu người tăng	Chiếc	3
2	CẢNG VỤ HÀNG HẢI		67
	Cano công vụ	Chiếc	1
	Nhà bạt 16.5m ²	Bộ	2
	Nhà bạt 24.75m ²	Bộ	2
	Nhà bạt 60m ²	Bộ	1
	Phao áo cứu sinh	Chiếc	40

TT	Địa điểm và tên thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng
	Phao tròn cứu sinh	Chiếc	20
	Phao bè	Chiếc	1
3	BỘ ĐỘI BIÊN PHÒNG TỈNH		4.385
	Xuồng ST 1200	Bộ	1
	Xuồng ST 660	Bộ	2
	Cano ST 750	Chiếc	1
	Nhà bạt 16.5m ²	Bộ	20
	Nhà bạt 24.75m ²	Bộ	22
	Nhà bạt 60m ²	Bộ	10
	Phao áo cứu sinh	Chiếc	1.501
	Phao tròn cứu sinh	Chiếc	998
	Phao bè	Chiếc	53
	Máy phát điện các loại	Chiếc	4
	Máy bơm nước các loại	Chiếc	1
	Máy cưa cầm tay các loại	Chiếc	6
	Bè tự thổi	Chiếc	2
	Súng pháo hiệu	Khẩu	33
	Đạn pháo hiệu xanh	Viên	649
	Đạn pháo hiệu đỏ	Viên	914
	Đạn pháo hiệu trắng	Viên	8
	Máy ICOM 710	Chiếc	11
	Máy CODAN	Chiếc	5
	Máy TM 8115	Chiếc	6
	Chuyên mạch đa năng ACU 1000	Bộ	3
	Bình thở oxy	Chiếc	1
	Máy hút dịch bằng điện	Chiếc	1
	Máy hút dịch đập chân	Chiếc	1
	Áo mưa	Chiếc	50
	Đèn pin	Chiếc	17
	Đèn bão	Chiếc	17
	Búa	Chiếc	19
	Rựa	Chiếc	26
	Thùng phuy 200 lít	Chiếc	2
	Súng bắn dây mồi	Khẩu	1
4	VP BCH PCTT&TKCN TỈNH		110
	Nhà bạt 16.5m ²	Bộ	6
	Phao áo cứu sinh	Chiếc	89
	Phao tròn cứu sinh	Chiếc	15
5	CTY ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ CM		265
	Xe cứu hộ các loại	Chiếc	6
	Xe chữa cháy	Chiếc	2
	Xuồng các loại	Chiếc	1
	Nhà bạt 24,75 m ²	Bộ	15
	Phao áo cứu sinh	Chiếc	40
	Phao tròn cứu sinh	Chiếc	22
	Máy bơm nước	Chiếc	1
	Máy cưa cầm tay các loại	Chiếc	1
	Cưa răng phá tol	Chiếc	2
	Thang nhôm rút 4,1m	Chiếc	2

TT	Địa điểm và tên thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng
	Bình dưỡng khí	Bộ	20
	Mặt nạ phòng độc	Bộ	116
	Dây đai an toàn 02 móc	Cái	2
	Kim cộng lực	Cái	2
	Bộ đàm	Cái	7
	Trang phục chữa cháy chuyên dụng	Bộ	20
	Bộ cứu nạn nhà cao tầng	Bộ	4
	Bộ cứu nạn không gian hạn chế	Bộ	2
6	CTY ĐIỆN LỰC CÀ MAU		1.554
	Xe cầu đa năng 8,5 tấn	Chiếc	1
	Xe cầu 5 tấn	Chiếc	1
	Xe tải cầu 3,5 tấn	Chiếc	3
	Xe tải 750kg	Chiếc	3
	Xe FOR bán tải	Chiếc	10
	Xe 16 chỗ	Chiếc	2
	Xe 7 chỗ	Chiếc	2
	Xuồng máy Composit các loại	Chiếc	32
	Áo phao	Chiếc	58
	Phao tròn cứu sinh	Chiếc	
	Dây đai an toàn	Chiếc	384
	Bộ đàm cầm tay 5 w	Chiếc	13
	Máy phát điện di động trên xe tải (200KW)	Máy	1
	Máy phát điện loại 5 KW	Máy	6
	Đèn pha sử lý sự cố	Cây	105
	Kèm ép thủy lực 12 Tấn .	Cây	19
	Kích căng dây 3/4 tấn	Cái	63
	Kích căng dây 1,5 tấn	Cái	60
	Cóc kẹp dây 4-20 mm.	Cái	114
	Xích móc loại 2 mét/Mỹ	Cái	94
	Palan 1,5T+1T	Cái	26
	Palan 3T	Cái	20
	Pa lăng loại 5 tấn	Cái	5
	Kèm ép dây thủy lực 6,5 tấn	Cây	51
	Kèm cắt dây thủy lực 6,5 tấn	Cây	28
	Kèm cắt đai thép WB	Cây	34
	Máy cưa cầm tay (2,1kW)	Cây	24
	Máy cưa cầm tay (3,9kW)	Cây	11
	Puly sắt đơn	Cái	62
	Puly sắt đôi	Cái	45
	Puly nhôm	Cái	43
	Dây cáp thép nài tải trọng 5 tấn (m)	Mét	147
	Thang nhôm rút	Cây	35
	Tifo	Cái	31
	Bộ tời 3 tấn VN SX	Bộ	11
	Tổ dụng trụ trung thế	Bộ	3
	Tổ dụng trụ hạ thế	Bộ	7
7	BCH QUÂN SỰ TỈNH		2.020
	Xuồng cứu hộ ST 660 (200CV)	chiếc	2
	Xuồng cứu hộ ST 450 (15CV)	chiếc	1

TT	Địa điểm và tên thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng
	Bộ vượt sông nhẹ VSN1500	Bộ	2
	Máy đẩy YAMAHA 40 HP	chiếc	4
	Nhà bạt tiểu đội (16,50m ²)	Cái	9
	Nhà bạt trung đội (24,75m ²)	Cái	3
	Nhà bạt đại đội (60,00m ²)	Cái	6
	Nhà bạt cứu sinh loại nhẹ (TQ)	Cái	4
	Áo phao cứu sinh	Cái	270
	Phao tròn cứu sinh	Cái	700
	Phao bè	Cái	2
	Nón bảo hộ lao động	Cái	50
	Dây phao cứu hộ	mét	740
	Máy bơm	Cái	2
	Máy phát điện 2KV	Cái	1
	Máy phát điện có hệ thống đèn pha (Mỹ)	Cái	1
	Máy cắt thực bì CCR	Cái	2
	Bộ CH-CN thủy lực Weber	Bộ	1
	Máy cắt bê tông cầm tay K760	Chiếc	1
	Thiết bị bắn dây mồi (HQ)	Bộ	1
	Cưa máy	Cái	3
	Dao tông	Cái	50
	Rựa	Cái	20
	Dá đào đất	Cái	10
	Búa bèn	Cái	60
	Lưới cưa cá mập	Cái	20
	Phản phát cô	Cái	10
	Bao nilon xanh	Cái	0
	Xéng bộ binh	Cái	5
	Cuốc bộ binh	Cái	10
	Ống nhôm ban đêm	Cái	1
	Ống nhôm ban ngày	Cái	3
	Địa bàn	Cái	2
	Súng bắn pháo hiệu	Khẩu	4
	Đạn pháo hiệu 26mm (màu đỏ)	Viên	0
	Đạn pháo hiệu 26mm (màu xanh)	Viên	0
	Tấm thấm dầu mát 445 (Mỹ)	Thùng	20
8	VƯỜN QG MŨI CÀ MAU		17
	Tàu cao tốc tuần tra (BSKS: CM 21637)	Chiếc	1
	Võ Cano YAMAHA 200cv (BSKS: CM 24548)	Chiếc	1
	Võ Cano YAMAHA 200cv (BSKS: CM 01671)	Chiếc	1
	Võ Cano YAMAHA 115cv	Chiếc	1
	Bộ Võ máy xe Composite 4T 86	Bộ	2
	Bộ Võ máy xe Composite 4T 86	Bộ	1
	Phao tròn cứu sinh	Chiếc	10
9	SỞ Y TẾ		17
	Nhà bạt 16.5m2		2
	Phao áo cứu sinh	Chiếc	15
10	SỞ TÀI CHÍNH		1
	Máy bơm nước chữa cháy	Chiếc	1

TT	Địa điểm và tên thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng
11	CHI CỤC THỦY SẢN		1.600
	Nhà bạt 16.5m2	Bộ	8
	Phao áo cứu sinh	Chiếc	595
	Phao tròn cứu sinh	Chiếc	997
Tổng			14.300

Phụ lục VI:**DỰ PHÒNG VẬT TƯ VÀ DỤNG CỤ Y TẾ**

(Kèm theo Phương án số: 03/PA-BCH ngày 16/7/2021 của Ban Chỉ huy PCTT&TKCN tỉnh Cà Mau)

TT	Danh mục	Đơn vị tính	Số lượng	Chức năng
I	Danh mục 01 số cơ số thuốc dự phòng PCTT			
1	Amoxicilin 0,5g	Viên	500	
2	Cloramphenicol 0,25g	Viên	100	
3	Paracetamol 0,1g	Viên	1.000	
4	Berberin 0,05g	Viên	2.000	
5	Terpin-codein 5mg	Viên	800	
6	Biseptol 0,48g	Viên	500	
7	Qresol 27,9g (Pha trong 1.000ml nước)	Gói	50	
8	Vitamin B1 0,01g	Viên	2.000	
9	Vitamin C 0,1g	Viên	1.000	
10	Mỡ tra mắt Tetracylin 1%	Tuýp	10	
11	Metronidazol 0,25g	Viên	200	
12	Povidon iod 10%	Lọ	10	
13	Băng cuộn	Cuộn	20	
14	Gạc miếng (10cm x 10 cm)	Miếng	50	
15	Bông thấm nước 10g	Gói	20	
16	Phèn chua	Kg	2	
17	Cao sao vàng 5g	Hộp	50	
18	Cloramin B 0,5g	Gói hoặc viên	500	
II	Danh mục 01 số cơ số dụng cụ y tế PCTT			
1	Ổng nghe tim phổi	Cái	1	
2	Pink Kôcher 18 cm có máu	Cái	2	
3	Kéo thẳng đầu tù 18 cm	Cái	2	
4	Túi chườm nóng	Cái	1	
5	Bơm tiêm 10 ml nhựa	Cái	10	
6	Bơm tiêm 20 ml nhựa	Cái	10	
7	Bơm tiêm 5 ml nhựa	Cái	20	
8	Nhiệt kế	Cái	2	
9	Hộp đựng dụng cụ	Cái	2	
10	Huyết áp kế đồng hồ	Cái	1	
11	Ổng thông tiểu (Nam)	Cái	2	
12	Ổng thông tiểu (Nữ)	Cái	2	
13	Kim lấy thuốc số 18	Cái	30	
III	Danh mục 01 số cơ số dụng cụ y tế PCTT			
1	Morphin (hydroclorid) 0,01g	Ổng	5	
2	Seduxen 10mg	Ổng	5	
3	Dopamin 50mg	Ổng	5	
4	Adrenalin 0,1mg/ml	Ổng	10	
5	Diaphyllin 4,8%	Ổng	5	
6	Canxiclorua 0,5g	Ổng	10	
7	Vitamin B10,025g	Ổng	20	
8	Dimedron 100mg	Ổng	10	
9	Atropin Sunfat 0,25mg	Ổng	20	
10	Adalat 10mg	Viên	10	
11	Amoxicilin 0,5g	Viên	150	

12	Cloramphenicol 0,25g	Viên	100	
13	Paracetamol 500mg	Viên	500	
14	Becberrin 0,05g	Viên	500	
15	Biseptol 0,48g	Viên	500	
16	Oresol 27,9g (Pha trong 1.000ml nước)	Gói	50	
17	Metronidazol 0,25g	Viên	100	
18	Hộp thuốc chống sốc theo quy định của Bộ Y tế	Hộp	1	
19	Povidon iod 10%	Lọ	10	
20	Furosemid 20mg/2ml	Ống	5	
21	Dung dịch tiêm truyền NaCl 9‰ 500ml	Chai	5	
22	Dung dịch tiêm truyền Glucose 5% 500ml	Chai	5	
IV	Danh mục dụng cụ, phương tiện			
1	Ô tô cứu thương	Chiếc	1	
2	Cáng cứu thương	Chiếc	1	
3	Nẹp cố định gãy xương các loại	Bộ	5	
4	Oxy	Túi	2	
5	Bộ tiêu phẫu	Bộ	1	
6	Dây garo	Cái	4	
7	Ống nghe tim phổi	Chiếc	2	
8	Pink Kôcher có máu	Chiếc	2	
9	Kéo thẳng đầu tù 18 cm	Chiếc	2	
10	Bơm tiêm nhựa 5ml	Chiếc	20	
11	Bơm tiêm nhựa 10ml	Chiếc	10	
12	Kim lấy thuốc số 18	Chiếc	20	
13	Nhiệt kế	Chiếc	2	
14	Huyết áp kế đồng hồ	Chiếc	1	
15	Băng cuộn nhỏ	Chiếc	30	
16	Băng cuộn to	Chiếc	30	
17	Ống thông tiểu (Nam)	Chiếc	2	
18	Ống thông tiểu (Nữ)	Chiếc	2	
19	Găng tay vô khuẩn	Đôi	10	
20	Bông gạc hấp tiệt trùng	Hộp	1	
21	Cồn sát trùng 70 độ 100ml	Lọ	5	
22	Bóng bóp có mặt nạ	Chiếc	1	
23	Dây truyền dịch	Bộ	10	
V	Danh mục cơ sở thuốc, hóa chất, dụng cụ chống dịch và PCTT			
1	Ciprofloxacin 0,5g	Viên	200	
2	Azithromycin 0,2g	Viên	50	
3	Paracetamol 0,5g	Viên	100	
4	Biseptol 0,48g	Viên	200	
5	Cloramphenicol 0,25g	Viên	200	
6	Metronidazol 0,25g	Viên	100	
7	Oresol 27,9g (Pha trong 1.000ml nước)	Gói	50	
8	Cloramin B	Kg	10	
9	Cloramin B 5mg	Viên	1.000	
10	Crezyl	Lít	10	
11	Phèn chua	Kg	10	
12	Permethrin 50 EC	Lít	2	
13	Bình phun hóa chất	Chiếc	1	



Phụ lục VII:

DANH SÁCH CÁC TUYẾN ĐƯỜNG BỘ, THỦY PHỤC VỤ DI DỜI, SƠ TÁN DÂN

(Kèm theo Phương án số: 03/PA-BCH ngày 16/7/2021 của Ban Chỉ huy PCTT&TKCN tỉnh Cà Mau)

STT	Đơn vị	Tuyến đường giao thông chính	
		Tuyến đường bộ	Tuyến đường thủy
I	THÀNH PHỐ CÀ MAU		
1	Phường 1	Tuyến đường Lý Văn Lâm	
2	Phường 2	Đường Lý Bôn	
3	Phường 4	Các tuyến đường: Lâm Thành Mậu, Lý Bôn	
4	Phường 5	Tuyến đường Trần Hưng Đạo	
5	Phường 6	Quốc Lộ 1A	
6	Phường 7	Đường An Dương Vương	
7	Phường 8	Đường Nguyễn Tất Thành	
8	Phường 9	Tuyến đường Nguyễn Trãi, Ngô Quyền	
9	Phường Tân Thành		Kênh xáng Phụng Hiệp
10	Phường Tân Xuyên	Quốc Lộ 63	
11	Xã Tắc Vân	Quốc Lộ 1A	Kênh xáng Bạc Liêu - Cà Mau
12	Xã Tân Thành		Kênh Xáng Phụng Hiệp, Sông Định Bình
13	Xã Định Bình	Quốc lộ 1A	Kênh xáng Bạc Liêu - Cà Mau
14	Xã Hòa Tân		Sông Gành Hào
15	Xã Hòa Thành		Sông Gành Hào
16	Xã Lý Văn Lâm	Quốc lộ 1A	Kênh xáng Lương Thế Trân
17	Xã An Xuyên		Quốc lộ 63
II	HUYỆN CÁI NƯỚC		
1	Xã Lương Thế Trân	Tuyến lộ Lương Thế Trân - Đàm Dơi	Tuyến Kênh Xáng Lương Thế Trân, Tuyến sông Bảy Háp, Tuyến Nàng Âm - Xóm Mới, Tuyến đường chữ o Cái Nhum, Tuyến kênh 3 Gió - kênh Cái Nhum, Tuyến kênh Tám Mào - kênh đường Gạo, Tuyến kênh Cây Dương - Cây Dừng, Tuyến kênh Tám Lạng, Tuyến kênh Đồng Vinh
2	Xã Thạnh Phú	Tuyến Quốc lộ 1 A, Đường Lộ Lung lá nhà thề, Tuyến đường Kênh Quảng Sanh Đường Phấn Gầy,	Tuyến sông tân Đức
3	Phú Hưng	Tuyến Quốc Lộ 1A, tuyến lộ 3 m Nhà Thờ	Tuyến sông Lộ xe

4	Hung Mỹ	Lộ Xe, Sư Liệu, Mười Phải, Ba Bay-Út Trần, Bào Quảng, Mười Phải	Tuyến Xóm Lớn, Kinh Thị Tường A, Quan ĐàmBiện Tràng, Xẻo Trê, lòng Ông, Chợ củ Rau DừaGừa sập, Ba Vinh, Đầu Sấu, Nước Đục, Địa Gòn, Lung Chích, Cái Giếng, Kinh Năm
5	Xã Hòa Mỹ	Tuyến Lộ Hòa Mỹ - Xẻo Đước; Quốc lộ 1A, Mười Phải, Tuyến Lộ Xe, Địa Chuối Ngò Ôm, Trệt Tiên, Ba Tô, nước đục	Kênh Mười Sáu, kênh mười sáu, Địa Mới, Kinh Sậy,Địa Mới, Kinh Sậy, Chổng Mỹ, Lô xe, kênh ngang, Kinh chổng Mỹ, kênh Phụ Đầu
6	Xã Tân Hưng Đông	Tuyến Lộ Hòa Mỹ - Xẻo Đước; Lộ kênh Ráng Tân Tạo; Quốc lộ 1A	Tuyến kênh Rach Đước - Tân Tạo
7	TT Cái Nước	Tuyến lộ Trung tâm thị trấn; Quốc lộ 1A, lộ Tân Duyệt, lộ liên huyện Phú Tân	Tuyến sông Cái Nước, Đầm Cùng, tuyến sông Cái Nước, Rau Dừa
8	Xã Trần Thới	Tuyến Quốc lộ 1 A, Tuyến lộ Cái Chim Vàm Đình,	Tuyến sông Đầm Cùng, Bảy Háp, Bàu Trầu, Cái Muối
9	Xã Đông Thới	Tuyến Trung tâm xã - Giáo hồ, Lộ Xe tân Duyệt - Lung Bào Tròn	Tuyến kênh Nhà Thính; Kênh xáng Đông Hưng, Tuyến Kênh lớn, tuyến kênh Lộ xe, Cái Nước, Tân Duyệt, Tuyến Họa Đồ - Chệt Mười.
10	Đông Hưng	Tuyến lộ Tân Duyệt - Cái Cắm	Sông Bảy Háp, Sông Quảng Phước, Kênh Lớn - Rạch Cái Muối, Kênh Thủy lợi - Nhà Thính A.
III	HUYỆN NGỌC HIỂN		
1	Thị trấn Rạch Gốc	Đường từ thị trấn Rạch Gốc về trung tâm huyện (lộ cấp 6 ĐB)	Tuyến sông Rạch Gốc về trung tâm huyện
2	Xã Tân Ân	Đường từ thị trấn Rạch Gốc về trung tâm huyện (lộ cấp 6 ĐB)	Tuyến sông Rạch Gốc về trung tâm huyện
3	Xã Tân Ân Tây	Đường bộ từ trung tâm xã về huyện (lộ cấp 6 ĐB)	Tuyến sông Đường Kéo về trung tâm huyện
4	Xã Tam Giang Tây	Đường bộ từ trung tâm xã về huyện (lộ cấp 6 ĐB)	Vàm sông Thủ đi theo tuyến sông (rạch) về trung tâm huyện
5	Xã Viên An	Đường bộ từ trung tâm xã về huyện (lộ cấp 6 ĐB)	Tuyến sông cửa lớn và sông đường Kéo
6	Xã Viên An Đông	Đường bộ từ trung tâm xã về trung tâm xã Tân Ân Tây về huyện (lộ cấp 6 ĐB)	Tuyến sông cửa lớn và sông đường Kéo
7	Xã Đất Mũi	Đường bộ từ trung tâm xã về trung tâm huyện (Đường Hồ Chí Minh)	Từ trung tâm xã đi theo tuyến Rạch Tàu; tuyến Kênh Cục, tuyến sông Ba Đình; sông Ông Trang; sông Cửa Lớn, sông Đường Kéo
IV	HUYỆN THỚI BÌNH		
1	Thị trấn Thới Bình	Tuyến đê Đông, Tây sông Trẹm, tuyến Zero	Tuyến Sông Trẹm, kênh Zero, kênh Chắc Băng
2	Xã Tân Lộc	Quốc Lộ 63, tuyến lộ Láng Trăm	Kênh Bạch Ngưu, kênh Láng Trăm
3	Xã Tân Lộc Đông	Quốc Lộ 63, tuyến lộ Tân phong	Kênh Bạch Ngưu, kênh Tân Phong

4	Xã Tân Lộc Bắc	Quốc Lộ 63, lộ Hàng Gòn, lộ Đầu Nai	Các tuyến kênh: Bạch Ngưu, Hàng Gòn, Đầu Nai
5	Xã Tân Bằng	Tuyến đê Đông, Tây sông Trẹm;đường hành lang ven biển phía Nam	Kênh Sông Trẹm, kênh 7, kênh 8
6	Xã Biển Bạch	Tuyến đê Đông, Tây Sông Trẹm;đường Hành Lang ven biển phía Nam, tuyến lộ 13	Tuyến kênh Sông Trẹm, kênh 13, 14, 18, 19
7	Xã Biển Bạch Đông	Tuyến đê Đông, Tây Sông Trẹm;đường Hành Lang ven biển phía Nam, tuyến lộ số 6,	Tuyến kênh Sông Trẹm, kênh 6, 7, 8
8	Xã Hồ Thị Kỷ	Các tuyến Lộ xuyên A, Tắc Thủ, Ông Hương, Nông Kè, Đường Xuồng	Các tuyến kênh Đường Xuồng, Ông Hương, Nông Kè
9	Xã Trí Phải	Các tuyến Lộ Chắc Bàng, Kênh Kiểm, quốc Lộ 63	Các tuyến kênh: Kênh Kiểm, Chắc Bàng, kênh xáng Chợ Hội
10	Xã Trí Lực	Các tuyến lộ kênh 7 ngàn, kênh 8 ngàn	Các tuyến kênh 7 ngàn, 8 ngàn
11	Xã Thới Bình	Các tuyến lộ: Láng Trăm, Chắc Bàng, Báo Mớp, đê Đông sông Trẹm	Các tuyến kênh: Láng Trăm, Chắc Bàng, Báo Mớp, Sông Trẹm
12	Xã Tân Phú	Các tuyến lộ; Quốc Lộ 63, Ranh Hạt, Tân Phong	Các tuyến kênh: Chợ Hội, Ranh Hạt, Tân Phong
V	HUYỆN TRẦN VĂN THỜI		
1	TT Sông Đốc	Tuyến lộ bờ Nam, bờ Bắc Sông Đốc	Tuyến Sông Đốc
2	Xã Khánh Bình Tây	02 tuyến Lộ Nông thôn chính từ xã đến Ngã Tư Đá Bạc	Các tuyến: Kênh Hòn, kênh Ngang, kênh Tám
3	Xã Khánh Hải	Tuyến lộ Tắc Thủ đến trung tâm xã Khánh Hải	Các tuyến kênh: Bảy Ghe, kênh Mới, kênh Tư
4	Xã Khánh Bình Tây Bắc	Tuyến lộ Nông thôn chính đến trung tâm xã	Tuyến kênh Ba Tỉnh, kênh Sào Lưới
5	Xã Phong Điền	Các tuyến lộ từ trung tâm xã đến kênh: Vàm Xáng, Công Điền, Thị Kẹo.	Tuyến Sông Đốc, kênh Xẻo Quao, kênh xáng Thị Kẹo
6	Xã Khánh Bình	Tuyến lộ Tắc Thủ, lộ từ trung tâm xã đến xã Khánh Bình Đông, lộ Rạch Cui, lộ Kênh Giữa	Các tuyến kênh: Kênh Hội, Chồng Mỹ, Rạch Cui, Ông Bích, Cà Giữa, Rạch Bào, Đường Ranh
7	TT Trần Văn Thời	Các tuyến lộ: Kênh Cù, Kênh Chùa, kênh Trảng Cò và các kênh nội thị (lộ cấp 4 ĐB)	Tuyến Kênh Cù, Kênh Chùa, kênh Trảng Cò
8	Xã Lợi An	Các tuyến lộ từ trung tâm xã đến kênh: Rạch Lãng, Tắc Thủ, Công Nghiệp, Tân Phong, Ông Tự, Tân Thành, Tân Hiệp, Lung Thuộc, Đường Cuốc, Cái bác, cò Xước, Giao Vàm	Các tuyến sông: Rạch Lãng, Ông Đốc, Tân Phong, Ông Tự, Lung Thuộc, Đường Cuốc, Cái Bác, Xẻo Giá, Rạch Lãng, Giao Vàm, Tắc Thủ
9	Xã Phong Lạc	Các tuyến lộ Nông thôn: Lộ từ xã về khu Căn cứ Tỉnh Ủy, Lộ Rạch Bàn, Lộ Tân Bằng, Lộ Lung Dông, Lộ Công Trình	Các tuyến kênh: Chủ Ếnh, Rạch Bàn, Chồng Mỹ, Kênh Ba
10	Xã Khánh Bình Đông	Lộ từ Trung tâm xã đến tuyến lộ về Tắc Thủ (lộ cấp 6 ĐB)	Các tuyến kênh: rạch Nhum, Tham Chơi, Kênh Ngay, Dân Quân, Đường Xoài, Kênh Hội, Kiểu Mẫu, Kiểm Lâm, Minh Hà, Là Đường, Nhà Ngói, Làng Ông

11	Xã Khánh Hưng	Lộ từ Trung tâm xã đến huyện (lộ cấp 6 ĐB)	Các tuyến kênh: Kênh Háng, Công Nghiệp, Nhà Máy A, B, Rạch Lùm, Cống Đá
12	Xã Trần Hợi	Lộ từ Trung tâm xã đến huyện (lộ cấp 6 ĐB)	Các tuyến kênh: Kênh Cù, Nhà Máy, Còi Ba, Dinh Điền, Còi Nhì, Còi Nhất, Còi Tư, Kiểm Lâm, Kênh T32, kênh T34
13	Xã Khánh Lộc	Lộ từ Trung tâm xã đến huyện (lộ cấp 6 ĐB)	Các tuyến kênh: Rạch Ruộng, Kênh Ngang, số 2, kênh Tư, kênh 6 Thước Lớn, 6 thước Cùng
VI	HUYỆN ĐÀM DOI		
1	Xã Tân Dân	Trên các tuyến lộ liên xã	Tuyến kênh Cái Bát; sông Đầm Dơi; kênh Lô I, Lô III, chống Mỹ
2	Xã Tân Thuận		Các tuyến kênh Nông Trường; Chim Đẻ; sông Miếu Thiết - Vàm Mương - kênh Nông Trường; Gành Hào
3	Xã Nguyễn Huân		Các tuyến sông Cái Bè, sông Cây Tàng, sông Hồ Gùi
4	Xã Thanh Tùng	Trên các tuyến lộ liên xã và lộ nhựa về huyện	Tuyến kênh Lung Lá; sông Bão Mũ; Lung Thanh Tùng; kênh Mới; kênh Cù Lao
5	Xã Quách Phẩm	Trên các tuyến lộ liên xã	Các tuyến sông Bào Hầm, Cái keo, Bảy Háp; kênh Hàng Gòn, Mười Hội
6	Xã Tạ An Khương	Trên các tuyến lộ liên xã	Tuyến Kênh đung, kênh Cây Nở; sông Đầm Dơi, Bảy Háp
7	Xã Tân Đức	Trên các tuyến lộ liên xã	Các tuyến kênh: Sáu Đông, Hai Hạt, Xóm Lá, Tân Bình, Tân Phước, Tràm Con, Khúc Cạn
8	Xã Quách Phẩm Bắc	Trên các tuyến lộ liên xã	Các tuyến kênh: kênh Chuối, Lung Lá, Hai Vàng, Lung Lá, Bến Bào, Lung Quao, Nhà Cù
9	Xã Tân Trung	Trên các tuyến lộ liên xã và lộ nhựa về huyện	Tuyến Sông Bảy Háp
10	Xã Tân Tiến		Các tuyến sông Nước Trong - Cừ Bờ Cộ; Trảng Hầm; Cái Học - cửa Giá Lòng Đèn
11	Xã Ngọc Chánh	Trên các tuyến lộ liên xã	Các tuyến kênh: Nông trường, Cù Lao, Đồng Gòn, Mười Hội
12	Xã Tạ An Khương Đông	Trên các tuyến lộ liên xã	Các tuyến kênh: Cây Dừa, Kẹt Ráng, Kỹ Thuật, Nông Trường
13	Xã Tân Duyệt	Trên các tuyến lộ liên xã và lộ nhựa về huyện	Các Tuyến kênh: Bá Huê, Cây Trâm, Hàng Dừ kênh Xuôi
14	Xã Trần Phán	Trên các tuyến lộ liên xã và lộ nhựa về huyện	Tuyến sông: Bảy Háp, Chà Là, Bá Huê, Mà Ca
15	Thị trấn Đầm Dơi	Các tuyến lộ Bê tông Khóm I, IV, V, VI	
16	Xã Tạ An Khương Nam		Các tuyến kênh: Lô 18, Sáu Đông, Lung Sinh, sông Hương Mai

VII	HUYỆN NĂM CĂN		
1	Xã Tam Giang Đông		Tuyến sông Đầm Dơi, sông Cửa Lớn, kênh 3 Ông Đơn, sông Bến Dừa
2	Xã Lâm Hải	Tuyến Lộ xã Lâm Hải về trung tâm huyện (lộ cấp 6 ĐB)	Các tuyến sông: Trại Lưới, Cửa Lớn; rạch Trại Lưới A,
3	Xã Hàng Vịnh	Lộ Năm Căn Hàng Vịnh, Đường trục chính	Các tuyến kênh xáng Cấp 3; kênh xáng Cái Ngay, sông Cửa Lớn
4	Xã Tam Giang		Tuyến kênh 17, kênh 3 Ông Đơn, sông Bến Dừa, kênh Cây Mắm, sông Cửa Lớn
5	TT Năm Căn	Quốc lộ 1A, các tuyến giao thông nội thị	Sông Cửa Lớn, kênh xáng Năm Căn
6	Xã Hàm Rồng	Quốc lộ 1A	Kênh xáng Cái Ngay, sông Bảy Háp, kênh xáng Năm Căn, kênh 3, Kênh 5 Cái Trăng xã Hàm Rồng
7	Xã Hiệp Tùng	Lộ Năm Căn Hàng Vịnh - Hiệp Tùng	Kênh 5 - sông Bến Dừa; Kênh 3 - sông Bến Dừa; Kênh xáng Cái Ngay
8	Xã Đất Mới	Quốc Lộ 1A	Sông Bảy Háp, , kênh xáng Năm Căn, kênh xáng Quốc Phòng,
VIII	HUYỆN PHÚ TÂN		
1	Xã Tân Hải	Tuyến lộ về trung tâm xã (lộ cấp 6 ĐB)	Tuyến sông Cái Cấm, sông Công Nghiệp, kênh Thanh Bình, Sông Cái Đôi Vàm, Sông Bào Láng, Bến Địa, Mỹ Hưng, Kênh Mới, Lung Tàng, Tân Điền, Lô I, Lô II, kênh Tân Phong
2	Xã Phú Tân	Theo tuyến lộ huyện từ Cái Đôi Vàm - cầu Đầu Dừa - chợ Phú Tân	Tuyến Sông Cái Nước, Sông Mỹ Bình, Sông Tân Phú
3	Xã Phú Thuận	theo tuyến lộ huyện từ Cái Đôi Vàm - cầu Vàm Đình - chợ Vàm Đình	Tuyến kênh Xáng Vàm Đình, kênh Xáng ngã tư Giáp Nước, kênh Chà Là, Tuyến Sông Cái Chim Vàm Đình, Sông Đất Sét Vàm Đình, Tuyến sông Bùng Bình Cái Bát, tuyến Kênh Ông Xe, Sông Thứ Vãi Quảng Phú, Sông Gò Công, Tuyến sông Phòng hộ, tuyến lộ cấp 6
4	Xã Phú Mỹ	theo tuyến lộ huyện từ Cái Đôi Vàm - xã Tân Hải - xã Phú Tân - xã Phú Mỹ	Tuyến kênh Xáng Thọ Mai, tuyến sông Bà Ký, Tuyến kênh Năm và Lộ cấp 6
5	Xã Tân Hưng Tây	Tuyến lộ về trung tâm xã (lộ cấp 6 ĐB)	Tuyến sông Bùng Bình Cái Bát, tuyến kênh Ông Xe, tuyến sông Vàm Đình, tuyến sông Thứ Vãi, Quảng Phú, Tuyến Kênh Mới, Tuyến Sông Đầu Dừa, Tuyến Sông Lung Vinh
6	Xã Nguyễn Việt Khái	Theo tuyến lộ huyện từ UBND TT Cái Đôi Vàm qua cầu Kiểm Lâm đến cây Xăng 31 rẽ phải - chợ Gò Công, xã Nguyễn Việt Khái	Tuyến sông Gò Công, tuyến sông Phòng hộ; Tuyến lộ cấp 6
7	Việt Thắng	Tuyến lộ về trung tâm xã (lộ cấp 6 ĐB)	Tuyến sông Mang Gõ, sông So Đũa, sông Bào Châu
8	Xã Rạch Chèo	Tuyến lộ về trung tâm xã (lộ cấp 6 ĐB)	Tuyến kênh 90, kênh Năm, kênh Ba; Tuyến lộ cấp 6, Sông Bảy Háp
9	TT. Cái Đôi Vàm	Tuyến lộ về trung tâm thị trấn (lộ cấp 6 ĐB)	Tuyến sông Cái Đôi Vàm; tuyến lộ cấp 4; Tuyến sông Lô I, Lô II

IX	HUYỆN U MINH		
1	Xã Nguyễn Phích	Tuyến lộ U Minh - Nguyễn Phích (lộ cấp 6 ĐB)	Sông Cái Tàu
2	Xã Khánh Tiến	Tuyến lộ U Minh - Khánh Lâm - Khánh Hòa - Khánh Tiến (lộ cấp 6 ĐB)	Các tuyến sông: Hương Mai, Đường Cuốc, Xã Thịnh, Cái Tàu
3	Xã Khánh Hội	Lộ xe Khánh Hội - U Minh (lộ cấp 6 ĐB)	Sông Biện Nhị
4	Xã Khánh Thuận	lộ xe Thị trấn U Minh - Khánh Thuận và lộ giao thông nông thôn	Sông Cái Tàu
5	Xã Khánh An	Lộ xe U Minh - Cà Mau	Sông Cái tàu
6	Thị trấn U Minh	Các tuyến lộ nội ô Thị trấn và lộ giao thông Nông thôn	
7	Xã Khánh Lâm	Lộ xe Khánh Hội - U Minh (lộ cấp 6 ĐB)	Sông Biện Nhị
8	Xã Khánh Hòa	Lộ xe Khánh Lâm - Khánh Hòa và lộ giao thông nông thôn	Các tuyến kênh: Kim Đài, Đường Cuốc, Xã Thịnh, Lung Vườn

Phụ lục VIII:
DANH SÁCH CÁC ĐIỂM TIẾP NHẬN DI DỜI, SỞ TÁN DÂN

(Kèm theo Phương án số: 03/PA-BCH ngày 16/7/2021 của Ban Chỉ huy PCTT&TKCN tỉnh Cà Mau)

STT	Đơn vị	Địa điểm sơ tán	Số lượng người có thể sơ tán đến	Ghi chú
I	TP. CÀ MAU		30.792	
1	Phường 1	Hội LHPN tỉnh	300	
		Nhà dân	1.900	
		Trụ sở ban nhân dân khóm	200	
		Trạm y tế phường	200	
		Nhà công vụ khí điện đạm	721	
2	Phường 2	Trường TH Nguyễn Tạo	500	
		Trường PTTH Cà Mau	1.000	
3	Phường 4	Trụ sở UBND Phường	60	
		CLB Hưu Trí	60	
		Trường Phan Bội Châu	60	
		Trường TH Văn Lang	60	
		Gát Thiên tự	100	
4	Phường 5	Khách sạn Công Đoàn, Hội VHNT tỉnh	500	
		Trường TH Quang Trung, Công an Tỉnh	800	
		Trường TH Hùng Vương, Hậu Cần Công an	800	
		Trường TH Nguyễn Thái Bình, Sở Xây Dựng, Sở KH-CN	900	
		Trụ sở Sở Tài Chính, Tòa án tỉnh	170	
		Trụ sở Sở y tế	200	
		Làng trẻ SOS	200	
5	Phường 6	Khách sạn Ánh Nguyệt	1.000	
		NH Mê Kong	250	
		Nhà khách Thái Sơn	200	
		Trường quân sự địa phương	300	
		Công ty xăng dầu Cà Mau	100	
		Bảo hiểm bảo việt Cà Mau	100	
		Công ty Song Ngọc	100	
6	Phường 7	Trụ sở khóm 1	25	
		Khách Sạn Quốc Nam	100	
		Quốc Việt	180	
		Khách sạn Hải Châu	200	
		Khách sạn Song Ngọc	200	
		BVSK Tỉnh ủy	120	
		DN Bé Năm	100	

		DN Thu Ba	100
7	Phường 8	Trường Cao đẳng Y tế	500
		Trường TH P8/1, Mầm non Sen Hồng, TH NĐC và nhà dân kiên cố đường kênh tỉnh đội	200
		Trạm y tế, trường KT-KT và nhà dân	500
		Cảng cá, Xí nghiệp Camimex	200
		Sở thủy sản cũ	100
		Trường Lương Thế Vinh	300
		Nhà dân	500
8	Phường 9	UBND Thành Phố	400
		TT.TDĐT; Quán Phụng Vỹ	200
		Nhà thờ tin lành	200
		UBND P9, KS Thái Hoàng	370
		Trường chính trị	550
		KS Best (cũ), Trường Tôn Đức Thắng	1.000
9	Phường Tân Thành	Trung tâm thương mại Cửu Long	400
		Công ty Nga Thủy	100
		Trường TH Tân Thành 1	300
		Trường TH Tân Thành 2	300
		Chùa Thiên Lâm	400
		Nhà dân	500
10	Phường Tân Xuyên	Trụ sở nhóm 1, trường Lý Tự Trọng	250
		Trụ sở nhóm 2, trường Lý Tự Trọng	320
		Trụ sở nhóm 3, trường Tân Xuyên	80
		Trụ sở nhóm 4, mầm non Quỳnh Anh	260
		Trụ sở nhóm 5, trường Lý Tự Trọng	300
11	Xã Tác Vân	Nhà dân	200
		Trụ sở xã	300
		Trường THPT Tác Vân	250
		Trường TH Trần Hưng Đạo	250
		Trường THCS Nguyễn Du	250
		Trường TH Tác Vân	140
		Chùa Thiện Phước	200
12	Xã Tân Thành	UBND xã	300
		Trường THCS Tân Thành	300
		Trường THPT khu A	200
		Trạm y tế xã	150
		Trụ sở ấp 2, 3, 6, Bình Định	200
		Nhà dân	400
13	Xã Định Bình	Trường TH Lê Văn Tám	200
		Trường TH Kim Đồng	200
		Trạm Kiểm dịch	250

		Trường huấn luyện biên phòng	300	
14	Xã Hòa Tân	Trường THCS Hòa Tân	300	
		Trường TH Hoàng Diệu	200	
		Trường TH Võ Trường Toản	250	
		Trụ sở UBND xã	300	
15	Xã Định Bình	Trụ sở UBND Xã	300	
		Trường TH Hòa Thành 1	400	
		Trường TH Hòa Thành 2	400	
		Trường TH Hòa Thành 3	400	
		Trường TH Nguyễn Trung Trực	500	
16	Xã Lý Văn Lâm	Trường THPT-THCS Lý Văn Lâm	400	
		Trường tiểu học Tân Hưng	500	
		Trung tâm văn hóa xã	500	
		Hội trường UBND xã	400	
		Nhà dân	550	
17	Xã An Xuyên	Trụ sở ấp 2, Trường tiểu học An Xuyên	140	
		Trụ sở ấp 3	170	
		Trụ sở ấp 4, Trường Mầm non An Xuyên	120	
		Trụ sở ấp 5, nhà dân	96	
		Trụ sở ấp 6, Trường THCS An Xuyên	110	
		Trụ sở ấp 8, Đình Tân Đức	120	
		Trụ sở ấp 10, nhà dân	100	
		Trụ sở ấp Tân Dân	100	
		Trụ sở ấp Tân Hiệp, Chùa Bửu Sơn	110	
		Trụ sở ấp Tân Thời, Trường TH Nguyễn Trãi	100	
		Trụ sở ấp Tân Thuộc, nhà dân	100	
II	HUYỆN CÁI NƯỚC		45.787	
18	Xã Lương Thế Trân	Trường THCS Hòa Trung	200	
		Trường TH Lương Thế Trân	150	
		Trụ sở UBND xã	100	
		Trụ sở BCH Quân sự xã	20	
		Công ty Đại Phát	500	
		Công ty Việt Nam Food	500	
		Công ty Ánh Ngọc	100	
		Công ty Hòa Trung	500	
		DNTN Thế Duy	200	
		Công ty Đại Dương	700	
		Công ty FFC	700	
		Nhà thờ dòng họ Lương Thế Trân	400	
		Nhà thờ Cây Bóm	600	
		Trường TH Trung Hưng Dân lập	300	
		Trường TH Trung Hưng	400	

19	Xã Thạnh Phú	Trụ sở UBND xã Thạnh Phú	300
		Trạm Y tế	200
		Điểm trường THCS Trần Quốc Toàn	400
		Trường Tiểu học Thạnh Phú	200
		Trường Tiểu học Thạnh Phú 2:	200
		Trường Mẫu giáo tại chợ xã;	200
		Mẫu giáo ấp Sở Tại.	200
		Chùa Hưng Nhơn	300
		Trụ sở văn hóa ấp	50
		Trường Tiểu học Thạnh Phú 1:	300
		Trường Tiểu học TP3:	300
		Trung đoàn 896	200
		Trụ sở văn hóa ấp	50
		Mẫu giáo ấp Phấn Thạnh;	200
20	Xã Phú Hưng	Trụ sở hành chính xã	1500
		Trường THPT Phú Hưng	2000
		Trường THCS Phú Hưng	1000
		Trường Tiểu học Phú Hưng	500
		Trường Tiểu học Phú Hưng A	1500
		Trường Tiểu học Phú Hưng B	1000
		Trường Tiểu học Phú Hưng C	1000
		Trường mẫu giáo Hoa Sen	500
21	Xã Tân Hưng	39 nhà dân kiên cố trên địa bàn xã	1.800
		Chùa Tịnh độ	100
		Trường TH Tân Hưng II	50
		Trường TH Bào Vững	80
		Trường THCS Tân Hưng	100
		Trường TH Tân Hưng I	200
22	Xã Hưng Mỹ	Trụ sở ấp Thị Tường A	60
		Trạm y tế xã	100
		32 nhà dân kiên cố trên địa bàn xã	1.445
		Trụ Sở hành chính	300
		Trung tâm văn hóa xã	250
		Trụ sở ấp	50
		Trường THCS QT	300
		Trụ sở ấp Lý Án	35
		Trường TH hưng Mỹ 2	100
		Trường TH hưng Mỹ 1	100
		Trụ sở ấp	50
		Điểm lẻ trường TH HM 1	100
		Trụ sở ấp	50
		Trụ sở ấp Thị Tường B	30

23	Xã Hòa Mỹ	33 nhà dân kiên cố	517	
		Trường THCS	50	
		Trường TH HM 1	43	
		Trụ sở UBND xã	194	
		Trụ sở ấp Thị Tường	132	
24	Xã Tân Hưng Đông	Trường TH - THĐ2	100	6415
		102 nhà dân kiên cố trên địa bàn xã	5105	
		Nhà thờ miếu họ Đặng	100	
		Trường TH - Tân Hưng Đông 1	300	
		Trường THCS Tân Hưng Đông	200	
		Trụ sở Ủy ban nhân dân xã	150	
		Trụ sở Công an xã	100	
		Trụ sở Quân sự xã	80	
		Trạm điện lực	100	
		Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp	100	
		Trạm y tế	80	
25	Thị trấn Cái Nước	Trường PTTH	1000	
		Trường PTTH Nguyễn Mai	1000	
		Trường tiểu học Cái Nước 1	500	
		Ban Dân Vận	300	
		Huyện ủy	400	
		UBND huyện	300	
		Chi cục thuế	500	
		Bệnh viện đa khoa	1000	
		Công an huyện	500	
26	Xã Trần Thới	100 nhà dân kiên cố trên địa bàn xã	1981	3135
		Trụ sở SHVH ấp Cái Chim	100	
		Trụ sở ấp Đầm Cùg	50	
		Xí Nghiệp Nam Long	50	
		Trụ sở UBND xã	100	
		Trụ sở sinh hoạt VH ấp	50	
		Trụ sở sinh hoạt ấp Đông Mỹ	100	
		Trụ sở ấp Bình Thành	100	
		Trường tiểu học Trần Thới	200	
		Trường tiểu học Trần Thới 2	200	
		Trụ sở SHVH ấp Mỹ Tân	100	
		Trường THCS Trần Thới	104	
27	Xã Đông Thới	41 nhà dân kiên cố trên địa bàn xã	1089	1929
		Trường THCS Đông Thới	300	
		Trường MG Đông Thới	130	
		Trường TH Đông Thới 1	30	
		Trụ sở xã Đội	80	

27	Xã Đông Thới	Trường Tiểu học Đông Thới 2	100	
		Điểm trường Kinh Nhỏ	50	
		Điểm Trường tiểu học Năm Long	50	
		Điểm Trường tiểu học Nhà Thính	50	
		Điểm Trường tiểu học Tân Điền	50	
28	Xã Đông Hưng	10 nhà dân ấp Trọng Ban	940	5.102
		15 nhà dân ấp Phong Lưu	470	
		13 nhà dân ấp Nhà Thính A	510	
		9 nhà dân ấp Cái Cắm	232	
		11 nhà dân ấp Giá Ngự	310	
		15 nhà dân ấp Tân Phong	600	
		Trường THCS	100	
		18 nhà dân ấp Cái Giếng	1.440	
	Trụ sở UBND xã	500		
III	HUYỆN NGỌC HIỂN		20.314	
29	Thị trấn Rạch Gốc	BCH QS thị trấn, Đồn Biên phòng 676 và các nhà dân kiên cố ở địa bàn	1.594	
30	Xã Đất Mũi	Trường tiểu học 1,2,3, và trường THCS xã Đất Mũi, đồn Biên phòng Đất Mũi, các nhà dân kiên cố ở xã và sơ tán về Trung tâm huyện Ngọc Hiển.	5.000	
31	Xã Tân Ân	Trụ sở Xã đội, trường THCS, trường tiểu học 1 và 2 xã, và sơ tán về Trung tâm huyện Ngọc Hiển.	1.030	
32	Xã Tam Giang Tây	Trụ sở Xã đội, trường THCS, trường tiểu học 1 và 2 xã, Đồn Biên phòng tam Giang Tây và sơ tán về Trung tâm huyện Ngọc Hiển.	4.000	
33	Xã Viên An	Trụ sở UBND xã, Ban QLRPH Đất Mũi trường Tiểu học 1 và 2 và, trường THPT xã, nhà dân kiên cố và sơ tán về Trung tâm huyện Ngọc Hiển.	2.500	
34	Xã Viên An Đông	Trụ sở: UBND xã, BCH QS xã, tất cả các điểm trường kiên cố xã và các nhà dân kiên cố, sơ tán về Trung tâm huyện	4.000	
35	Xã Tân Ân Tây	Trụ sở: UBND xã, Nông trường 414, BCH QS xã, tất cả các điểm trường kiên cố xã và các nhà dân kiên cố, sơ tán về Trung tâm huyện	2.190	
IV	HUYỆN THỚI BÌNH		4.500	
36	TT Thới Bình	UBND huyện, thị trấn, trường cấp 3, nhà dân kiên cố.	212	
37	Xã Tân Lộc	UBND xã, các điểm trường, trạm y tế, nhà dân kiên cố.	310	
38	Xã Tân Lộc Đông	UBND xã, các điểm trường, trạm y tế, nhà dân kiên cố.	450	
39	Xã Tân Lộc Bắc	UBND xã, các điểm trường, trạm y tế, nhà dân kiên cố.	310	
40	Xã Tân Bằng	UBND xã, các điểm trường, trạm y tế, nhà dân kiên cố.	400	
41	Xã Biển Bạch	UBND xã, các điểm trường, trạm y tế, nhà dân kiên cố.	420	

42	Xã Biển Bạch Đông	UBND xã, các điểm trường, trạm y tế, nhà dân kiên cố.	300	
43	Xã Hồ Thị Kỷ	UBND xã, các điểm trường, trạm y tế, nhà dân kiên cố.	498	
44	Xã Trí Phải	UBND xã, các điểm trường, trạm y tế, nhà dân kiên cố.	400	
45	Xã Trí Lục	UBND xã, các điểm trường, trạm y tế, nhà dân kiên cố.	320	
46	Xã Thới Bình	UBND xã, các điểm trường, trạm y tế, nhà dân kiên cố.	520	
47	Xã Tân Phú	UBND xã, các điểm trường, trạm y tế, nhà dân kiên cố.	360	
V	HUYỆN TRẦN VĂN THỜI		33.199	
48	TT Sông Đốc	Trường Tiểu học 2 Sông Đốc (Khóm 4)	500	
		Trường THCS 2 Sông Đốc (Khóm 4)	500	
		Đồn BP Sông Đốc (Khóm 1)	500	
		Hội quán Hưng hải tự (Khóm 2)	1.000	
		Trường Tiểu học 1 Sông Đốc (Khóm 2)	500	
		Trường THCS 1 Sông Đốc (Khóm 7)	500	
		UBND thị trấn Sông Đốc (Khóm 7)	1.000	
		Trường THPT Sông Đốc (Khóm 9)	500	
		Trụ sở Quân Sự (Khóm 7)	300	
		Nhà nguyện (Khóm 10)	2.000	
		Cảng cá Sông Đốc (Khóm 11)	1.000	
49	Xã Khánh Bình Tây	Trường THPT Võ Thị Hồng	1.080	
		Trường Dân tộc Nội trú Danh Thị Tươi	1.090	
		Trường THCS	335	
		Trường Tiểu học A	507	
		Nhà chông, trú bão xã	100	
50	Xã Khánh Hải	Nhà Thờ Khánh Hưng A	350	
		BCH Quân sự xã	80	
		Trường Tiểu học 1	150	
		Trường THCS 1	250	
		Nhà tránh trú bão	80	
51	Xã Khánh Bình Tây Bắc	Trường THCS, Mũi Tràm C	400	
		Trường TH 1, Mũi Tràm C	300	
		Trường TH 2, Sào Lưới B	450	
		Trường TH 3, ấp 1	450	
		Trường TH 4, ấp 3	450	
		Trụ sở ấp Sào Lưới A	50	
		Trường THCS Lâm Ngự Trường, ấp 3	200	
		Trụ sở UBND xã	300	
		Trường Mầm non	300	
		Trường Tiểu học 3	300	

52	Xã Phong Điền	Trường Tiểu học 1	200
		Trường Tiểu học 2	250
		Trường THCS	300
		Trường THCS 2	300
		BCH Quân sự xã	150
53	Xã Khánh Bình	Trường THCS	100
		Ban CH Quân sự	57
		Trường Mầm non Tuổi Ngọc	50
		Trường tiểu học 1	100
		Trường tiểu học 2	100
		Trường tiểu học 3	100
54	TT Trần Văn Thời	- Huyện ủy, nhóm 1	300
		- Tòa án, nhóm 1	200
		- Thi Hành án, nhóm 1	200
		- Trung tâm YTDP, nhóm 1	200
		- Trường THPT, nhóm 7	500
		- Trường THPT, nhóm 7	500
		- Trung tâm GDNN, nhóm 9	300
		- Trường THCS, nhóm 9	500
		- Trung tâm BDCT, nhóm 9	300
		- Bảo Hiểm xã hội, nhóm 9	200
		Khối Liên cơ quan MTTQ, Đoàn thể huyện, nhóm 9	300
		Khối Liên cơ quan Nhà nước, nhóm 9	300
55	Xã Lợi An	Trường Trung học cơ sở 1	150
		Trường Trung học cơ sở 2	150
		Trường Tiểu học 1	100
		Trường Tiểu học 3	150
		Trạm Y tế xã	100
		UBND xã	200
		25 nhà dân	2.520
56	Xã Phong Lạc	Trụ sở UBND xã	200
		BCH Quân sự xã	100
		Trường Mầm non, ấp Rạch Bàn	200
		Trường Tiểu học 1, ấp Đất Cháy	200
		Trường Tiểu học 2, ấp Rạch Bàn	300
		Trường THCS, ấp Rạch Bàn	300
		Tiểu học 3, ấp 4	300
		Trạm Y tế, ấp 5	50
		Trường Mầm non, ấp 5	400
		UBND- BCH Quân sự xã, ấp 6	200
		Trường Tiểu học 6, ấp 6	500

57	Xã Khánh Bình Đông	Trường THCS, ấp 6	700	
		Trường Tiểu học 5, ấp 7	400	
		Trường THCS Phạm Chí Hiền, ấp 12B	700	
		Trường Tiểu học 1, ấp 12B	600	
		Trường Tiểu học 4, ấp Minh Hà B	800	
		Trường Tiểu học Lý Tự Trọng	700	
58	Xã Khánh Hưng	- Trường THCS	100	
		- Trường Tiểu học 2	100	
		- Hải Đội biên phòng 2	100	
		- Trường Mầm non	100	
		- Trường Tiểu học 3	100	
		- Trường THPT	100	
		- Trường Tiểu học 1	100	
		- UBND xã	300	
59	Xã Trần Hợi	- Trường THCS Trần Hợi	200	
		- Trường THCS U Minh	200	
		- Trường THCS Võ Dơi	200	
		- Trường Tiểu học 1 Trần Hợi	200	
60	Xã Khánh Lộc	Trụ sở UBND xã	150	
		Trường THCS	100	
		Trường TH 1	100	
VI	HUYỆN ĐÀM DƠI		41.386	
61	Thị trấn Đầm Dơi	Trường Tiểu học Khóm I thị trấn		
		Trụ sở Huyện ủy		
		Trụ sở UBND huyện		1.040
		Trụ sở Công an huyện		
		Trụ sở Tòa án huyện		
		Trường Tiểu học khóm II thị trấn		
		Trụ sở Huyện đội		1.428
		Nhà BS. Hường - Hiệp		
		Trụ sở UBND thị trấn		
		Trụ sở Ngân hàng NN&PTNT		6.778
		Trụ sở Kho Bạc Nhà nước		
		Trung tâm Viễn thông 5		
62	Xã Tạ An Khương	Trụ sở UBND xã	200	
		Trường Tiểu học Muong Đường	160	
		Trường THCS Tạ An Khương	480	
		Trường Tiểu học Thành Điền	240	
		Nhà ông Nguyễn Viết Tổng	50	
		Nhà ông Nguyễn Văn Bảy	80	
		Nhà bà Bùi Thị Truyền	80	
		Trụ sở UBND xã	400	

63	Xã Tạ An Khuong Đông	Trường Tiểu học Thới Phong	600
		Trường THCS Thới Phong	600
		Trường Quảng Lỗi	600
64	Xã Tạ An Khuong Nam	Trường THCS TAK Nam	500
		Trường Tiểu học TAK Nam	700
		Trung tâm văn hóa xã	450
		BCHQS xã	100
65	Xã Tân Đức	Trường Tiểu học Tân Đức	400
		Trường Tiểu học Tân Phước	400
		Trường THPT Tân Đức	500
		Trường THCS Hiệp Bình	400
66	Xã Tân Thuận	Trường THCS Tân Thuận	270
		Trường TH Thuận Hòa	300
		Trường TH Xóm Tắc	270
		Trường TH Kênh Ngây	60
		Trường TH Thuận Hòa A	90
		trường TH Ao Bông	90
		Trường TH Học Môn	90
		Trường TT Thuận Phước	90
		Trường TH Thuận Lợi A	90
67	Xã Tân Tiến	Trường Tiểu học Tân Tiến	200
		Trường THCS Tân Tiến	300
		Trường học Cầu Đồn	100
		Đồn Biên phòng Tân Tiến	500
		Trụ sở UBND xã	500
		50 nhà dân	450
68	Xã Nguyễn Huân	Trụ sở UBND xã	500
		Ban Chỉ huy QS xã	100
		Trường THCS Nguyễn Huân	1.000
		Trường TH Vàm Đầm	1.400
		Trường Mẫu giáo Vàm Đầm	200
69	Xã Tân Dân	Trường Tiểu học Tân Dân	600
		Trường Tiểu học Tân Dân	600
		Trụ sở hành chính xã Tân Dân	400
70	Xã Thanh Tùng	Trạm y tế xã	60
		Ban Chỉ huy QS xã	100
		Trường THCS Thanh Tùng	150
		Trường Tiểu học Tân Điền	200
		Trường Tiểu học Thanh Tùng	250
		Trường Mẫu giáo	100
		75 nhà dân	690
		Trường Tiểu học An Lập điểm Bào Hàm	150

71	Xã Quách Phẩm	Trụ sở UBND xã	250	
		Trường THCS Quách Văn Phẩm	400	
		Trường Tiểu học An Lập	300	
		Trường Tiểu học An Lập điểm Xóm Mới	150	
		Trường Tiểu học Cái Keo	350	
72	Xã Quách Phẩm Bắc	Trường Tiểu học QPBắc	600	
		Trụ sở UBND xã	300	
		Trạm y tế xã	200	
		Ban Chỉ huy quân sự xã	100	
		Trường Tiểu học Minh Điền	400	
		Trường Tiểu học Bến Bào	600	
		Trường Tiểu học Xóm Rẫy	300	
		Trường Tiểu học Tân Trung	600	
73	Xã Ngọc Chánh	Trường Tiểu học Tân Hùng	1.100	
		Trường Tiểu học điểm Tân Hùng	900	
		Trường THCS Ngọc Chánh	600	
		Trụ sở UBND xã	700	
		Trạm y tế xã	300	
74	Xã Tân Duyệt	Trường Tiểu học Tân Duyệt	400	
		Trường THCS Tân Duyệt	400	
		Trường Mẫu giáo Tân Duyệt	300	
		Trường Tiểu học Đồng Tâm	400	
		Trường Tiểu học Tân Hồng	500	
		Trường Tiểu học Tân Khánh	400	
75	Xã Trần Phán	Trường Mầm non Trần Phán	500	
		Trường Tiểu học Trần Phán	500	
		Trường THCS Trần Phán	500	
		Trường Tiểu học Nhị Nguyệt	250	
76	Xã Tân Trung	Ban Chỉ huy quân sự xã	100	
		Trường Tiểu học Thành Vọng	500	
		Trường Tiểu học Phú Điền	400	
		Trường THCS Thành Vọng	300	
		Ban Chỉ huy quân sự xã	100	
		Trường Tiểu học Thành Vọng	500	
		Trường Tiểu học Phú Điền	400	
		Trường THCS Thành Vọng	300	
VII	HUYỆN NĂM CĂN		17.444	
77	Thị trấn Năm Căn	UBND thị trấn, Công an, BCHQS huyện, các Trường học, Chi cục thuế, Trụ sở Hải đội 402 cảnh sát biển, khách sạn Ôzon, KS Công Đoàn và các cơ quan ban ngành khác, các nhà kiên cố của dân	2.800	

78	Xã Tam Giang	UBND xã, các trường học, Tạm Y tế xã, trụ sở các đơn vị khác, Nhà kiên cố của dân	2.203	
79	Xã Tam Giang Đông	UBND xã, Trường THCS, Trường Tiểu học, trường Mẫu giáo, các nhà kiên cố của dân	1.760	
80	Xã Lâm Hải	UBND xã, Trụ sở BCHQS xã, các trường học, Tạm Y tế xã, các nhà kiên cố của dân	1.960	
81	Xã Hàng Vịnh	UBND xã, các trường học, Trụ sở Hải đội 402 cảnh sát biển, Tạm Y tế xã, các nhà kiên cố của dân	1.500	
82	Xã Hàm Rồng	Khu hành chính xã, các trường học, nhà kiên cố của dân	2.650	
83	Xã Hiệp Tùng	UBND xã, các trường học, Tạm Y tế, các nhà kiên cố	1.381	
84	Xã Đất Mới	Khu hành chính xã, các trường học, Tạm Y tế xã, Nhà thờ Kênh Nước Lên, các nhà kiên cố cầu dân	3.190	
VIII	HUYỆN PHÚ TÂN		17.793	
85	Xã Tân Hải	Điểm trường TH Tân Nghiệp A, B, Trung tâm văn hóa trường THCS Tân Hải, Trường Mẫu giáo Hoa Mai, Trụ sở Văn hóa ấp và nhà dân kiên cố	4 900	
86	Xã Phú Tân	Trường THCS Phú Tân và nhà dân kiên cố	1 330	
87	Xã Phú Thuận	Trường THCS và THPT Vàm Đĩnh, Trường THCS Đặng Tân Triệu; Trường TH Phú Thuận 1 và 2; Nhà Văn hóa ấp Trống Vàm, Rạch Láng, Giáp Nước và Chà Là; Trụ sở UBND xã và nhà dân kiên cố	2 400	
88	Xã Phú Mỹ	Trụ sở UBND xã; Trường Mẫu giáo Hòa Mỹ và nhà dân kiên cố	700	
89	Xã Tân Hưng Tây	Trụ sở UBND xã; Trường THCS, Trường TH Tân Hưng Tây A, B, Trường TH Quảng Phú; Bưu cục Tân Hưng Tây; Trường Mẫu giáo Hướng Dương; Trạm Y tế xã; 23 hộ nhà dân kiên cố	3 145	
90	Xã Nguyễn Việt Khái	Ban QL rừng phòng hộ Sào Lưới; Trường TH Việt Khái 2; Trụ sở xã Đội; Trụ sở UBND xã; Salatel ấp Gò Công Đông	700	
91	Xã Việt Thắng	Trường THCS Việt Thắng; 04 hộ nhà dân kiên cố	395	
92	Xã Rạch Chèo	Trường THCS, trường TH Rạch Chèo; Trụ sở UBND xã và nhà dân kiên cố	1 250	
93	TT. Cái Đôi Vàm	Trung tâm Y tế; Trụ sở UBND thị trấn Cái Đôi Vàm; Trường TH Cái Đôi Vàm 1 và 3; Trường THCS Lê Hồng Phong; Đồn Biên phòng Cái Đôi Vàm; Chi cục Thuế; Nhà thờ khóm 7; Trường THCS Phan Ngọc Hiền và 4 nhà dân kiên cố	2 973	
IX	HUYỆN U MINH		39.675	
94	Xã Nguyễn Phích	Các trường TH: Dương Nhị Chi, Quỳnh Quảng, Nguyễn Văn Tố, Nguyễn Phích, Trịnh Minh Hưởng và trụ sở BCH Quân sự và UBND xã	1.600	
95	Xã Khánh Tiến	Trung tâm huyện (các trụ sở cơ quan ban, ngành huyện; các trường học kiên cố) và điểm trường tuyến 29, 89 xã Khánh Lâm; trụ sở Nhà văn hóa xã Khánh Lâm, nhà dân kiên cố	4.525	

96	Xã Khánh Hội	Thị trấn U Minh (trường THPT, trường Nguyễn Văn Huyền, trường Mầm non Hương Tràm, Trung tâm dạy nghề, nhà Văn hóa Thiếu nhi, Phòng NN&PTNT) Trường TH Nguyễn Văn Tố, Trường THCS Thái Văn Lung và trường Hoàng xuân Nhị, trường Mầm non Hoa Mai xã Nguyễn Phích	6.600	
97	Xã Khánh Thuận	Các nhà dân kiên cố trên địa bàn xã	1.800	
98	Xã Khánh An	Các điểm trường: Trường THCS Lê Quý Đôn, Mầm non Sơn Ca, THCS Huỳnh Phan Hộ, TH Nguyễn Việt Khải, TH Trường An, THPT Khánh An; Nhà Văn hóa, nhà thi đấu TDTD xã; nhà dân kiên cố	4.130	
99	Thị trấn U Minh	Trường Mầm non Hương Tràm, TH Nguyễn Văn Huyền; trụ sở trạm Y tế, UBND thị trấn, và các nhà dân kiên cố của thị trấn	7.770	
100	Xã Khánh Lâm	Trụ sở UBND xã và các trường THCS, THPT, TH trên địa bàn xã, nhà dân kiên cố	10.950	
101	Xã Khánh Hòa	Trụ sở UBND xã và các trường THCS, THPT, TH trên địa bàn xã, trường Mẫu giáo Hướng Dương	2.300	
	TỔNG		246.390	



Phụ lục IX:

DANH SÁCH CÁC CẢNG CÁ, BẾN CÁ, KHU NEO ĐẬU TRÁNH TRÚ BÃO

(Kèm theo Phương án số: 03/PA-BCH ngày 16/7/2021 của Ban Chỉ huy PCTT&TKCN tỉnh Cà Mau)

TT	Tên	Địa chỉ	Vị trí, tọa độ	Độ sâu vùng nước đậu tàu (m)	Sức chứa tàu cá tại vùng nước đậu tàu (Chiếc)	Vị trí bắt đầu vào luồng	Hướng luồng	Chiều dài luồng (km)	Quy mô	Ghi chú
1	Khu neo đậu tránh trú bão Sông Đốc	Thị trấn Sông Đốc, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau	09°02'00"N-104°50'00"E	3,5	1000	09°02'00"N-104°48'00"E	Tây Bắc	3,5	- Chiều dài: 2.630m; - Chiều rộng: 12m; - Số lượng trụ: 93 trụ, khoảng cách các trụ 24m/trụ; - Khả năng neo đậu của 01 trụ: 12 tấn/03 chiếc;	
2	Khu neo đậu tránh trú bão Rạch Gốc	Xã Tân Ân, thị trấn Rạch Gốc, huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau	08°40'00"N-105°03'00"E	4,2	600	08°35'00"N-105°00'00"E	Đông Nam	3,5	- Chiều dài: 4.000m; - Chiều rộng: 20m; - Số lượng trụ: 180 trụ, khoảng cách các trụ 40m/trụ; - Khả năng neo đậu của 01 trụ: 15 tấn;	
3	Khu neo đậu Cái Đôi Vàm	Thị trấn Cái Đôi Vàm, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau	08°51'00"N-104°49'00"E	3	600	08°51'00"N-104°47'00"E	Tây Bắc	4,8	- Chiều dài: 2.600m; - Chiều rộng: 20m; - Số lượng trụ: 100 trụ, khoảng cách các trụ 40m/trụ; - Khả năng neo đậu của 01 trụ: 06 tấn/03 chiếc;	
4	Khu neo đậu tránh trú bão Khánh Hội	Xã Khánh Hội, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau	09°21'09"N-104°50'40"E	3,5	700	09°20'35"N-104°48'33"E	Tây	4,5		Đang thi công
5	Cảng cá Sông Đốc	Thị trấn Sông Đốc, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau							- Diện tích: 30.000 m ² - Chiều dài cầu cảng: 200m; - Công suất thiết kế: 45.000 tấn/năm.	
6	Bến cá Hố Gù	Ấp Mai Hoa, xã Nguyễn Huệ, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau							- Diện tích: 8.000 m ² - Công suất thiết kế: 5.000 tấn/năm.	Đang thi công
7	Bến cập tàu Bãi nhỏ đảo Hòn Khoai	Xã Tân Ân, huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau							- Diện tích cầu cảng: 1.345 m ² , đường dẫn 450 m - Công suất thiết kế: 10.000 tấn/năm.	Chưa thi công



Phụ lục X:

DANH SÁCH CÁC ĐIỂM NEO ĐÀU TRÁNH TRÚ BẢO TRONG CÁC KÊNH, RẠCH

(Kèm theo Phương án số: 03/PA-BCH ngày 16/7/2021 của Ban Chỉ huy PCTT&TKCN tỉnh Cà Mau)

TT	ĐỊA ĐIỂM	VỊ TRÍ NEO ĐÀU	QUY MÔ (phương tiện)
I	Huyện Đầm Dơi		
1	Xã Tân Thuận	Kênh xáng Nông Trường	30
		Kênh Đại Tướng	10
		Kênh Vàm Mương	20
		Kênh Giá Râm	14
		Sông Đồng Giác	20
2	Xã Nguyễn Huân	Rạch Trảng Trâm (ấp Mai Hoa)	20
		Vàm Cả Bẹ hướng về Bảy Căn 2km	100
		Tuyến sông Đầm Dơi (từ Vàm kênh Ông Mao đến Vàm Cây Gừa) hướng về Đầm Dơi 2 km	100
3	Xã Tân Tiến	Ngã ba Cây Tàng (ấp Thuận Tạo)	20
II	Huyện U Minh		
1	Xã Khánh Hội	Từ kênh Chệt Túng đến kênh Sáu Tiến (cả 02 bên bờ sông)	700
2	Xã Khánh Tiến	Từ ngã ba kinh Chà Là đến ngã ba Rạch Dinh (cả 02 bên bờ sông)	200
3	Thị trấn U Minh	Từ Trung tâm dạy nghề về kinh Sáu Nhiều (cả 02 bên bờ sông Cái Tàu)	200
III	Huyện Trần Văn Thời		
1	Xã Khánh Bình Tây	Cống Đá Bạc trở ra(02 bên bờ sông)	400
2	Xã Khánh Hải	Vàm công Kênh Mới	300
		Vàm công Kinh Tư	150
		Vàm Bảy Ghe	150
3	Xã Khánh Bình Tây Bắc	Vàm Ba Tinh	400
		Vàm Sào Lưới	400
4	Xã Phong Điền	Vàm Bà Kẹo	1.000
5	Thị trấn Sông Đốc	Bờ Nam: Từ Công ty bột cá Quốc Hiệp (khóm 5) đến xã Phong Điền	1.000
		Bờ Nam: Từ cảng cá Sông Đốc (khóm 11) đến xã Khánh Hải	1.700
IV	Huyện Phú Tân		
1	Xã Tân Hải	Cửa sông Cái Cấm và cửa Công Nghiệp	300
2	Xã Phú Tân	Sông Cái Đôi, Kênh Bờ Càng, Sông Tân Điền, Sông Đường Cày, Kênh Ngang, Kênh Hai Trụ Đá, Kênh Cái Bát, kênh Ông Tà, kênh Hai Thọ, kênh Lô II	330
3	Xã Phú Thuận	khu vực chợ Vàm Đình, chợ Giáp Nước; Khu vực gần Nhà văn hóa ấp Rạch Láng, Chà Là	10
4	Xã Tân Hưng Tây	Khu vực Bùng Bình Cái Bát; Tuyến Kênh Mới ấp Hưng Hiệp; Tuyến Sông Quảng Phú ấp Quảng Phú, Tuyến Sông Vàm Đình, Sông Thứ Vải, Sông Lung Vinh, kênh Ông Xe	600

5	Xã Nguyễn Việt Khái	Từ trụ sở Ban quản lý rừng phòng hộ Sào Lưới đến ngã ba Bà Quảng	200
6	Xã Phú Mỹ	Kênh Xáng Thọ Mai 1.000 m	5
7	Xã Rạch Chèo	Vàm Kênh Năm trở vào khoảng 1.500 m	37
8	TT. Cái Đoi Vàm	Khu vực áp Cái Đoi Vàm, áp Thanh Đạm A (Khu neo đậu tránh trú bão)	200
V Huyện Năm Căn			
1	Thị trấn Năm Căn	Khu vực cầu Kênh Xáng	50
		Kênh Không Quân (đoạn cầu Lâm Viên)	75
2	Xã Tam Giang Đông	Vàm kênh tắc Ông Thầy, kênh xáng Hồ Gùi (áp Hồ Gùi)	100
		Rạch Cái Nước (áp Bò Hủ)	75
		Rạch Nhà Hội	75
		Sông kênh 17 (áp kênh 17) và Nhà Hội	150
3	Xã Lâm Hải	Từ rạch Nà Nước đến vàm kênh Chồn Sóng	200
		Từ vàm Ba Nguyễn đến vàm Tám Kiếm	100
		Từ Vàm Ông Ngươn đến hàng đày ông 5 Mận	50
VI Huyện Ngọc Hiển			
1	Thị trấn Rạch Gốc	Khu vực cửa Rạch Gốc (02 bên bờ sông)	600 -900
2	Xã Tam Giang Tây	Cửa Bò Đề	600
		Sông Cửa Lớn (tuyến Bão Vĩ)	600
		Khu vực Hóc Năng: Từ Tiểu khu 120 đến ngã ba Dinh Củ và đến kinh Võ Hào Thuật	400
3	Xã Đất Mũi	Cách Vườn quốc gia Mũi Cà Mau 100m về xã Viên An	400



Phụ lục XI:

ĐANH SÁCH LỒNG, BÈ NUÔI TRỒNG THỦY SẢN

(Kèm theo Phương án số: 03/PA-BCH ngày 16/7/2021 của Ban Chỉ huy PCTT&TKCN tỉnh Cà Mau)

TT	*Loại thủy sản	Đơn vị tính	Số lượng
I	Lồng bè nuôi cá Bóp tại Hòn Chuối và Hòn Đá Bạc		
1	Số hộ nuôi	Hộ	27
2	Số lồng bè	Lồng	149
3	Số lượng cá (chủ yếu là cá bóp và cá mú)	Con	33.000
II	Bè nuôi hào tại Hợp tác xã Hàu lồng Đất Mũi		
1	Số bè	Bè	20
2	Số vi	Vi	2.000

- * Ghi chú:**
- Đối với lồng bè nuôi cá Bóp tại Hòn Chuối thì phương án di dời là không khả thi do không có địa điểm an toàn để di dời, chỉ có thể thu hoạch sớm đối với lượng cá đã đạt kích cỡ thu hoạch hoặc đánh chìm lồng bè để bảo vệ tài sản, tuy nhiên phương pháp đánh chìm cũng tiềm ẩn nhiều rủi ro.
 - Đối với bè nuôi Hàu tại Hợp tác xã Hàu lồng Đất Mũi nằm sâu trong sông, rạch và được bảo vệ bởi rừng phòng hộ Đất Mũi nên tương đối an toàn và không cần phải di dời.



Phụ lục XII:

LỰC LƯỢNG THAM GIA ỨNG PHÓ GIÓ MẠNH TRÊN BIỂN

(Kèm theo *Phương án số: 03/PA-BCH* ngày 16/7/2021 của Ban Chỉ huy PCTT&TKCN tỉnh Cà Mau)

DVT: Người

STT	Lực lượng	H. Phú Tân		H. Năm Căn		H. Ngọc Hiển		H. U Minh		H. Trần V Thời		H. Đầm Dơi		Tổng cộng	
		Tổng	Nữ	Tổng	Nữ	Tổng	Nữ	Tổng	Nữ	Tổng	Nữ	Tổng	Nữ	Tổng	Nữ
1	Quân sự	287		392		59		46		72		500		1.356	0
2	Bộ đội Biên phòng	25		47		60		20		69		43		264	0
3	Công an	159		164		228		39		106		382		1.078	0
4	Y tế	100	10	129	13	74	7	36	4	140	14	173	17	652	65
5	Thanh niên tình nguyện			101	10					735	74			836	84
6	Doanh nghiệp huy động	10	1							42	4	92	9	144	14
7	Hội chữ thập đỏ	78	8	95	10	81	8	18	2	216	22	183	18	671	67
8	Lực lượng xung kích	641	64	76	8	830	83	240	24	327	33	334	33	2.448	245
9	Dân quân tự vệ	214	21	960	96	196	20	130	13	403	40	864	86	2.767	277
10	Dân huy động	210	21	394	39			250	25	1.240	124			2.094	209
11	Các ban ngành							60	6	173	17			233	23
12	Phản ứng nhanh			69	7			200	20	298	30			567	57
13	Cán bộ xã	278	28	363	36			80	8	481	48			1.202	120
Tổng		2.002	153	2.790	219	1.528	118	1.119	101	4.302	406	2.571	165	14.312	1.161

Phụ lục XIII:
TRANG THIẾT BỊ ỨNG PHÓ, KHẮC PHỤC HẬU QUẢ
GIÓ MẠNH TRÊN BIỂN

(Kèm theo Phương án số 03/PA-BCH ngày 16/7/2021 của Ban Chỉ huy PCTT&TKCN tỉnh Cà Mau)



I	HUYỆN U MINH		
1	Nhà bạt 16.5m2	Bộ	5
2	Phao áo cứu sinh	Chiếc	165
3	Phao tròn cứu sinh	Chiếc	312
4	Búa	Cây	2
5	Rựa	Cây	2
6	Máy cưa	Cây	2
II	HUYỆN TRẦN VĂN THỜI		
1	Xuồng các loại khác	Chiếc	107
2	Nhà bạt 16.5m2	Bộ	4
3	Nhà bạt 24.75m2	Bộ	3
4	Nhà bạt 60 m2	Bộ	2
5	Phao áo cứu sinh	Chiếc	420
6	Phào tròn cứu sinh	Chiếc	315
7	Phao bè	Chiếc	7
8	Máy phát điện các loại	Chiếc	1
9	Máy bơm nước các loại	Chiếc	158
10	Máy cưa cầm tay các loại	Chiếc	56
11	Máy phát điện 5KW	Chiếc	13
III	HUYỆN PHÚ TÂN		
1	Nhà bạt 16.5m2	Bộ	10
2	Phao áo cứu sinh	Chiếc	125
3	Phào tròn cứu sinh	Chiếc	70
4	Phao bè	Chiếc	6
IV	HUYỆN ĐÀM ĐOÀI		
1	Nhà bạt 16.5m2	Bộ	3
2	Phao áo cứu sinh	Chiếc	125
3	Phào tròn cứu sinh	Chiếc	245
4	Phao bè	Chiếc	2
VI	HUYỆN NĂM CĂN		
1	Nhà bạt 16.5m2	Bộ	2
2	Phao áo cứu sinh	Chiếc	60
3	Phao tròn cứu sinh	Chiếc	50
4	Phao bè	Chiếc	1
VI	HUYỆN NGỌC HIỂN		
1	Nhà bạt 16.5m2	Bộ	8
2	Phao áo cứu sinh	Chiếc	330
3	Phào tròn cứu sinh	Chiếc	460
4	Phao bè	Chiếc	6
5	Máy phát điện các loại	Chiếc	8
6	Loa cầm tay	Chiếc	7
7	Áo mưa	Chiếc	185
8	Đèn pin	Cây	85

9	Nón bảo hiểm	Cái	70
10	Giày bata	Đôi	100
VII	CÁC ĐƠN VỊ KHÁC		
VII.1	CẢNG VỤ HÀNG HẢI		
1	Cano công vụ	Chiếc	1
2	Nhà bạt 16.5m2	Bộ	2
3	Nhà bạt 24.75m2	Bộ	2
4	Nhà bạt 60m2	Bộ	1
5	Phao áo cứu sinh	Chiếc	40
6	Phao tròn cứu sinh	Chiếc	20
7	Phao bè	Chiếc	1
VII.2	BỘ ĐỘI BIÊN PHÒNG TỈNH		
1	Xuồng ST 1200	Bộ	1
2	Xuồng ST 660	Bộ	2
3	Cano ST 750	Chiếc	1
4	Nhà bạt 16.5m2	Bộ	20
5	Nhà bạt 24.75m2	Bộ	22
6	Nhà bạt 60m2	Bộ	10
7	Phao áo cứu sinh	Chiếc	1,501
8	Phao tròn cứu sinh	Chiếc	998
9	Phao bè	Chiếc	53
10	Máy phát điện các loại	Chiếc	4
11	Máy bơm nước các loại	Chiếc	1
12	Máy cưa cầm tay các loại	Chiếc	6
13	Bè tự thổi	Chiếc	2
14	Súng pháo hiệu	Khẩu	33
15	Đạn pháo hiệu xanh	Viên	649
16	Đạn pháo hiệu đỏ	Viên	914
17	Đạn pháo hiệu trắng	Viên	8
18	Máy ICOM 710	Chiếc	11
19	Máy CODAN	Chiếc	5
20	Máy TM 8115	Chiếc	6
21	Chuyển mạch đa năng ACU 1000	Bộ	3
22	Bình thở oxy	Chiếc	1
23	Máy hút dịch bằng điện	Chiếc	1
24	Máy hút dịch đập chân	Chiếc	1
25	Áo mưa	Chiếc	50
26	Đèn pin	Chiếc	17
27	Đèn bão	Chiếc	17
28	Búa	Chiếc	19
29	Rựa	Chiếc	26
30	Thùng phuy 200 lit	Chiếc	2
31	Súng bắn dây mồi	Khẩu	1
VII.3	VP BCH PCTT&TKCN TỈNH		
1	Nhà bạt 16.5m2	Bộ	6
2	Phao áo cứu sinh	Chiếc	89
3	Phao tròn cứu sinh	Chiếc	15
VII.4	VƯỜN QG MŨI CÀ MAU		
1	Tàu cao tốc tuần tra (BSKS: CM 21637)	Chiếc	1
2	Võ Cano YAMAHA 200cv (BSKS: CM 24548)	Chiếc	1

3	Võ Cano YAMAHA 200cv (BSKS: CM 01671)	Chiếc	1
4	Võ Cano YAMAHA 115cv	Chiếc	1
5	Bộ Võ máy xe Composite 4T 86	Bộ	2
6	Bộ Võ máy xe Composite 4T 86	Bộ	1
7	Phao tròn cứu sinh	Chiếc	10
VII.5	CHI CỤC THỦY SẢN	Chiếc	
1	Nhà bạt 16.5m2	Bộ	8
2	Phao áo cứu sinh	Chiếc	595
3	Phao tròn cứu sinh	Chiếc	997

Số: /PA-BCH

Cà Mau, ngày tháng năm 2021

DỰ THẢO

PHƯƠNG ÁN

**Ứng phó mưa lớn, lốc, sét, ngập lụt, nước dâng theo cấp độ rủi ro thiên tai
trên địa bàn tỉnh Cà Mau**

I. GIỚI THIỆU CHUNG

1.1. Khái quát điều kiện tự nhiên, dân sinh và kinh tế - xã hội

1.1.1. Điều kiện tự nhiên:

a) Vị trí địa lý: Cà Mau là tỉnh ven biển ở cực nam của Việt Nam, thuộc khu vực Đồng bằng sông Cửu Long, phía bắc giáp tỉnh Kiên Giang, phía đông giáp tỉnh Bạc Liêu và biển Đông, phần mũi phía Nam giáp biển Đông và một phần phía tây giáp vịnh Thái Lan với tổng chiều dài bờ biển lên đến 254km. Trong đó, bờ biển Tây dài 154km, bờ biển Đông dài 100km; vùng biển rộng 71.000 km²; phía Nam có Hòn Khoai cách cửa biển Rạch Gốc 13 hải lý; phía Tây Nam có đảo Hòn Chuối cách cửa biển Sông Đốc 18 hải lý và Hòn Đá Bạc cách cửa kinh Đá Bạc 600m; diện tích tự nhiên của tỉnh Cà Mau là 5.221,19 km², được chia thành 02 hệ sinh thái mặn, ngọt, trong đó vùng ngọt hóa có diện tích khoảng 2.088,84 km² (Vùng Bắc Cà Mau có diện tích tự nhiên 1.544,14 km² bao gồm toàn bộ huyện U Minh, phần lớn diện tích huyện Trần Văn Thời và một phần diện tích huyện Thới Bình; vùng Quản lộ Phụng Hiệp có diện tích tự nhiên 544,8 km² bao gồm phần lớn huyện Thới Bình và thành phố Cà Mau). Ngoài ra, Cà Mau là điểm đến của một số tuyến quốc lộ và tuyến đường thủy quan trọng như: Quốc lộ 1A từ thành phố Hồ Chí Minh – Bạc Liêu – Cà Mau – Năm Căn; Quốc lộ 63 (Cà Mau – Kiên Giang); Tuyến đường hành lang ven biển phía Nam (Cà Mau – Kiên Giang); Tuyến đường Quản lộ – Phụng Hiệp; Tuyến đường thủy Cà Mau – thành phố Hồ Chí Minh.

b) Đặc điểm khí tượng thủy văn:

* **Khí hậu:** Cà Mau là tỉnh đồng bằng ven biển, nằm trong khu vực nội chí tuyến Bắc bán cầu, cận xích đạo. Mùa khô diễn ra từ tháng 12 đến tháng 4 năm sau, hiện nay trong mùa khô thường xảy ra hạn hán gây gắt với nền nhiệt cao làm khô cạn kênh mương trong nội đồng; mùa mưa bắt đầu từ tháng 5 đến tháng 11 với hầu hết các cơn mưa đều kèm theo dông lốc.

* **Nhiệt độ:** Cà Mau có nền nhiệt độ cao, nhiệt độ trung bình nhiều năm vào khoảng 27,2°C, nhiệt độ không khí trung bình những năm gần đây có sự sai khác năm 2016 là 28,2°C, năm 2017 là 27,8°C, năm 2018 là 27,9°C, năm 2019 và nửa

đầu năm 2020 là 28,4°C. Trong năm 2020, tháng 05 có nhiệt độ trung bình cao nhất (36,6°C) và tháng 02 có nhiệt độ trung bình thấp nhất (27,7°C). Nhiệt độ cao thường xuất hiện trong mùa khô, là một trong các yếu tố gây ra hạn hán.

* **Mưa:** Mưa là yếu tố khí hậu quan trọng đối với hoạt động sản xuất nông nghiệp của tỉnh Cà Mau. Mùa mưa ứng với hướng gió Tây - Nam và mùa mưa đến sớm hay muộn phụ thuộc vào hình thế thời tiết xuất hiện trong năm (theo thời gian) và thường không đồng đều trên địa bàn khu vực Nam Bộ (không gian). Thời gian bắt đầu mùa mưa phụ thuộc vào sự xuất hiện của hoàn lưu gió mùa Tây Nam (tháng 5 đến tháng 11) kết hợp với các xoáy thuận nhiệt đới (bão, áp thấp) hoạt động trên Tây Thái Bình Dương và Biển Đông. Thời gian chấm dứt mùa mưa thường khi có sự xuất hiện của hoàn lưu gió mùa Đông Bắc (tháng 12 đến tháng 4 năm sau). Lượng mưa trung bình trên địa bàn tỉnh từ 1.700 mm đến gần 2.400 mm, cao hơn so với các khu vực khác ở Bán đảo Cà Mau. Lượng mưa mùa mưa chiếm từ 87,7% - 93,1% cả năm. Mùa mưa ở Cà Mau cũng là thời gian gắn liền với các loại hình thiên tai, thời tiết cực đoan như: Bão, áp thấp nhiệt đới, mưa lớn, ngập lụt, triều cường, nước dân, sạt lở, sụt lún đất,...

* **Độ ẩm:** Độ ẩm trung bình năm vào khoảng 82%. Độ ẩm có giá trị cao vào mùa mưa, kéo dài từ tháng 5 đến tháng 11 với ẩm độ trung bình xấp xỉ 85%. Tháng có độ ẩm cao nhất là tháng 10, khoảng 87% - 88%, đây cũng là tháng mà lượng mưa ở Cà Mau có giá trị cực đại. Độ ẩm thường có giá trị nhỏ vào các tháng mùa khô, độ ẩm trung bình thường thấy ở mùa khô là 79%. Tháng 3, 4 có độ ẩm thấp nhất khoảng 77% - 78%, các tháng còn lại trên 80%. Độ ẩm của tháng có giá trị lớn nhất và nhỏ nhất chênh lệch với nhau khoảng 6% - 7%. Lượng bốc hơi khá lớn, trung bình hàng năm bốc hơi xấp xỉ 1.000 mm. Những tháng mùa mưa lượng bốc hơi thường nhỏ hơn 80 mm/tháng, thấp nhất vào tháng 9, 10 với lượng bốc hơi trung bình khoảng 60 mm/tháng. Những tháng mùa khô lượng bốc hơi cao trên 100 mm/tháng. Tháng có lượng bốc hơi cao nhất là tháng 3 với lượng là 125 mm/tháng, trung bình hơn 4 mm/ngày.

* **Mạng lưới sông ngòi:** Cà Mau có hệ thống sông ngòi, kênh rạch chằng chịt và đan xen nhau, chiếm 3,02% diện tích tự nhiên, trong đó có nhiều sông lớn, như: Cửa Lớn, Gành Hào, Bảy Háp, Sông Đốc, Đầm Dơi, Cái Tàu, Trẹm... Các sông lớn có chiều dài từ 42 - 56 km, tổng chiều dài các sông khoảng 7.000 km; chiều rộng của các cửa sông từ 45,0 m (sông Cái Tàu) đến 1.800 m (sông Cửa Lớn); chiều sâu các cửa sông từ 3,0 m (cửa Bãi Háp) tới 19,0 m (cửa Bò Đè của sông Cửa Lớn). Các kênh rạch lớn nhỏ, đan xen nhau gồm: kênh xáng Quản Lộ - Phụng Hiệp, Cà Mau - Bạc Liêu, Chợ Hội - Huyện Sứ, kênh Chắc Băng, Bà Kẹo, Đới Cường, Biện Nhị; các rạch: Rạch Sau, Lung Lắm, Bà Bường, Bà Thanh, Bà Kẹo, Bà Đặng, Ông Do, Ông Tinh, Ông Định, Ông Đơn, Rạch Lùm, Rạch Cui, Rạch Ráng, Rạch Dinh, Rạch Tệt, Rạch Đền... Ngoài ra, ở Cà Mau có nhiều đầm, trong đó nổi bật nhất là Đầm Thị Tường. Với mật độ sông, kênh rạch như trên, cùng với các yếu tố về dòng chảy, hoạt động dân sinh, sản xuất,... nên tình trạng sạt lở ven sông xảy ra thường xuyên.

* **Sóng:** Cà Mau có trường sóng đặc trưng theo mùa, gồm mùa sóng Tây Nam (từ tháng 5 đến tháng 9) và mùa sóng Đông Bắc (từ tháng 11 đến tháng 3). Trên vùng biển Cà Mau hiện nay, thường xuyên xuất hiện, sóng to, gió lớn kể cả trong mùa gió mùa Tây Nam và gió mùa Đông Bắc và tác động rất lớn đến đường bờ biển, dễ biển gây ra sạt lở đất.

* **Chế độ thủy triều:** Cà Mau chịu ảnh hưởng bởi chế độ thủy triều của Biển Đông, Biển Tây và chế độ mưa nội vùng, cho nên chế độ thủy văn trong vùng khá đa dạng và phức tạp. Phía đông chịu ảnh hưởng của chế độ triều Biển Đông theo cửa Gành Hào, cửa Bò Đề... Thủy triều Biển Đông có chế độ bán nhật triều không đều, 1 ngày triều là 24,83 giờ, một chu kỳ triều là 12 - 14 ngày. Phía Tây chịu ảnh hưởng bởi chế độ triều Biển Tây với chế độ triều hỗn hợp, trong đó chế độ nhật triều là chủ yếu. Một ngày có hai lần triều cường và hai lần triều hạ, đôi khi có ba lần triều cường và ba lần triều hạ. Một chu kỳ triều khoảng 14 ngày. Do ảnh hưởng của 2 chế độ thủy triều và có nhiều cửa sông ăn thông ra biển, nên toàn bộ diện tích đất liền của tỉnh có chế độ truyền triều rất phức tạp. Hiện nay, do một số tác động mà thủy triều mang rất ít phù sa, nên việc bồi lắng đất rất hạn chế, tình hình sạt lở đất lại tăng cao.

* **Đặc điểm địa hình, địa chất và đường bờ biển:**

Cà Mau có đường bờ biển dài 254 km, với nhiều cửa sông đi sâu vào nội địa nên; địa hình thấp, bằng phẳng và thường xuyên bị ngập nước. Độ cao bình quân 0,5 m đến 1,5 m so với mặt nước biển. Hướng địa hình nghiêng dần từ Bắc xuống Nam, từ Đông Bắc xuống Tây Nam. Những vùng trũng cục bộ như Thới Bình (Cà Mau) nối với Phước Long, Hồng Dân, Giá Rai (Bạc Liêu) thuộc vùng trũng, trung tâm bán đảo Cà Mau có quan hệ địa hình lòng sông cổ. Cấu tạo địa chất tỉnh Cà Mau chủ yếu là các trầm tích Đệ tứ, bao gồm: Phù sa cổ hay trầm tích Pleistocen muộn, phù sa mới, trầm tích Holocen giữa và trầm tích Holocen trên, có nguồn gốc từ các bãi bồi ven sông rạch với cao trình của bãi bồi khoảng từ 0,8 - 1,2 m, dốc thoải từ bờ sông vào nội đồng. Vật liệu cấu tạo chủ yếu là bột cát hoặc sét bột; các bãi bồi giữa lòng cao trình khoảng 0,3 m, thành phần thạch học chủ yếu là sét, còn xuống sâu hàm lượng bột cát càng tăng lên; các bãi triều ven biển với dạng dải kéo dài theo bờ biển, hơi nghiêng về phía biển, độ dốc thấp, bề mặt khá bằng phẳng,...

1.1.2. Dân sinh:

Tỉnh Cà Mau có dân số khoảng 1.194.281 người, trong đó nam 604.903 người chiếm 50,65 %, nữ 589.378 người chiếm 49,35 %, 41.680 người là đối tượng dễ bị tổn thương (Nam: 2,26 %, nữ: 4,75%) với 09 đơn vị hành chính cấp huyện (08 huyện và 01 thành phố) và 101 đơn vị hành chính cấp xã (82 xã, 10 phường và 09 thị trấn), trong đó có 06 huyện/23 xã, thị trấn ven biển. Chi tiết tại Phụ lục VII kèm theo).

1.1.3. Kinh tế:

- Tăng trưởng GRDP năm 2020 của tỉnh ước tính tăng 1,09% so cùng kỳ. Tỷ trọng của các ngành kinh tế chuyển biến tích cực, cụ thể: Khu vực ngư, nông, lâm nghiệp chiếm tỷ trọng 33,02%; khu vực công nghiệp, xây dựng chiếm

30,85%; khu vực dịch vụ chiếm 31,58%; thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm chiếm 4,55%. Tổng sản phẩm trong tỉnh (GRDP) năm 2020 tăng 7% so với năm 2019. Thu ngân sách Nhà nước năm 2020 đạt trên 6.100 tỷ đồng, tăng hơn 10% so cùng kỳ.

- Tổng sản lượng nuôi trồng và khai thác thủy sản năm 2020 ước đạt 592,64 ngàn tấn, tăng 4,77% so cùng kỳ; gieo trồng lúa năm 2020 đạt 112.413,60 ha (chiếm 91,87% tổng diện tích cây hàng năm), giảm 2,74% so cùng kỳ; năng suất gieo trồng bình quân ước đạt 39,75 tạ/ha, giảm 12,55%; sản lượng thu hoạch ước đạt 446.875,07 tấn, giảm 14,95% so với năm 2019; trồng mới tập trung được 3.650 ha rừng, khai thác gỗ và lâm sản đạt 231.200 m³, tăng 0,26% so cùng kỳ. Chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp năm 2020 tăng 4,45% so cùng kỳ. Khối lượng vận chuyển khoảng 38.955,53 nghìn hành khách, giảm 1,94% so cùng kỳ và khoảng 2.617,01 nghìn tấn hàng hóa, tăng 4,38% so cùng kỳ; tỷ lệ hộ nghèo giảm còn 1,75%; trật tự xã hội ổn định;...

1.2. Đặc điểm và tình hình mưa lớn, lốc, sét, ngập lụt, nước dâng trên địa bàn

1.2.1 Mưa lớn:

Mưa lớn là hiện tượng mưa với tổng lượng mưa đạt trên 50mm trong 24 giờ. Hiện tượng mưa lớn xuất hiện ngày càng thường xuyên hơn trên địa bàn tỉnh Cà Mau, đặc biệt là trong mùa mưa 2020 – 2021, cá biệt có những thời điểm lượng mưa trong 24 giờ đạt trên 200 mm (lượng mưa rất ít khi đạt được trước đây) ở nhiều khu vực, dẫn đến tình trạng ngập úng cục bộ và gây thiệt hại lớn về sản xuất nông nghiệp cho người dân, đặc biệt là các huyện vùng ngọt hóa. Năm 2020 mưa lớn làm thiệt hại gần 16.000 ha lúa, 700 ha hoa màu trên 600 ha diện tích nuôi trồng thủy sản, ước thiệt hại khoảng 32 tỷ đồng.

1.2.2. Lốc:

Lốc là luồng gió xoáy có sức gió mạnh tương đương với sức gió của bão nhưng được hình thành và tan trong thời gian ngắn, phạm vi hoạt động hẹp. Trên địa bàn tỉnh, lốc thường xảy ra trong mùa mưa, kèm theo mưa, ít khi xuất hiện độc lập. Tuy nhiên, trong thời gian qua đông, lốc cũng đã gây ra không ít thiệt hại cho người dân, chủ yếu là thiệt hại về nhà ở, công trình, chỉ trong năm 2020 lốc làm sập 122 căn nhà, tốc mái 706 căn nhà, ước thiệt hại hơn 7 tỷ đồng.

1.2.3. Sét:

Sét là hiện tượng phóng điện trong đám mây, giữa các đám mây với nhau hoặc giữa đám mây với mặt đất. Sét thường xuất hiện trong mùa mưa và nhiều nhất vào thời kỳ chuyển mùa. Đối với tỉnh Cà Mau, sét thường bắt đầu diễn ra từ tháng 05 đến tháng 11 hàng năm. Số vụ thiệt hại do sét gây ra trên địa bàn tỉnh tuy không nhiều, nhưng phần lớn các vụ việc sét đánh đều có ảnh hưởng và gây thiệt hại về người, một đối tượng luôn được ưu tiên bảo vệ hàng đầu trong công tác phòng, chống thiên tai.

1.2.4. Ngập lụt:

Ngập lụt là hiện tượng mặt đất bị ngập nước do ảnh hưởng của mưa lớn, triều cường, nước biển dâng. Trong năm 2020, trên địa bàn tỉnh đã xảy ra một đợt ngập lụt kéo dài do ảnh hưởng của hoàn lưu các cơn bão số 5, 6, 7, 8, 9 gây mưa lớn kết hợp với triều cường dâng cao làm thiệt hại 17.300 ha diện tích lúa, hoa màu, diện tích nuôi trồng thủy sản, đặc biệt là vùng ngọt hóa huyện U Minh và Trần Văn Thời. Trong khu vực đô thị, đường giao thông bị ngập sâu trong thời gian dài dẫn đến hư hỏng, gây nguy hiểm cho người và phương tiện tham gia giao thông, riêng hệ thống các tuyến đường do địa phương quản lý, có khoảng 145 km hư hỏng; 17.300 ha diện tích sản xuất nông nghiệp. Ước tổng thiệt hại đợt ngập lụt gây ra trên 200 tỷ đồng.

1.2.5. Nước dâng:

Nước dâng là hiện tượng nước biển dâng cao hơn mực nước triều bình thường do ảnh hưởng của áp thấp nhiệt đới, bão hoặc gió mạnh trên biển. Hiện nay, tình trạng nước biển dâng có chiều hướng diễn biến phức tạp, khó lường. Mặc dù tần suất xuất hiện nước dâng do bão là không lớn nhưng rất nguy hiểm do mực nước dâng cao và bất ngờ, gây ngập lụt khu vực ven biển. Trên địa bàn tỉnh nước biển dâng uy hiếp trực tiếp đến hệ thống đê biển, đặc biệt là đê biển Tây, điển hình là đợt nước biển dâng vào đầu tháng 08/2019 đã làm tràn toàn tuyến đê biển Tây, đe dọa gây vỡ đê một số đoạn sạt lở đặc biệt nguy hiểm, ảnh hưởng nghiêm trọng đến sản xuất và đời sống, dân sinh của người dân trong đê.

1.3. Đánh giá rủi ro do mưa lớn, lốc, sét, ngập lụt và nước dâng

1.3.1. Đánh giá thiên tai:

a) Cấp độ rủi ro thiên tai do mưa lớn:

Mùa mưa trên địa bàn tỉnh Cà Mau thường bắt đầu khoảng tháng 4 và kết thúc vào tháng 11. Lượng mưa lớn nhất ghi nhận được tại các trạm đo trên địa bàn tỉnh là trong năm 2020 (*lượng mưa 24 giờ, trạm Cái Nước: 233mm, trạm Đầm Dơi: 191mm, trạm Phú Tân: 157mm, trạm U Minh: 172mm; trạm Thới Bình: 150mm, trạm Trần Văn Thời: 145mm, trạm Năm Căn: 119mm và trạm thành phố Cà Mau: 108mm*), đối chiếu quy định tại Điều 44 Quyết định số 18/2021/QĐ-TTg ngày 22/4/2021 của Thủ tướng Chính phủ, xác định mưa lớn trên địa bàn tỉnh Cà Mau sẽ có khả năng cao nhất ở cấp độ rủi ro thiên tai cấp 1.

b) Cấp độ rủi ro thiên tai do lốc, sét:

Trong những năm gần đây, trên địa bàn tỉnh Cà Mau, sét thường xuyên được cảnh báo xuất hiện cùng mưa dông, lốc. Tuy nhiên thực tế ghi nhận các trường hợp sét đánh thường chỉ ở phạm vi hẹp, dưới 1/2 số huyện, xã. Đối chiếu Điều 52 Quyết định số 18/2021/QĐ-TTg ngày 22/4/2021 của Thủ tướng Chính phủ, xác định sét trên địa bàn tỉnh Cà Mau sẽ có khả năng cao nhất ở cấp độ rủi ro thiên tai cấp 1.

c) Cấp độ rủi ro thiên tai do ngập lụt:

Ngập lụt xảy ra trên địa bàn tỉnh chủ yếu là do mưa kết hợp với triều cường dâng cao. Mực nước lịch sử theo ghi nhận thực tế tại các trạm đo cụ thể như sau: trạm Sông Đốc ghi nhận 1,23m xuất hiện vào ngày 13/01/2021 (vượt báo động III 0,28m); trạm Cà Mau ghi nhận 1,10m xuất hiện vào ngày 20/10/2020 (vượt báo động III 0,25m) và trạm Năm Căn ghi nhận 1,79m xuất hiện vào ngày 18/11/2020 (vượt báo động III 0,19m). Đối chiếu Điều 45 Quyết định số 18/2021/QĐ-TTg ngày 22/4/2021 của Thủ tướng Chính phủ, xác định ngập lụt trên địa bàn tỉnh Cà Mau sẽ có khả năng cao nhất ở cấp độ rủi ro thiên tai cấp 3.

d) Cấp độ rủi ro thiên tai do nước dâng:

Tình hình nước biển dâng do ảnh hưởng của bão, áp thấp nhiệt đới và gió mạnh trên biển trên địa bàn tỉnh Cà Mau diễn ra không thường xuyên. Theo thống kê của Bộ Tài nguyên và Môi trường, mực nước biển dâng do bão cao nhất đã xảy ra ở vùng biển Đông của Cà Mau là 2,0 m và ở vùng biển Tây của Cà Mau là 1,2m và gần đây nhất là vào ngày 03/8/2019, nước biển dâng cao làm nước biển tràn qua toàn tuyến đê biển Tây vốn có cao trình đê là + 3,0m, đây được xem là đợt nước biển dâng cao nhất từ trước đến nay ở vùng biển Tây Cà Mau. Căn cứ vào cáo trình đê (+3,0 m), chiều cao mực nước tràn qua đê (0,3m), so sánh với mực nước biển trung bình vùng biển Tây Cà Mau (khoảng 1,0m), có thể ước tính chiều cao mực nước biển dâng vào ngày 03/8/2019 khoảng 2,3m (do chưa có trạm hải văn). Đối chiếu Điều 43 Quyết định số 18/2021/QĐ-TTg ngày 22/4/2021 của Thủ tướng Chính phủ, xác định nước biển dâng trên các vùng biển tỉnh Cà Mau sẽ có khả năng cao nhất ở cấp độ rủi ro thiên tai cấp 1 đối với biển Đông và cấp 3 đối với biển Tây.

đ) Các dấu hiệu cảnh báo:

- **Mưa lớn:** Mưa nói chung và mưa lớn nói riêng thường có rất nhiều cách để nhận biết, về những dấu hiệu theo kinh nghiệm dân gian như: chuồn chuồn bay thấp, xuất hiện nhiều mối cánh, bầu trời đêm ít hoặc không có sao,... cho đến các biểu hiện mang tính khoa học như: độ ẩm không khí cao, thời tiết oi bức, mây tích hội tụ về một hướng chân trời, xuất hiện sấm chớp,... Ngoài ra, mưa lớn còn là hệ quả của một số loại hình thời tiết đặc biệt như bão, áp thấp nhiệt đới hay dải hội tụ nhiệt đới, hội tụ gió mạnh trên nhiều tầng, front lạnh, đường đứt... Đặc biệt khi có sự kết hợp giữa chúng với nhau ở cùng một thời điểm sẽ càng nguy hiểm hơn, gây nên mưa to, gió lớn, dông,... trong một thời gian dài trên một phạm vi rộng.

- **Lốc:** Lốc được sinh ra là do những dòng khí nóng bốc lên cao một cách mạnh mẽ. Trong những ngày nóng nực mùa hè, mặt đất bị đốt nóng không đều nhau, một khoảng nào đó hấp thụ nhiệt thuận lợi sẽ nóng hơn, tạo ra một vùng khí áp giảm và tạo nên dòng thăng, không khí lạnh hơn ở chung quanh tràn đến tạo thành hiện tượng gió xoáy, tương tự như trong cơn bão. Lốc cũng thường xuất hiện trong những đám mây dông, khi đối lưu phát triển mạnh, sự chênh lệch nhiệt độ theo chiều thẳng đứng lớn, làm cho áp suất thay đổi đột ngột, tạo nên những cột gió xoáy lớn, kèm theo lốc thường có dông. Lốc có hình dạng xoắn lại như hình nón kèm theo tiếng hú do dòng gió xoáy trong không khí tạo ra.

- **Sét:** Sét được sinh ra từ các đám mây vũ tích hay còn gọi là mây dông, do đó, dấu hiệu rõ ràng nhất của sét là xuất hiện các đám mây dông; sét thường xuất hiện kèm các cơn mưa, dông, lốc, tia chớp,...

- **Ngập lụt:** Trên địa bàn tỉnh Cà Mau, ngập lụt có khả năng xảy ra khi có mưa lớn kết triều cường, do đó các dấu hiệu cảnh báo rõ nhất chính là các dấu hiệu của mưa lớn, triều cường dâng cao.

- **Nước dâng:** Có ban tin dự báo bão, ATNĐ, gió mạnh, sóng lớn trên biển, mưa lớn.

e) Thời gian cảnh báo, dự báo trước:

- **Mưa lớn:** Mưa lớn có thể được cảnh báo trước 48 giờ và được dự báo trước 24 giờ trước khi mưa lớn có khả năng xảy ra.

- **Lốc, sét:** Đối với lốc, sét hầu như chỉ được cảnh báo ngay trước khi xảy ra do công tác dự báo lốc, sét rất khó khăn.

- **Ngập lụt:** Tin cảnh báo ngập lụt được ban hành khi phát hiện mưa lớn, lũ, triều cường, nước biển dâng có khả năng gây ngập lụt cho khu vực bị ảnh hưởng hoặc khi phát hiện các hiện tượng bất thường khác như nguy cơ cao vỡ đập, vỡ đê, tràn đê có khả năng gây ngập lụt cho khu vực bị ảnh hưởng.

- **Nước dâng:** Nước dâng do bão, ATNĐ được cảnh báo ngay khi phát tin bão, ATNĐ khẩn cấp và trong 24 giờ đến 48 giờ khi phát hiện sóng lớn, nước dâng do gió mạnh trên biển có khả năng xảy ra.

1.3.2. Đánh giá năng lực ứng phó thiên tai theo 04 tại chỗ:

a) Nguồn nhân lực:

- 100% Ban Chỉ huy PCTT&TKCN các ngành, cấp thường xuyên được củng cố, kiện toàn, đáp ứng toàn diện công tác chỉ huy, chỉ đạo ứng phó với mọi tình huống thiên tai. Riêng đối với Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tỉnh phân công chỉ đạo theo 05 khu vực, mỗi khu vực được sự chỉ đạo điều hành của Trưởng khu vực, cụ thể: Khu vực 1: Thành Phố Cà Mau; Khu vực 2: huyện U Minh và Thới Bình; Khu vực 3: huyện Trần Văn Thời và Phú Tân; Khu vực 4: huyện Đầm Dơi và Cái Nước; Khu vực 5: huyện Năm Căn và Ngọc Hiển.

- Toàn tỉnh có khoảng 30.000 lực lượng tại chỗ, trong đó cán bộ nữ chiếm khoảng 10% (Công an, Quân sự, Bộ đội biên phòng, y tế, thanh niên tình nguyện, doanh nghiệp huy động, Hội chữ thập đỏ, lực lượng xung kích, dân quân tự vệ, các ban ngành, lực lượng phản ứng nhanh,...) được tập huấn thường xuyên, sẵn sàng huy động khi có mưa lớn, lốc, sét, ngập lụt, nước dâng xảy ra.

(Chi tiết tại Phụ lục I,II kèm theo)

b) Về cơ sở hạ tầng:

- Về hạ tầng giao thông đường bộ: Cà Mau có 5 tuyến quốc lộ đi qua địa bàn tỉnh với tổng chiều dài 220km (lộ nhựa) 13 tuyến tỉnh lộ với tổng chiều dài 335,92 km (lộ nhựa), hơn 634 km đường liên huyện (lộ nhựa); 5.666km đường giao thông

nông thôn (trên 4.000 km đã được kiên cố hóa bằng nhựa và bê tông) và 228km đường đô thị.

- Về hạ tầng giao thông đường thủy: Tổng chiều dài các tuyến sông, kênh khoảng trên địa bàn tỉnh 10.000 km. Trong đó, có 367,5 km đường sông từ cấp IV-III do tỉnh quản lý, 495,2 km đường sông do Trung ương quản lý, còn lại chủ yếu là các kênh rạch nhỏ, đảm bảo cho phương tiện nhỏ lưu thông phục vụ sản xuất và nuôi trồng thủy sản.

- Về đường hàng không: Cảng Hàng không Cà Mau là sân bay hàng không dân dụng cấp 3C, quân sự cấp 2, có khả năng tiếp nhận máy bay ATR-72 và tương đương.

- Hiện tại trên địa bàn tỉnh có 92 tuyến đê bao, bờ bao đã được xây dựng với tổng chiều dài 714.540 km (Trong đó: chống tràn triệt để 373.500 km, chống tràn thời vụ 331.040 km), có 52km/154km đê biển Tây và gần 57 km kè ở cả biển Tây và biển Đông được xây dựng kiên cố; hệ thống cống ngăn mặn, giữ ngọt, ngăn triều: Có 174 cống thủy lợi và 12 trạm bơm điều tiết nước, ngăn mặn, giữ ngọt, xả phèn, mặn,...

(Chi tiết tại Phụ lục III, IV, V kèm theo)

c) Vật tư, phương tiện, trang thiết bị:

Sẵn sàng huy động tại chỗ trên 80 xe cứu hộ, chữa cháy; gần 200 xuồng cứu hộ các loại; hơn 200 nhà bạt;...; trên 3.200 phương tiện thủy, bộ; hàng hóa dự trữ; cơ sở thuốc, dụng cụ y tế;...đảm bảo yêu cầu hỗ trợ sản xuất, phục vụ sinh hoạt, xử lý môi trường và chăm sóc sức khỏe cho người dân khi có mưa lớn, lốc, sét, ngập lụt, nước dâng xảy ra.

(Chi tiết tại Phụ lục VI, VII, VIII kèm theo)

1.3.3. Đối tượng, tình trạng dễ bị tổn thương do mưa lớn, lốc, sét, ngập lụt, nước dâng:

a) Đối tượng dễ bị tổn thương:

- Về con người: Người già, trẻ em, phụ nữ, hộ nghèo, hộ cận nghèo, người khuyết tật,...là nhóm người dễ bị tổn thương do mưa lớn, lốc, sét, ngập lụt, nước dâng, nhất là ở các khu vực ven biển; đặc biệt là chị em phụ nữ nghèo, thu nhập thấp, phụ nữ yếu thế là đối tượng phải chịu tác động nặng nề nhất vì phần lớn sống bằng sản xuất nông nghiệp, khi mưa lớn, nước dâng xảy ra sẽ dẫn đến mất mùa, mất sinh kế và với vai trò là người chăm sóc gia đình và lo việc bếp núc khiến người phụ nữ phải làm việc nhiều hơn và dễ bị tổn hại hơn do điều kiện về tâm, sinh lý, điều kiện sức khỏe,...

(Chi tiết tại Phụ lục IX kèm theo)

b) Đánh giá tình trạng dễ bị tổn thương:

- Người dân còn hạn chế trong việc nhận biết các dấu hiệu, cũng như cách thức xử lý khi xảy ra mưa lớn, lốc, sét, ngập lụt, nước dâng; một bộ phận kém ý

thức chưa thực hiện đúng hướng dẫn, khuyến cáo của chính quyền địa phương, chưa chịu di dời đến nơi an toàn.

- Diện tích đất nông nghiệp chiếm tỷ trọng lớn trong tổng diện tích đất tự nhiên, trong khi đó, hệ thống thủy lợi, thủy nông nội chưa đảm bảo, sản xuất lúa, cây trồng phụ thuộc hoàn toàn vào nước mưa,...nên rất dễ bị ảnh hưởng bởi thiên tai.

- Phần lớn người dân sống ở khu vực nông thôn, khu vực ven biển, khu vực nguy cơ cao xảy ra thiên tai; điều kiện kinh tế của người dân còn nhiều khó khăn; số lượng nhà tạm bợ còn nhiều.

- Hiện tại trên địa bàn tỉnh có 102km/154km đê biển Tây chưa được xây kiên cố, trên 197 km bờ biển (cả biển Tây và biển Đông) chưa có kè bảo vệ; số trạm bơm điều tiết nước chưa đảm bảo yêu cầu tiêu thoát nước trong điều kiện mưa lớn kéo dài, kết hợp triều cường dâng cao; phần lớn công trình, nhà ở chưa đảm bảo hệ thống cột thu lôi chống sét.

(Chi tiết tại các Phụ lục X, XI kèm theo)

II. CƠ SỞ PHÁP LÝ, MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU CỦA PHƯƠNG ÁN

2.1. Cơ sở pháp lý:

- Luật Phòng chống thiên tai năm 2013, được sửa đổi bổ sung năm 2020;
- Nghị định số 160/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai;
- Quyết định số 05/2020/QĐ-TTg ngày 31/01/2020 của Thủ tướng Chính phủ quy định mực nước tương ứng với các cấp báo động lũ trên các sông thuộc phạm vi cả nước;
- Quyết định số 18/2021/QĐ-TTg ngày 22/4/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về dự báo, cảnh báo, truyền tin thiên tai và cấp độ rủi ro thiên tai;
- Quyết định số 02/QĐ-TWPCTT ngày 18/02/2020 của Trưởng Ban Chỉ đạo Trung ương về Phòng, chống thiên tai ban hành Sổ tay hướng dẫn xây dựng phương án ứng phó tương ứng với các cấp độ rủi ro thiên tai;
- Kịch bản biến đổi khí hậu và nước biển dâng cho Việt Nam năm 2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Căn cứ yêu cầu nhiệm vụ và tình hình thực tế trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

2.2. Mục đích

- Chủ động, kịp thời các phương án dự trữ, huy động vật tư, trang thiết bị, phương tiện, sẵn sàng ứng phó mưa lớn, lốc, sét, ngập lụt, nước dâng.
- Chủ động, linh hoạt trong tổ chức sản xuất, điều chỉnh mùa vụ, cơ cấu cây trồng, vật nuôi phù hợp với điều kiện thời tiết mưa lớn, lốc, sét, ngập lụt, nước dâng.

- Chủ động, kịp thời truyền tải thông tin dự báo và cảnh báo sớm và các phương án tuyên truyền cùng với các thông điệp rõ ràng, hướng dẫn thực hiện các hành động cụ thể (chặt tia cây xanh, chằng chống, gia cố nhà cửa, dự trữ nhu yếu phẩm, lương thực, nước uống,.....theo hướng dẫn của chính quyền địa phương).

2.3. Yêu cầu

- Huy động, sử dụng các nguồn lực phù hợp, tiết kiệm, hiệu quả.
- Tất cả các ngành, các cấp, các địa phương phải quán triệt cho cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân thực hiện nghiêm túc Phương án này, đặc biệt là người dân trong việc chấp hành hướng dẫn, khuyến cáo của các cơ quan chuyên môn và chính quyền địa phương.
- Theo dõi chặt chẽ diễn biến thời tiết; thường xuyên theo dõi các bản tin dự báo xu thế thời tiết và theo dõi tình hình thực tế để kịp thời cập nhật, điều chỉnh linh hoạt các kịch bản ứng phó đảm bảo sát thực tế theo phương châm “04 tại chỗ”.

III. MỤC TIÊU, PHƯƠNG CHÂM VÀ KỊCH BẢN ỨNG PHÓ

3.1. Mục tiêu

- Nâng cao năng lực, chủ động, kịp thời, hiệu quả trong công tác phòng, chống mưa lớn, lốc, sét, ngập lụt, nước dâng theo các cấp độ rủi ro của các ngành, các cấp và người dân; hạn chế đến mức thấp nhất thiệt hại do mưa lớn, lốc, sét, ngập lụt, nước dâng gây ra trên địa bàn tỉnh.
- Không để xảy ra thiệt hại về người do mưa lớn, lốc, sét, ngập lụt, nước dâng gây ra, hạn chế đến mức thấp nhất thiệt hại về tài sản.

3.2. Phương châm ứng phó với mưa lớn, lốc, sét, ngập lụt, nước dâng

Triển khai thực hiện phương án phòng, chống hạn hán theo phương châm “04 tại chỗ” thực chất, hiệu quả, cụ thể:

3.2.1. Chỉ huy tại chỗ:

a) Đối với chính quyền địa phương:

Một số nhiệm vụ của chỉ huy tại chỗ, đặc biệt là xã, phường, thị trấn, bao gồm:

- Phối hợp với các ngành, các tổ chức có liên quan thường xuyên kiểm tra việc triển khai thực hiện phương án, giải quyết kịp thời những khó khăn vướng mắc ở địa phương.
- Chỉ đạo việc huy động mọi nguồn lực tại chỗ để ứng phó khi có mưa lớn, lốc, sét, ngập lụt, nước dâng xảy ra.
- Tùý theo diễn biến của mưa lớn, lốc, sét, ngập lụt, nước dâng mà người chỉ huy ra các mệnh lệnh phù hợp để ứng phó và trực tiếp chỉ huy việc thực hiện;
- Sau thiên tai chỉ đạo việc đánh giá tình hình thiệt hại và khắc phục hậu quả.

b) Đối với cơ quan quản lý về đê điều trong trường hợp xảy ra nước dâng tràn đê:

- Phối hợp với chính quyền địa phương trong các hoạt động tuần tra, kiểm soát hệ thống đê biển, kịp thời xử lý sự cố và báo cáo cấp có thẩm quyền.
- Chỉ đạo việc huy động mọi nguồn lực tại chỗ thuộc thẩm quyền, phối hợp với các lực lượng tại chỗ của địa phương triển khai xử lý giờ đầu đảm bảo hiệu quả.

c) Đối với hộ gia đình:

Dựa vào thông tin cảnh báo của các ngành chức năng và chính quyền địa phương, các dấu hiệu nhận biết về khả năng xảy ra mưa lớn, lốc, sét, ngập lụt, nước dâng, mỗi hộ gia đình cần chủ động thực hiện các hoạt động sau:

- Thường xuyên theo dõi thông tin dự báo, cảnh báo và các hướng dẫn của chính quyền địa phương.
- Chủ động chuẩn bị các điều kiện cần thiết để ứng phó với thiên tai, phân công công việc cho các thành viên trong gia đình thực hiện chuẩn bị trước.
- Tuân thủ theo các hướng dẫn của chính quyền địa phương và chủ động hỗ trợ những người xung quanh nếu điều kiện cho phép.

3.2.2. Lực lượng tại chỗ:

a) Đối với chính quyền địa phương:

Khi mưa lớn, lốc, sét, ngập úng, nước dâng xảy ra thì việc sử dụng các lực lượng sẵn có tại địa bàn để ứng cứu, hỗ trợ là nhanh nhất, hiệu quả nhất. Các lực lượng tại chỗ gồm dân quân, dân phòng, đoàn thanh niên, các đội xung kích, các lực lượng vũ trang, các đơn vị chuyên trách thường trực như bộ đội, công an đóng trên địa bàn. Các lực lượng này thường trực tại chỗ trước, trong và sau thiên tai và trực tiếp nhận lệnh từ người chỉ huy.

Nhiệm vụ của các lực lượng tại chỗ là chủ động phối hợp với lực lượng vũ trang đóng trên địa bàn, lực lượng chi viện, hỗ trợ từ cấp trên và tập hợp lực lượng tại chỗ để thực hiện việc ứng phó khẩn cấp như:

- Tham gia di dời, sơ tán dân đến nơi an toàn.
- Hỗ trợ nhân dân chằng chống nhà cửa, thu hoạch nông sản, thủy sản để hạn chế thiệt hại.
- Tham gia cứu nạn, sơ cấp cứu cho người bị thương, đưa người bị thương đến các cơ sở y tế tập trung. Đảm bảo cung cấp các dịch vụ hậu cần trước hết là lương thực, nhu yếu phẩm, nước sạch, thuốc men, chăm sóc sức khỏe.
- Tham gia ứng cứu khẩn cấp các công trình phòng, chống thiên tai bị ảnh hưởng do mưa lớn, lốc, sét, ngập lụt, nước dâng.
- Tham gia khắc phục hậu quả thiệt hại các công trình, nhà ở.

- Vệ sinh môi trường, phòng ngừa dịch bệnh, bảo vệ an ninh trật tự, an toàn xã hội ở địa phương.

- Rà soát, thống kê thiệt hại, đề xuất các cấp có thẩm quyền hỗ trợ khôi phục sản xuất, khôi phục đời sống nhân dân.

b) Đối với hộ gia đình:

Trong công tác phòng chống thiên tai, với các hộ gia đình thì lực lượng tại chỗ là những lao động chính, những người có sức khỏe, nhanh nhẹn đủ sức tham gia các hoạt động ứng phó thiên tai bảo vệ gia đình và sẵn sàng hỗ trợ chính quyền địa phương khi được huy động.

3.2.3. Phương tiện, vật tư tại chỗ:

a) Đối với chính quyền địa phương:

Chủ động chuẩn bị các phương tiện, vật tư, vật dụng sẵn có tại địa phương để phục vụ công tác phòng, chống mưa lớn, lốc, sét, ngập lụt, nước dâng, đảm bảo ứng cứu nhanh và kịp thời, giảm nhẹ tới mức thấp nhất những hậu quả do thiên tai gây ra.

Ngoài việc chuẩn bị vật tư do ngân sách nhà nước cấp, chính quyền địa phương cần tổ chức vận động trong nhân dân thực hiện phong trào nhà nước và nhân dân cùng làm (nhân dân đóng góp vật tư như cừ tràm, đất, bao tải, cát,...), ký kết các thỏa thuận huy động phương tiện, vật tư của doanh nghiệp, nhân dân phục vụ cho công tác ứng phó mưa lớn, lốc, sét, ngập lụt, nước dâng.

b) Đối với hộ gia đình:

Yêu cầu mỗi hộ gia đình phải chủ động chuẩn bị các phương tiện, vật tư của gia đình (máy bơm, dây để chằng chống nhà, bao cát,...) nhằm tự đảm bảo sử dụng cho gia đình khi mưa lớn, lốc, sét, ngập lụt, nước dâng xảy ra.

3.2.4. Hậu cần tại chỗ:

a) Đối với chính quyền địa phương:

Chủ động các phương án cung cấp lương thực, nước uống, thuốc chữa bệnh, các nhu yếu phẩm cần thiết,... để cấp phát cho người dân, ưu tiên đối tượng bị tổn thương, theo nguyên tắc chung là cơ bản đáp ứng các yêu cầu phục vụ tại chỗ trong lúc khẩn cấp trước khi có sự cứu trợ từ bên ngoài.

b) Đối với hộ gia đình:

Từng hộ gia đình phải chuẩn bị đầy đủ các nhu yếu phẩm thiết yếu như lương thực, thực phẩm, thuốc men,...theo hướng dẫn của chính quyền địa phương, đảm bảo đủ dùng cho gia đình mình càng dài ngày càng tốt trước khi có sự cứu trợ.

3.3. Các kịch bản ứng phó mưa lớn, lốc, sét, ngập lụt và nước dâng:

a) Kịch bản 1: Mưa lớn kèm theo lốc, sét với cấp độ rủi ro thiên tai cấp 1.

b) Kịch bản 2: Mực nước lũ cao từ báo động 1 đến dưới báo động 2 và mực nước lũ cao từ báo động 2 đến dưới báo động 3 cộng 1,0 tại các trạm Ông Đốc, Cửa Lớn và Gành Hào, cấp độ rủi ro do ngập lụt cấp 2-3.

c) Kịch bản 3: Độ cao nước dâng kết hợp với thủy triều gây ra mực nước tổng cộng cao từ 1,0m đến 2,0 m cho khu vực ven biển Đông và ven biển Tây tỉnh Cà Mau, cấp độ rủi ro do nước dâng cấp 2 và độ cao nước dâng kết hợp với thủy triều gây ra mực nước tổng cộng cao từ trên 2,0 m đến 3,0 m cho khu vực ven biển Tây tỉnh Cà Mau, cấp độ rủi ro do nước dâng cấp 3.

IV. NỘI DUNG CÁC KỊCH BẢN CỦA PHƯƠNG ÁN

4.1. Kịch bản 1:

“Mưa lớn diện rộng kèm theo lốc, sét với cấp độ rủi ro thiên tai cấp 1”.

4.1.1. Bước 1: Xác định thời điểm ứng phó với mưa lớn kèm lốc

Khi có dự báo lượng mưa từ 100 mm đến 200 mm trong 24 giờ hoặc từ 50 mm đến 100 mm trong 12 giờ, kéo dài từ 1 đến 2 ngày trên phạm vi dưới 1/2 số huyện, xã của tỉnh và khi có bản tin cảnh báo lốc, sét xảy ra trên phạm vi dưới 1/2 số huyện, xã của tỉnh. Cấp độ RRTT do mưa lớn kèm theo lốc, sét cấp 1.

4.1.2. Bước 2: Xác định phạm vi ảnh hưởng và phương án ứng phó

(Chi tiết tại Phụ lục XIV kèm theo)

4.1.3. Bước 3: Công tác ứng phó

a) Giai đoạn 1: Ngay từ khi có bản tin dự báo, cảnh báo về mưa lớn trên diện rộng kèm theo lốc, sét (giai đoạn triển khai các hành động sớm).

a1) Ban Chỉ huy PCTT&TKCN tỉnh: Ban hành Công văn về chủ động ứng phó với mưa lớn trên diện rộng kèm theo lốc, sét trên địa bàn tỉnh, bao gồm thông tin dự báo, cảnh báo mưa lớn kèm lốc, sét và chỉ đạo các sở, ngành, địa phương thực hiện các nội dung sau:

- Giao Văn phòng thường trực Ban Chỉ huy PCTT&TKCN tỉnh tổ chức trực ban nghiêm túc đúng quy định, thường xuyên cập nhật các bản tin dự báo, cảnh báo mưa lớn, lốc, sét, kịp thời thông tin đến các sở, ngành, địa phương và các đơn vị có liên quan để phục vụ chỉ đạo phòng tránh.

- Giao Đài Khí tượng Thủy văn Cà Mau tăng cường quan trắc, cụ thể hóa các bản tin dự báo, cảnh báo về mưa lớn, lốc, sét của trung ương sát với thực tế, trong đó lưu ý xác định các vùng trọng điểm có khả năng xảy ra thiên tai thông báo kịp thời đến các cấp, các ngành có liên quan và người dân để chuẩn bị ứng phó.

- Sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh, các cơ quan Báo, Đài, Cổng Thông tin điện tử tỉnh và Ủy ban nhân dân huyện, thành phố Cà Mau, theo chức năng, nhiệm vụ của đơn vị đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền về tình hình mưa lớn, lốc, sét, các nguy cơ do mưa lớn, lốc, sét có khả năng gây ra cho con người, nhà cửa, tài sản, sản xuất và các biện pháp phòng để các tổ chức, cá nhân và cộng đồng dân cư chủ động thực hiện.

- Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với chính quyền địa phương rà soát hướng dẫn người dân thực hiện chằng, chống nhà ở, công trình phòng, chống sập, đổ, ngã, tốc mái, kiểm tra hệ thống chống sét nhà ở, công trình có nguy cơ và khắc phục ngay nếu chưa đảm bảo.

a2) Ban Chỉ huy PCTT&TKCN cấp huyện: Triển khai văn bản chỉ đạo của Ban Chỉ huy PCTT&TKCN tỉnh, trong đó lưu ý:

- Chỉ đạo Văn phòng thường trực Ban Chỉ huy PCTT&TKCN cấp huyện thường xuyên cập nhật các bản tin dự báo, cảnh báo mưa lớn, lốc, sét.

- Thông tin, truyền thông đến cấp xã; hướng dẫn các biện pháp ứng phó mưa lớn, lốc, sét trên các phương tiện truyền thông của cấp huyện.

- Rà soát các biện pháp đảm bảo an toàn cho người (bao gồm cả biện pháp di dời, sơ tán), nhà ở, tài sản, hoạt động sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng và đánh bắt thủy sản. Lưu ý những hộ dân có nhà ở không đảm bảo an toàn, những khu vực sản xuất trứng thối, để có giải pháp phù hợp.

- Chỉ đạo sẵn sàng lực lượng, phương tiện để hỗ trợ người dân chuẩn bị ứng phó mưa lớn, lốc, sét.

a3) Ban Chỉ huy PCTT&TKCN cấp xã: Triển khai thực hiện văn bản chỉ đạo của cấp trên; thực hiện tốt công tác truyền thông về tình hình mưa lớn, lốc, sét, các sự cố có thể xảy ra do mưa lớn, lốc, sét; rà soát quân số lực lượng xung kích phòng, chống thiên tai cấp xã sẵn sàng hỗ trợ người dân khi có tình huống.

a4) Đối với hộ gia đình, cộng đồng dân cư: Thường xuyên theo dõi thông tin cảnh báo, hướng dẫn của các ngành chức năng và chính quyền địa phương về tình hình mưa lớn, lốc, sét, các dấu hiệu nhận biết về khả năng xảy ra các loại thiên tai này, đồng thời chủ động chuẩn bị các điều kiện cần thiết để ứng phó với thiên tai, phân công công việc cho các thành viên trong gia đình thực hiện chuẩn bị trước; tuyệt đối tuân thủ theo các hướng dẫn của chính quyền địa phương và chủ động hỗ trợ những người xung quanh nếu điều kiện cho phép.

b) Giai đoạn 2: Mưa lớn diện rộng kèm theo lốc, sét với cấp độ rủi ro thiên tai cấp 1 (giai đoạn ứng phó).

Các ngành, các cấp tiếp tục thực hiện các nội dung phù hợp ở giai đoạn 1, đồng thời triển khai tốt các nội dung sau:

b1) Cấp tỉnh:

- Ban Chỉ huy PCTT&TKCN tỉnh triển khai thực hiện nghiêm túc các văn bản chỉ đạo của Trung ương, Ủy ban nhân dân tỉnh, đồng thời ban hành văn bản chỉ đạo ứng phó mưa lớn kèm lốc, sét cấp độ rủi ro cấp 1 trên địa bàn tỉnh; đảm bảo công tác trực ban 24/24h để theo dõi, nắm bắt, truyền tải kịp thời thông tin và xử lý kịp thời các tình huống khi xảy ra.

- Các sở, ban, ngành tỉnh theo nhiệm vụ ngành triển khai thực hiện các phương án ứng phó của ngành mình, sẵn sàng chi viện cho các địa phương.

- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chỉ đạo đảm bảo tiêu thoát nước, chống ngập úng bảo vệ sản xuất, nhất là đối với vùng ngọt hóa huyện U Minh và Trần Văn Thời; tổ chức các đoàn kiểm tra, rà soát các công trình xung yếu; cử cán bộ trực tiếp kiểm tra việc tuân tra, kiểm tra đê điều; chủ động vận hành hợp lý các trạm bơm, cống, đập, công trình phòng chống thiên tai khác có liên quan.

- Các thành viên Ban Chỉ huy PCTT&TKCN các cấp theo nhiệm vụ, khu vực được phân công phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương bám sát địa bàn, tham gia chỉ huy, chỉ đạo ứng phó phù hợp theo từng tình huống.

b2) Cấp huyện:

- Thực hiện nghiêm túc chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban Chỉ huy PCTT&TKCN tỉnh và các chỉ đạo của cấp trên.

- Ban Chỉ huy PCTT&TKCN cấp huyện triển khai thực hiện các phương án ứng phó của địa phương mình; đồng thời, chỉ đạo thông báo trên các phương tiện truyền thông về diễn biến tình hình mưa lớn, lốc, sét, thời gian, cường độ đang diễn ra, những vùng bị ảnh hưởng, những cảnh báo, dự báo về các loại hình thiên tai này; thông tin các biện pháp, chỉ đạo đến người dân ở khu vực bị ảnh hưởng; tiếp tục tuyên truyền, hướng dẫn các biện pháp phòng tránh, ứng phó.

- Chỉ đạo, phân công thành viên Ban Chỉ huy PCTT&TKCN cấp huyện phối hợp với Ban Chỉ huy PCTT&TKCN cấp xã trực tiếp chỉ huy, chỉ đạo ứng phó.

- Chỉ đạo rà soát lực lượng tại chỗ của cấp huyện, sẵn sàng chi viện cho cấp xã khi có yêu cầu.

- Chỉ đạo Ban Chỉ huy PCTT&TKCN cấp xã rà soát số hộ dân bị ảnh hưởng, số hộ cần di dời, sơ tán, đưa ra quyết định xử lý hoặc báo cáo xin ý kiến cấp trên nếu vượt thẩm quyền.

- Chỉ đạo Ban Chỉ huy PCTT&TKCN cấp xã tính toán, bố trí số lượng lực lượng xung kích phòng, chống thiên tai cấp xã, trang thiết bị phù hợp triển khai hỗ trợ người dân ứng phó, khắc phục hậu quả.

- Chỉ đạo Văn phòng thường trực cấp huyện phối hợp với Phòng Lao động, Thương binh và Xã hội cấp huyện, chính quyền cấp xã thống kê tình hình thiệt hại, tổ chức thăm hỏi, thực hiện các quy trình, thủ tục hỗ trợ kịp thời các trường hợp vị thiệt hại, ảnh hưởng thuộc phạm vi và trách nhiệm quản lý.

b3) Cấp xã:

- Thực hiện nghiêm túc chỉ đạo của Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ban Chỉ huy PCTT&TKCN cấp huyện và các chỉ đạo của cấp trên.

- Ban Chỉ huy PCTT&TKCN cấp xã triển khai thực hiện các phương án ứng phó của địa phương mình; duy trì thường xuyên việc thông tin diễn biến tình hình mưa lớn, lốc, sét, thời gian, cường độ đang diễn ra, những vùng bị ảnh hưởng, những cảnh báo, dự báo về các loại hình thiên tai, các biện pháp ứng phó, các chỉ đạo đến người dân ở khu vực bị ảnh hưởng.

- Cử lực lượng xung kích phòng, chống thiên tai cấp xã, phối hợp với các lực lượng các lượng chi viện chi tỉnh, huyện và các lực lượng khác trên địa bàn trực tiếp hỗ trợ người dân ứng phó thiên tai, trong đó ưu tiên hỗ trợ cho các hộ dân khó khăn, gia đình người già, neo đơn và các đối tượng yếu thế, đối tượng dễ bị tổn thương; tổ chức di dời, sơ tán dân theo phương án đã phê duyệt (nếu có).

b4) Đối với hộ gia đình, cộng đồng dân cư:

Tiếp tục theo dõi chặt chẽ thông tin về diễn biến tình hình mưa lớn, lốc, sét; thực hiện đúng chỉ đạo, yêu cầu của chính quyền địa phương; chủ động thực hiện các biện pháp đảm bảo an toàn cho mọi người trong gia đình như kế hoạch đã định trước, sẵn sàng, chủ động giúp các hộ gia đình xung quanh gặp khó khăn trong khả năng.

4.2. Kịch bản 2:

“Mức nước lũ cao từ báo động 1 đến dưới báo động 2 và mức nước lũ cao từ báo động 2 đến dưới báo động 3 cộng 1,0 tại các trạm Ông Đốc, Cửa Lớn và Gành Hào, cấp độ rủi ro do ngập lụt cấp 2-3”.

4.2.1. Bước 1: Xác định thời điểm ứng phó với ngập lụt

Khi có dự báo mức nước lũ cao từ báo động 2 đến dưới báo động 3 cộng 1,0 tại các trạm Ông Đốc, Cửa Lớn và Gành Hào, cấp độ rủi ro do ngập lụt cấp 3.

4.2.2. Bước 2: Xác định phạm vi ảnh hưởng và phương án ứng phó

(Chi tiết tại Phụ lục XIV kèm theo)

4.2.3. Bước 3: Công tác ứng phó

a) Đối với thời điểm xảy ra ngập lụt với cấp độ RRTT cấp 2:

Theo số liệu quan trắc lịch sử và tình hình thực tế trong thời gian qua thì trên địa bàn tỉnh chưa ảnh hưởng hoặc chưa có nhiều nguy cơ ảnh hưởng đến đời sống, hoạt động sản xuất của người dân. Vì vậy, những việc cần làm đối với các ngành, các cấp khi xảy ra trường hợp này là tập trung công tác thông tin, tuyên truyền hướng dẫn người dân thường xuyên kiểm tra, gia cố bờ bao, khuôn hộ để bảo vệ sản xuất và chưa có các hoạt động ứng phó. Mặc dù vậy, cần tránh lơ là, chủ quan mà phải theo dõi sát các bản tin dự báo, cảnh báo mức nước lũ để kịp thời, chủ động triển khai thực hiện các phương án theo kịch bản cao hơn nếu có trường hợp đột xuất xảy ra.

b) Đối với thời điểm xảy ra ngập lụt với cấp độ RRTT cấp 3

- Thực hiện công tác ứng phó 02 giai đoạn tương tự như đối với công tác ứng phó mưa lớn, lốc, sét tại mục 4.1.3, kịch bản 1, trong đó lưu ý các nội dung sau:

- Về phạm vi ứng phó, chủ yếu tập trung ở 06 huyện ven biển gồm: Năm Căn, Ngọc Hiển, Phú Tân, Đầm Dơi, U Minh và Trần Văn Thời với nội dung trọng tâm là bảo vệ an toàn đê biển Tây, bờ bao, đê bao, khuôn hộ của các hộ dân nuôi trồng thủy sản.

- Trong trường hợp triều dâng cao kết hợp với mưa lớn thì mở rộng phạm vi ứng phó đến tất cả các huyện, thành phố còn lại, lúc này ngoài những hoạt động ứng phó nêu trên thì sẽ phát sinh hoạt động phòng, chống ngập úng các vùng ngọt hóa.

- Tùy theo phạm vi ảnh hưởng mà các đơn vị, địa phương có sự phân công chỉ huy, chỉ đạo và huy động nguồn lực ứng phó phù hợp với tình hình thực tế.

- Tại Kịch bản 1 thì có sự tham gia của Sở Xây dựng, nhưng đối với Kịch bản này (Kịch bản 2) thì Sở Giao thông Vận tải sẽ thay thế với nhiệm vụ phối hợp với chính quyền địa phương cấm biển cảnh báo, hướng dẫn giao thông an toàn,... tại những địa điểm, đường giao thông bị ngập sâu để đảm bảo an toàn cho người dân.

4.3. Kịch bản 3:

“Độ cao nước dâng kết hợp với thủy triều gây ra mực nước tổng cộng cao từ 1,0m đến 2,0 m cho khu vực ven biển Đông và ven biển Tây tỉnh Cà Mau, cấp độ rủi ro do nước dâng cấp 2 và độ cao nước dâng kết hợp với thủy triều gây ra mực nước tổng cộng cao từ trên 2,0 m đến 3,0 m cho khu vực ven biển Tây tỉnh Cà Mau, cấp độ rủi ro do nước dâng cấp 3.

Đối chiếu mực nước dâng các cấp độ RRTT thấy rằng tương đương mực nước ngập lụt, vì vậy tại Kịch bản này triển khai thực hiện các bước tương tự như ở Kịch bản 2 tại mục 4.2. Riêng đối với công tác ứng phó với RRTT do nước dâng cấp độ 3 thì bổ sung các nhiệm vụ sau:

- Theo quy định, nước dâng là do nguyên nhân bão, ATNĐ, gió mạnh trên biển và theo Kịch bản này lại có khả năng kết hợp triều nên mực nước dâng sẽ còn có khả năng dâng cao hơn và ở mức nguy hiểm hơn, đặc biệt là đối với đê biển Tây. Do đó, giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chỉ đạo Chi cục Thủy lợi phối hợp với chính quyền địa phương xây dựng phương án hộ đê biển Tây, trong đó lưu ý rà soát, xác định mức độ ưu tiên, thời điểm xử lý, phương pháp xử lý, phân bổ lực lượng, sử dụng phương tiện, vật tư...đảm bảo hiệu quả thực chất theo phương châm 04 tại chỗ, đặc biệt là công tác xử lý giờ đầu.

- Các lực lượng Quân sự, Biên phòng, Công an phối hợp chặt chẽ với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các địa phương có liên quan trong xây dựng, triển khai phương án hộ đê khi xảy ra sự cố, tuyệt đối không để vỡ đê.

- Ủy ban nhân dân, Ban Chỉ huy PCTT&TKCN các huyện ven biển có đê chỉ đạo phân công Ủy ban nhân dân, Ban Chỉ huy PCTT&TKCN cấp xã phân công lực lượng quản lý đê nhân dân phối hợp với các lực lượng quản lý đê của tỉnh thường xuyên tuần tra, kiểm tra đê để kịp thời phát hiện và xử lý giờ đầu hiệu quả khi có sự cố.

V. PHÂN CÔNG TRÁCH NHIỆM TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Căn cứ Phương án chung của tỉnh, từng sở, ngành, địa phương xây dựng phương án chi tiết để triển khai thực hiện, đồng thời, thường xuyên theo dõi thông

tin dự báo mà có sự cập nhật, điều chỉnh một cách linh hoạt sát với tình hình thực tế để triển khai thực hiện.

2. Thủ trưởng các sở, ban ngành, đơn vị và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Cà Mau phải trực tiếp chỉ đạo Ban Chỉ huy PCTT&TKCN của đơn vị, địa phương mình thực hiện nhiệm vụ theo từng phương án. Các thành viên Ban chỉ huy PCTT&TKCN tỉnh, huyện, thành phố Cà Mau, xã, phường, thị trấn thực hiện theo nhiệm vụ và địa bàn được phân công phụ trách.

3. Các tổ chức, cá nhân, lực lượng đóng trên địa bàn phải tuân thủ sự điều động và chấp hành nghiêm túc sự chỉ đạo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân – Trưởng ban Chỉ huy PCTT&TKCN các cấp trên địa bàn tỉnh.

4. Ban Chỉ huy PCTT&TKCN các cấp, các ngành thực hiện nghiêm chế độ trực ban và thông tin, báo cáo theo quy định.

5. Về kinh phí thực hiện: Sử dụng kinh phí được giao đầu năm cho ngành, địa phương, đơn vị; Quỹ phòng, chống thiên tai tỉnh. Trường hợp phát sinh kinh phí vượt khả năng cân đối ngân sách và Quỹ phòng, chống thiên tai, các sở, ngành, địa phương, đơn vị báo cáo Sở Tài chính tham mưu, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

6. Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn theo dõi, đôn đốc, tổng hợp tình hình thực hiện Phương án hàng năm, kịp thời báo cáo, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, chỉ đạo tháo gỡ khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện.

7. Đối với việc phân công, phân cấp chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ ứng phó, khắc phục hậu quả mưa lớn, lốc, sét, ngập lụt, nước dâng thực hiện theo đúng phân công tại phương án này, trong trường hợp các văn bản quy định có thay đổi thì thực hiện theo các văn bản mới. Mọi hoạt động triển khai ứng phó thiên tai phải thực hiện một cách linh hoạt nhưng vẫn đảm bảo các quy định về phòng, chống dịch Covid-19 tại thời điểm xảy ra thiên tai.

Trên đây là nội dung Phương án ứng phó với mưa lớn, lốc, sét, ngập lụt, nước dâng theo cấp độ rủi ro thiên tai trên địa bàn tỉnh Cà Mau./.

Nơi nhận:

- Ban Chỉ đạo QG về PCTT (b/c);
- Ủy ban Quốc gia UPSC TT&TKCN (b/c);
- UBND tỉnh (b/c);
- Tổng cục PCTT (b/c);
- Trưởng ban, P. Trưởng ban BCH PCTT&TKCN tỉnh (b/c);
- Chi cục PCTT miền Nam;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Thành viên BCH PCTT&TKCN tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Ủy ban nhân dân các huyện, TP Cà Mau;
- Lưu: VT, PCTT(Đc).

TRƯỞNG BAN

Số: /PA-BCH

Cà Mau, ngày tháng năm 2021

PHƯƠNG ÁN

Ứng phó với sạt lở, sụt lún đất theo cấp độ rủi ro thiên tai trên địa bàn tỉnh Cà Mau

I. GIỚI THIỆU CHUNG

1.1. Khái quát điều kiện tự nhiên, dân sinh và kinh tế - xã hội

1.1.1. Điều kiện tự nhiên:

a) **Vị trí địa lý:** Cà Mau là tỉnh ven biển ở cực nam của Việt Nam, thuộc khu vực Đồng bằng sông Cửu Long, phía bắc giáp tỉnh Kiên Giang, phía đông giáp tỉnh Bạc Liêu và biển Đông, phần mũi phía Nam giáp biển Đông và một phần phía tây giáp vịnh Thái Lan với tổng chiều dài bờ biển lên đến 254km. Trong đó, bờ biển Tây dài 154km, bờ biển Đông dài 100km; vùng biển rộng 71.000 km²; phía Nam có Hòn Khoai cách cửa biển Rạch Gốc 13 hải lý; phía Tây Nam có đảo Hòn Chuối cách cửa biển Sông Đốc 18 hải lý và Hòn Đá Bạc cách cửa kinh Đá Bạc 600m; diện tích tự nhiên của tỉnh Cà Mau là 5.221,19 km², được chia thành 02 hệ sinh thái mặn, ngọt, trong đó vùng ngọt hóa có diện tích khoảng 2.088,84 km² (Vùng Bắc Cà Mau có diện tích tự nhiên 1.544,14 km² bao gồm toàn bộ huyện U Minh, phần lớn diện tích huyện Trần Văn Thời và một phần diện tích huyện Thới Bình; vùng Quản lộ Phụng Hiệp có diện tích tự nhiên 544,8 km² bao gồm phần lớn huyện Thới Bình và thành phố Cà Mau). Ngoài ra, Cà Mau là điểm đến của một số tuyến quốc lộ và tuyến đường thủy quan trọng như: Quốc lộ 1A từ thành phố Hồ Chí Minh – Bạc Liêu – Cà Mau – Năm Căn; Quốc lộ 63 (Cà Mau – Kiên Giang); Tuyến đường hành lang ven biển phía Nam (Cà Mau – Kiên Giang); Tuyến đường Quản lộ – Phụng Hiệp; Tuyến đường thủy Cà Mau – thành phố Hồ Chí Minh.

b) Đặc điểm khí tượng thủy văn:

* **Khí hậu:** Cà Mau là tỉnh đồng bằng ven biển, nằm trong khu vực nội chí tuyến Bắc bán cầu, cận xích đạo. Mùa khô diễn ra từ tháng 12 đến tháng 4 năm sau, hiện nay trong mùa khô thường xảy ra hạn hán gây gắt với nền nhiệt cao làm khô cạn kênh mương trong nội đồng; mùa mưa bắt đầu từ tháng 5 đến tháng 11 với hầu hết các cơn mưa đều kèm theo dông lốc.

* **Nhiệt độ:** Cà Mau có nền nhiệt độ cao, nhiệt độ trung bình nhiều năm vào khoảng 27,2°C, nhiệt độ không khí trung bình những năm gần đây có sự sai khác năm 2016 là 28,2°C, năm 2017 là 27,8°C, năm 2018 là 27,9°C, năm 2019 và nửa đầu năm 2020 là 28,4°C. Trong năm 2020, tháng 05 có nhiệt độ trung bình cao

nhất (36,6°C) và tháng 02 có nhiệt độ trung bình thấp nhất (27,7°C). Nhiệt độ cao thường xuất hiện trong mùa khô, là một trong các yếu tố gây ra hạn hán.

* **Mưa:** Mưa là yếu tố khí hậu quan trọng đối với hoạt động sản xuất nông nghiệp của tỉnh Cà Mau. Mùa mưa ứng với hướng gió Tây - Nam và mùa mưa đến sớm hay muộn phụ thuộc vào hình thế thời tiết xuất hiện trong năm (theo thời gian) và thường không đồng đều trên địa bàn khu vực Nam Bộ (không gian). Thời gian bắt đầu mùa mưa phụ thuộc vào sự xuất hiện của hoàn lưu gió mùa Tây Nam (tháng 5 đến tháng 11) kết hợp với các xoáy thuận nhiệt đới (bão, áp thấp) hoạt động trên Tây Thái Bình Dương và Biển Đông. Thời gian chấm dứt mùa mưa thường khi có sự xuất hiện của hoàn lưu gió mùa Đông Bắc (tháng 12 đến tháng 4 năm sau). Lượng mưa trung bình trên địa bàn tỉnh từ 1.700 mm đến gần 2.400 mm, cao hơn so với các khu vực khác ở Bán đảo Cà Mau. Lượng mưa mùa mưa chiếm từ 87,7% - 93,1% cả năm. Mùa mưa ở Cà Mau cũng là thời gian gắn liền với các loại hình thiên tai, thời tiết cực đoan như: Bão, áp thấp nhiệt đới, mưa lớn, ngập lụt, triều cường, nước dân, sạt lở, sụt lún đất,...

* **Độ ẩm:** Độ ẩm trung bình năm vào khoảng 82%. Độ ẩm có giá trị cao vào mùa mưa và có giá trị nhỏ vào các tháng mùa khô. Lượng bốc hơi khá lớn, trung bình hàng năm bốc hơi xấp xỉ 1.000 mm. Những tháng mùa mưa lượng bốc hơi thường nhỏ hơn 80 mm/tháng, thấp nhất vào tháng 9, 10 với lượng bốc hơi vào khoảng 60 mm/tháng. Những tháng mùa khô lượng bốc hơi cao trên 100 mm/tháng. Tháng có lượng bốc hơi cao nhất là tháng 3 với lượng là 125 mm/tháng, trung bình hơn 4 mm/ngày.

* **Mạng lưới sông ngòi:** Cà Mau có hệ thống sông ngòi, kênh rạch chằng chịt và đan xen nhau, chiếm 3,02% diện tích tự nhiên, trong đó có nhiều sông lớn, như: Cửa Lớn, Gành Hào, Bảy Háp, Sông Đốc, Đầm Dơi, Cái Tàu, Trẹm... Các sông lớn có chiều dài từ 42 - 56 km, tổng chiều dài các sông khoảng 7.000 km; chiều rộng của các cửa sông từ 45,0 m (sông Cái Tàu) đến 1.800 m (sông Cửa Lớn); chiều sâu các cửa sông từ 3,0 m (cửa Bãi Háp) tới 19,0 m (cửa Bồ Đề của sông Cửa Lớn). Các kênh rạch lớn nhỏ, đan xen nhau gồm: kênh xáng Quản Lộ - Phụng Hiệp, Cà Mau - Bạc Liêu, Chợ Hội - Huyện Sử, kênh Chắc Băng, Bà Kẹo, Đới Cường, Biện Nhị; các rạch: Rạch Sau, Lung Lắm, Bà Bường, Bà Thanh, Bà Kẹo, Bà Đặng, Ông Do, Ông Tinh, Ông Định, Ông Đơn, Rạch Lùm, Rạch Cui, Rạch Ráng, Rạch Dinh, Rạch Tệt, Rạch Đền... Ngoài ra, ở Cà Mau có nhiều đầm, trong đó nổi bật nhất là Đầm Thị Tường. Với mật độ sông, kênh rạch như trên, cùng với các yếu tố về dòng chảy, hoạt động dân sinh, sản xuất,... nên tình trạng sạt lở ven sông xảy ra thường xuyên.

* **Sóng:** Cà Mau có trường sóng đặc trưng theo mùa, gồm mùa sóng Tây Nam (từ tháng 5 đến tháng 9) và mùa sóng Đông Bắc (từ tháng 11 đến tháng 3). Trên vùng biển Cà Mau hiện nay, thường xuyên xuất hiện, sóng to, gió lớn kể cả trong mùa gió mùa Tây Nam và gió mùa Đông Bắc và tác động rất lớn đến đường bờ biển, để biển gây ra sạt lở đất.

* **Chế độ thủy triều:** Cà Mau chịu ảnh hưởng bởi chế độ thủy triều của Biển Đông, Biển Tây và chế độ mưa nội vùng, cho nên chế độ thủy văn trong vùng

khá đa dạng và phức tạp. Phía đông chịu ảnh hưởng của chế độ triều Biển Đông theo cửa Gành Hào, cửa Bồ Đề... Thủy triều Biển Đông có chế độ bán nhật triều không đều, 1 ngày triều là 24,83 giờ, một chu kỳ triều là 12 - 14 ngày. Phía Tây chịu ảnh hưởng bởi chế độ triều Biển Tây với chế độ triều hỗn hợp, trong đó chế độ nhật triều là chủ yếu. Một ngày có hai lần triều cường và hai lần triều hạ, đôi khi có ba lần triều cường và ba lần triều hạ. Một chu kỳ triều khoảng 14 ngày. Do ảnh hưởng của 2 chế độ thủy triều và có nhiều cửa sông ăn thông ra biển, nên toàn bộ diện tích đất liền của tỉnh có chế độ truyền triều rất phức tạp. Hiện nay, do một số tác động mà thủy triều mang rất ít phù sa, nên việc bồi lắng đất rất hạn chế, tính hình sạt lở đất lại tăng cao.

*** Đặc điểm địa hình, địa chất và đường bờ biển:**

Cà Mau có đường bờ biển dài 254 km, với nhiều cửa sông đi sâu vào nội địa nên; địa hình thấp, bằng phẳng và thường xuyên bị ngập nước. Độ cao bình quân 0,5 m đến 1,5 m so với mặt nước biển. Hướng địa hình nghiêng dần từ Bắc xuống Nam, từ Đông Bắc xuống Tây Nam. Những vùng trũng cục bộ như Thới Bình (Cà Mau) nối với Phước Long, Hồng Dân, Giá Rai (Bạc Liêu) thuộc vùng trũng, trung tâm bán đảo Cà Mau có quan hệ địa hình lòng sông cổ. Cấu tạo địa chất tỉnh Cà Mau chủ yếu là các trầm tích Đệ tứ, bao gồm: Phù sa cổ hay trầm tích Pleistocen muộn, phù sa mới, trầm tích Holocen giữa và trầm tích Holocen trên, có nguồn gốc từ các bãi bồi ven sông rạch với cao trình của bãi bồi khoảng từ 0,8 - 1,2 m, dốc thoải từ bờ sông vào nội đồng. Vật liệu cấu tạo chủ yếu là bột cát hoặc sét bột; các bãi bồi giữa lòng cao trình khoảng 0,3 m, thành phần thạch học chủ yếu là sét, còn xuống sâu hàm lượng bột cát càng tăng lên; các bãi triều ven biển với dạng dải kéo dài theo bờ biển, hơi nghiêng về phía biển, độ dốc thấp, bề mặt khá bằng phẳng,...

1.1.2. Dân sinh:

Tỉnh Cà Mau có dân số khoảng 1.194.281 người, trong đó nam 604.903 người chiếm 50,65 %, nữ 589.378 người chiếm 49,35 %, 41.680 người là đối tượng dễ bị tổn thương (Nam: 2,26 %, nữ: 4,75%) với 09 đơn vị hành chính cấp huyện (08 huyện và 01 thành phố) và 101 đơn vị hành chính cấp xã (82 xã, 10 phường và 09 thị trấn), trong đó có 06 huyện/23 xã, thị trấn ven biển. Chi tiết tại Phụ lục VII kèm theo).

1.1.3. Kinh tế:

- Tăng trưởng GRDP năm 2020 của tỉnh ước tính tăng 1,09% so cùng kỳ. Tỷ trọng của các ngành kinh tế chuyển biến tích cực, cụ thể: Khu vực ngư, nông, lâm nghiệp chiếm tỷ trọng 33,02%; khu vực công nghiệp, xây dựng chiếm 30,85%; khu vực dịch vụ chiếm 31,58%; thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm chiếm 4,55%. Tổng sản phẩm trong tỉnh (GRDP) năm 2020 tăng 7% so với năm 2019. Thu ngân sách Nhà nước năm 2020 đạt trên 6.100 tỷ đồng, tăng hơn 10% so cùng kỳ.

- Tổng sản lượng nuôi trồng và khai thác thủy sản năm 2020 ước đạt 592,64 ngàn tấn, tăng 4,77% so cùng kỳ; gieo trồng lúa năm 2020 đạt 112.413,60 ha (chiếm 91,87% tổng diện tích cây hàng năm), giảm 2,74% so cùng kỳ; năng

suất gieo trồng bình quân ước đạt 39,75 tạ/ha, giảm 12,55%; sản lượng thu hoạch ước đạt 446.875,07 tấn, giảm 14,95% so với năm 2019; trồng mới tập trung được 3.650 ha rừng, khai thác gỗ và lâm sản đạt 231.200 m³, tăng 0,26% so cùng kỳ. Chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp năm 2020 tăng 4,45% so cùng kỳ. Khối lượng vận chuyển khoảng 38.955,53 nghìn hành khách, giảm 1,94% so cùng kỳ và khoảng 2.617,01 nghìn tấn hàng hóa, tăng 4,38% so cùng kỳ; tỷ lệ hộ nghèo giảm còn 1,75%; trật tự xã hội ổn định;...

1.2. Đặc điểm và tình hình sạt lở, sụt lún đất trên địa bàn tỉnh

- Sạt lở, sụt lún thường xảy ra cục bộ, dọc các tuyến đường ven sông, bờ sông, bờ biển do tác động của mưa lớn, dòng chảy, sóng biển,... Sạt lở, sụt lún đất thường xảy ra bất ngờ, rất khó dự báo trước. Sạt lở, sụt lún đất xuất hiện phổ biến ở vùng ngọt hóa vào mùa khô và diễn biến phức tạp hơn khi xảy ra hạn hán. Đối với các vùng mặn, lợ, vùng ven biển tình trạng sạt lở, sụt lún đất xảy ra thường xuyên hơn nhưng nghiêm trọng nhất là vào thời điểm cuối mùa khô, đầu mùa mưa và vào những tháng cuối năm khi triều cường dâng cao và thường xuyên có sóng to, gió lớn trên biển.

- Với điều kiện tự nhiên đặc thù, cùng với sự tác động ngày càng rõ nét của biến đổi khí hậu, nước biển dâng, tình hình sạt lở, sụt lún đất trên địa bàn tỉnh Cà Mau thời gian qua diễn ra rất nghiêm trọng. Trong đó có 105 km đê biển, bờ biển bị sạt lở thường xuyên (bờ biển Tây: 57km; bờ biển Đông: 48km). Qua thống kê, rà soát, hiện nay trên địa bàn tỉnh có 276 điểm sạt lở, sụt lún đất ven sông, ven biển với tổng chiều dài khoảng 228,6km. Trong đó, có 45 điểm sạt lở đặc biệt nguy hiểm với chiều dài 51,5km, 197 điểm sạt lở nguy hiểm với chiều dài 166,8km, 34 điểm sạt lở bình thường với chiều dài 10,3km.

1.3. Đánh giá rủi ro do sạt lở, sụt lún đất

1.3.1. Đánh giá thiên tai:

a) Cấp độ rủi ro thiên tai do sạt lở, sụt lún đất:

- Cấp độ rủi ro thiên tai sạt lở đất, sụt lún đất do mưa lũ hoặc dòng chảy gồm có 03 cấp độ (cấp độ 1, cấp độ 2 và cấp độ 3) định tại Điều 46 Quyết định số 18/2021/QĐ-TTg ngày 22/4/2021 của Thủ tướng Chính phủ...Tuy nhiên lại không quy định cho các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long, trong đó có Cà Mau, mặc dù thực tế tình trạng sạt lở do mưa, dòng chảy thủy triều, sóng biển,...đang diễn ra thường xuyên và nghiêm trọng. Do đó, không thể xác định được cấp độ rủi ro đối với loại hình thiên tai sạt lở, sụt lún đất do mưa lũ hoặc dòng chảy. Việc ứng phó sẽ dựa theo tình hình thực tế xảy ra.

- Cấp độ rủi ro thiên tai sạt lở đất, sụt lún đất do hạn hán gồm có 04 cấp độ (cấp độ 1, cấp độ 2, cấp độ 3 và 4) được quy định tại Điều 48 Quyết định số 18/2021/QĐ-TTg ngày 22/4/2021 của Thủ tướng Chính phủ. Đối với địa bàn tỉnh Cà Mau, mùa khô bắt đầu từ khoảng tháng 12 năm trước đến khoảng cuối tháng 04, đầu tháng 05 năm sau. Hiện nay, tình hình hạn hán diễn ra thường xuyên hơn, diễn biến gay gắt và khốc liệt hơn làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến sản xuất, đời sống, tăng nguy cơ cháy rừng, gây ra sạt lở, sụt lún đất nghiêm trọng, nhất là trong

vùng ngọt hóa thuộc huyện U Minh và Trần Văn Thờ. Đối chiếu lượng thiếu hụt mực nước trong đợt hạn hán lịch sử mùa khô năm 2019 – 2020 với quy định hiện hành, cấp độ rủi ro do sụt lún đất, sụt lún đất do hạn hán cao nhất đến cấp độ 3.

b) Các dấu hiệu cảnh báo:

Những thay đổi xảy ra xung quanh khu vực sinh sống, sản xuất, đường giao thông, nhà ở,... như: Mặt đất có hiện tượng phồng rộp, đường bấp bênh; nước phun ra từ mặt đất tại nhiều vị trí mới; hàng rào, tường chắn, cột điện, cây cối bị nghiêng hoặc di chuyển; xuất hiện dấu vết sụt lún; xuất hiện các vết nứt mới trên tường, trần, gạch, hoặc nền; xuất hiện các vết nứt mở rộng trên mặt đất hoặc trên lối đi; sự thay đổi của dòng nước (nước từ trong chuyển sang đục);...các tuyến kênh dọc theo lộ giao thông bị khô cạn nước; mất đai rừng bảo vệ bờ biển;...

d) Thời gian cảnh báo trước:

Hiện nay, do công tác quan trắc sụt lún, sụt lún đất còn nhiều khó nên việc cảnh báo trước là hết sức quan trọng. Thời gian cảnh báo phụ thuộc vào công tác kiểm tra, xác định các dấu hiệu, khu vực, thời điểm có nguy cơ cao xảy ra sụt lún, sụt lún đất, việc cảnh báo trước sụt lún, sụt lún đất được thực hiện như sau:

- Thường xuyên kiểm tra, kịp thời phát hiện các dấu hiệu xảy ra sụt lún. Khi phát hiện được các dấu hiệu cho thấy có khả năng xảy ra sụt lún, sụt lún đất thì thực hiện cảnh báo ngay.

- Cảnh báo sụt lún, sụt lún đất vào thời điểm đầu mùa mưa, khi có dự báo, cảnh báo nguy cơ xảy ra hạn hán, thiếu nước, triều cường, nước dâng, sóng to, gió lớn trên biển.

- Cảnh báo thường xuyên tại các khu vực luôn tiềm ẩn nguy cơ cao xảy ra sụt lún, sụt lún đất, đặc biệt là các khu vực có dân cư sống tập trung ven sông, ven biển.

- Cảnh báo ngay khi phát hiện các khu vực bị mất đai rừng phòng hộ, hoặc đai rừng còn mỏng đối với các khu vực ven biển, đê biển.

e) Tốc độ xảy ra sụt lún, sụt lún đất:

Đối với các vụ việc sụt lún, sụt lún đất xảy ra trên địa bàn tỉnh Cà Mau thời gian qua hầu hết đều có thời gian diễn tiến lâu dài trước đó, khi gặp tác động trực tiếp của thiên tai thì xảy ra nhanh chóng, đặc biệt là sụt lún nhà ở ven sông, sụt lún đê biển.

g) Tần suất xảy ra sụt lún, sụt lún đất :

Theo kết quả tổng hợp được, thì tình trạng sụt lún, sụt lún đất trên địa bàn tỉnh xảy ra gần như quanh năm, rất khó dự báo trước (trừ các vị trí xảy ra thường xuyên) và có sự dịch chuyển và thay đổi theo mùa.

h) Thời điểm, địa điểm xảy ra sụt lún, sụt lún đất:

Tình trạng sụt lún, sụt lún đất xảy ra tập trung nhiều nhất là vào cuối mùa khô, đầu mùa mưa đối với các khu vực ven sông vùng mặn, lợ, ven biển. Riêng đối với

vùng ven biển, tình trạng này còn xảy ra khi có sóng to, gió lớn; mùa khô đối với vùng ngọt hóa.

(Chi tiết về địa điểm xảy ra sạt lở, sụt lún đất tại Phụ lục I kèm theo)

1.3.2. Đánh giá năng lực ứng phó sạt lở, sụt lún đất theo 04 tại chỗ:

a) Năng lực về chỉ huy, chỉ đạo:

100% Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn các ngành, cấp thường xuyên được củng cố, kiện toàn và phân công nhiệm vụ cụ thể từng thành viên đáp ứng toàn diện công tác chỉ huy, chỉ đạo ứng phó với mọi tình huống thiên tai. Riêng đối với Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tỉnh phân công chỉ đạo theo 05 khu vực, mỗi khu vực được sự chỉ đạo điều hành của Trưởng khu vực, cụ thể: Khu vực 1: Thành Phố Cà Mau; Khu vực 2: huyện U Minh và Thới Bình; Khu vực 3: huyện Trần Văn Thời và Phú Tân; Khu vực 4: huyện Đầm Dơi và Cái Nước; Khu vực 5: huyện Năm Căn và Ngọc Hiển.

(Chi tiết tại Phụ lục II kèm theo)

b) Năng lực về huy động nguồn nhân lực, lực lượng:

Toàn tỉnh có hơn 30.000 lực lượng tại chỗ gồm các lực lượng: Quản lý đê điều, quản lý đê nhân dân, Công an, Quân sự, Bộ đội biên phòng, y tế, thanh niên tình nguyện, doanh nghiệp huy động, Hội chữ thập đỏ, lực lượng xung kích, dân quân tự vệ, các ban ngành, lực lượng phản ứng nhanh,...). Đây là lực lượng đã trải qua các lớp đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực, kỹ năng ứng phó thiên tai, sẵn sàng huy động cho mọi tình huống thiên tai trên địa bàn tỉnh, nòng cốt là các lực lượng đê điều, đê nhân dân, quân sự, lực lượng xung kích phòng, chống thiên tai cấp xã với nhiều kinh nghiệm thực tiễn trong xử lý các tình huống khẩn cấp sạt lở đê điều (điển hình là vụ việc sạt lở đê biển Tây vào ngày 08/03/2019). Tùy theo tình hình thực tế và diễn biến tình huống sạt lở cần xử lý mà huy động số lượng, thành phần tham gia phù hợp, đảm bảo hiệu quả.

(Chi tiết tại Phụ lục III kèm theo)

c) Năng lực về huy động vật tư, phương tiện:

Sẵn sàng huy động tại chỗ trên 3.000 phương tiện bộ, thủy; gần 200 nhà bạt; 170 máy bơm; 40 máy phát điện; hàng hóa dự trữ; cơ sở thuốc, dụng cụ y tế;...sẵn sàng huy động xử lý trong mọi tình huống sạt lở, sụt lún đất theo các kịch bản đã xây dựng.

(Chi tiết tại Phụ lục IV, V, VI kèm theo)

d) Năng lực về cơ sở hạ tầng:

- Về hạ tầng giao thông đường bộ: Toàn tỉnh hiện có trên 5.418km đường kiên cố bằng bê tông, nhựa, trong đó có 220km quốc lộ, gần 336 km tỉnh lộ, 228km đường đô thị, hơn 634 km đường liên huyện và trên 4.000 km đường giao thông nông thôn.

- Về hạ tầng giao thông đường thủy: Toàn tỉnh có trên 10.000 km đường sông đảm bảo các điều kiện chuyên chở vật tư, vật liệu, trang thiết bị phục vụ xử lý sạt lở, sụt lún đất theo nhiều kịch bản khác nhau. Trong đó, có 495,2 km đường sông do Trung ương quản lý; 367,5 km đường sông từ cấp IV-III do tỉnh quản lý, còn lại là các tuyến kênh trục, kênh cấp 1, 2, 3, 4 do cấp huyện quản lý, đáp ứng được yêu cầu vận chuyển vật tư bằng đường biển trong các trường hợp xử lý sạt lở, sụt lún đê biển.

- Về hệ thống công trình thủy lợi, đê điều: Toàn tỉnh có khoảng 52km đê biển Tây được kiên cố hóa và gần 57km kè ở cả biển Tây và biển Đông được xây dựng kiên cố.

(Chi tiết tại Phụ lục IX kèm theo)

1.3.3. Đánh giá tình trạng dễ bị tổn thương do sạt lở, sụt lún đất:

- Toàn tỉnh có hơn 14.000 nhà, công trình công cộng ở khu vực ven sông, ven biển; hơn 40km đường giao thông bộ chưa được đầu tư kiên cố; hơn 213km đường có nguy cơ bị sạt lở, sụt lún, khoảng 44.000 người bị ảnh hưởng do sạt lở, sụt lún đất; có 57km đê biển Tây chưa được xây dựng kiên cố; phần lớn đê bao, bờ bao, khuôn hộ của người dân chưa được đầu tư kiên cố.

(Chi tiết tại Phụ lục VII, VIII kèm theo)

- Người dân chưa biết cách nhận biết các dấu hiệu, cũng như cách thức xử lý khi xảy ra sạt lở, sụt lún đất; người dân Nam bộ nói chung và người dân Cà Mau nói riêng có tập quán sống gắn liền với sông nước; một bộ phận kém ý thức chưa thực hiện đúng hướng dẫn, khuyến cáo của chính quyền địa phương, chưa chịu di dời đến nơi an toàn.

II. CƠ SỞ PHÁP LÝ, MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU CỦA PHƯƠNG ÁN

2.1. Cơ sở pháp lý:

- Luật Phòng, chống thiên tai số 33/2013/QH13;
- Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đê điều năm 2020;

- Nghị định số 160/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai;

- Quyết định số 18/2021/QĐ-TTg ngày 22/4/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về dự báo, cảnh báo, truyền tin thiên tai và cấp độ rủi ro thiên tai;

- Quyết định số 01/2011/QĐ-TTg ngày 04/01/2011 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế xử lý sạt lở bờ sông, bờ biển;

- Quyết định số 02/QĐ-TWPCTT ngày 18/02/2020 Ban hành Sổ tay hướng dẫn xây dựng phương án ứng phó tương ứng với các cấp độ rủi ro thiên tai;

- Kế hoạch số 116/KH-UBND ngày 20/10/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau triển khai thực hiện Quyết định số 957/QĐ-TTg ngày 06/7/2020

của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án phòng, chống sụt lún bờ sông, bờ biển đến năm 2030;

- Căn cứ yêu cầu nhiệm vụ và tình hình thực tế về sụt lún, sụt lún trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

2.2. Mục đích

- Nâng cao vai trò, trách nhiệm của các địa phương, các cơ quan nhà nước, các đơn vị liên quan, các tập thể, cá nhân và người dân trong công tác phòng, chống sụt lún, sụt lún đất, đảm bảo an toàn về người và tài sản của Nhân dân.

- Chủ động, kịp thời truyền tải thông tin dự báo, cảnh báo sớm và các phương án tuyên truyền cùng với các thông điệp rõ ràng hướng dẫn thực hiện các hành động cụ thể (trồng và bảo vệ rừng, sử dụng hợp lý nguồn nước ngầm,...).

- Chủ động mọi nguồn lực, sẵn sàng ứng phó mọi tình huống sụt lún, sụt lún đất đảm bảo kịp thời, tiết kiệm, hiệu quả nhằm giảm thiểu thiệt hại do sụt lún, sụt lún đất gây ra.

2.3. Yêu cầu

- Tất cả các ngành, các cấp, các địa phương phải quán triệt cho cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân thực hiện nghiêm túc Phương án này, đặc biệt là người dân trong việc chấp hành hướng dẫn, khuyến cáo của các cơ quan chuyên môn và chính quyền địa phương.

- Theo dõi chặt chẽ diễn biến thời tiết; thường xuyên rà soát, thống kê tình hình sụt lún, sụt lún đất để kịp thời cập nhật, điều chỉnh linh hoạt các kịch bản ứng phó đảm bảo sát thực tế theo phương châm “bốn tại chỗ”.

III. MỤC TIÊU, PHƯƠNG CHÂM VÀ KỊCH BẢN PHƯƠNG ÁN

3.1. Mục tiêu

3.1.1. Mục tiêu chung:

Nâng cao năng lực, chủ động, kịp thời, hiệu quả trong công tác phòng, chống sụt lún, sụt lún đất theo các cấp độ rủi ro của các ngành, các cấp và người dân; bảo vệ an toàn công trình phòng, chống thiên tai; hạn chế đến mức thấp nhất thiệt hại do sụt lún, sụt lún đất gây ra trên địa bàn tỉnh; khôi phục rừng phòng hộ ven biển, đặc biệt là dọc theo tuyến đê biển Tây.

3.1.2. Mục tiêu cụ thể:

- Đến hết năm 2021, 92% vị trí, địa điểm đã xảy ra hoặc có nguy cơ cao xảy ra sụt lún, sụt lún đất có khả năng ảnh hưởng đến người dân, giao thông được cảnh báo.

- Hạn chế tối đa tình trạng xảy ra sụt lún, sụt lún đất ảnh hưởng đến đời sống, sản xuất, sinh hoạt, cơ sở hạ tầng giao thông, đê sông, đê biển, các công trình phòng chống thiên tai.

- 100% người dân được tuyên truyền, hướng dẫn các biện pháp pháp ứng phó sụt lún, sụt lún đất để chủ động, kịp thời khi có tình huống xảy ra.

3.2. Phương châm ứng phó với ứng phó sạt lở, sụt lún đất

Triển khai thực hiện phương án ứng phó sạt lở, sụt lún đất theo phương châm “04 tại chỗ” thực chất, hiệu quả, cụ thể:

3.2.1. Chỉ huy tại chỗ:

a) Đối với chính quyền địa phương:

Một số nhiệm vụ của chỉ huy tại chỗ, đặc biệt là xã, phường, thị trấn, bao gồm:

- Phối hợp với các ngành, các tổ chức có liên quan thường xuyên kiểm tra việc triển khai thực hiện phương án, giải quyết kịp thời những khó khăn vướng mắc ở địa phương;

- Chỉ đạo việc huy động mọi nguồn lực tại chỗ để ứng phó khi có ứng phó sạt lở, sụt lún đất xảy ra;

- Tù theo diễn biến của sạt lở, sụt lún đất (thông tin cảnh báo sạt lở, sụt lún đất và chỉ đạo của cấp trên) mà người chỉ huy ra các mệnh lệnh phù hợp để ứng phó và trực tiếp chỉ huy việc thực hiện;

- Sau thiên tai chỉ đạo việc đánh giá tình hình thiệt hại và khắc phục hậu quả.

b) Đối với cơ quan quản lý về đê điều trong trường hợp xảy ra sạt lở đê điều:

- Phối hợp với chính quyền địa phương trong các hoạt động kiểm tra, triển khai thực hiện phương án thuộc phạm vi quản lý.

- Chỉ đạo việc huy động mọi nguồn lực tại chỗ thuộc thẩm quyền, phối hợp với các lực lượng tại chỗ của địa phương triển khai xử lý giờ đầu đảm bảo hiệu quả.

c) Đối với hộ gia đình:

Dựa vào thông tin cảnh báo của các ngành chức năng và chính quyền địa phương, các dấu hiệu nhận biết về khả năng xảy ra sạt lở, sụt lún đất, mỗi hộ gia đình cần chủ động thực hiện các hoạt động sau:

- Thường xuyên theo dõi thông tin cảnh báo sạt lở, sụt lún đất và các hướng dẫn của chính quyền địa phương.

- Phải tính trước những vấn đề có thể xảy ra đối với gia đình mình, kể cả về con người, nhà cửa, tài sản và các hoạt động sản xuất.

- Chủ động chuẩn bị các điều kiện cần thiết để ứng phó với thiên tai, phân công công việc cho các thành viên trong gia đình thực hiện chuẩn bị trước.

- Tuân thủ theo các hướng dẫn của chính quyền địa phương và chủ động hỗ trợ những người xung quanh nếu điều kiện cho phép.

3.2.2. Lực lượng tại chỗ:

a) Đối với chính quyền địa phương:

Khi xảy ra sạt lở, sụt lún đất, việc sử dụng các lực lượng sẵn có tại địa bàn để ứng cứu, hỗ trợ là nhanh nhất và hiệu quả nhất. Các lực lượng tại chỗ gồm: dân quân, dân phòng, đoàn thanh niên, các đội xung kích, các lực lượng vũ trang, các đơn vị chuyên trách thường trực như bộ đội, công an đóng trên địa bàn. Các lực lượng này thường trực tại chỗ trước, trong và sau thiên tai và trực tiếp nhận lệnh từ người chỉ huy.

Nhiệm vụ của các lực lượng tại chỗ chủ động phối hợp với lực lượng vũ trang đóng trên địa bàn, lực lượng chi viện, hỗ trợ từ cấp trên và tập hợp lực lượng tại chỗ để thực hiện việc ứng phó khẩn cấp như:

- Tham gia di dời dân ở các khu vực bị sạt lở, sụt lún đất đến nơi an toàn.
- Tham gia khắc phục các sự cố công trình đê, kè chống sạt lở;
- Đảm bảo cung cấp các dịch vụ hậu cần trước hết là lương thực, nhu yếu phẩm, nước sạch, thuốc men, chăm sóc sức khỏe, ưu tiên đối tượng bị ảnh hưởng và các lực lượng làm nhiệm vụ xử lý sự cố sạt lở, sụt lún đất.
- Bảo vệ an ninh trật tự, an toàn xã hội ở địa phương và nơi tạm cư, tham gia giúp đỡ, thăm hỏi, động viên các gia đình bị nạn.

b) Đối với cơ quan quản lý về đê điều trong trường hợp xảy ra sạt lở đê điều:

Nhiệm vụ của các lực lượng tại chỗ thuộc cơ quan quản lý đê điều là nồng cốt vừa thực hiện, vừa hướng dẫn kỹ thuật đê các lực lượng tham gia hỗ trợ thực hiện xử lý giờ đầu các sự cố công trình sạt lở, sụt lún đê biển.

c) Đối với hộ gia đình:

Trong công tác phòng, chống ứng phó sạt lở, sụt lún đất, với các hộ gia đình thì lực lượng tại chỗ là những lao động chính, những người có sức khỏe, nhanh nhẹn đủ sức tham gia các hoạt động ứng phó sự cố, bảo vệ gia đình và sẵn sàng hỗ trợ chính quyền địa phương khi được huy động.

3.2.3. Phương tiện, vật tư tại chỗ:

a) Đối với chính quyền địa phương:

Chủ động chuẩn bị các phương tiện, vật tư, vật dụng sẵn có tại địa phương để phục vụ công tác phòng, chống ứng phó sạt lở, sụt lún đất đảm bảo ứng cứu nhanh và kịp thời, giảm nhẹ tới mức thấp nhất những hậu quả do thiên tai gây ra.

Ngoài việc chuẩn bị vật tư do ngân sách nhà nước cấp, thì chính quyền địa phương còn cần tổ chức vận động trong nhân dân thực hiện phong trào nhà nước và nhân dân cùng làm, tự nhân dân bỏ kinh phí, đóng góp vật tư (củi, tre, đất, bao tải,..) để tu sửa đê bao; bờ bao;...

b) Đối với cơ quan quản lý về đê điều trong trường hợp xảy ra sạt lở đê điều:

- Chủ động chuẩn bị các phương tiện, vật tư, dụng cụ hộ đê dự phòng tại chỗ để phục vụ công tác xử lý sự cố sạt lở, sụt lún đê biển.

- Cùng với chính quyền địa phương vận động nhân dân đóng góp vật tư, kinh phí để ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai.

c) Đối với hộ gia đình:

Yêu cầu mỗi hộ gia đình phải chủ động chuẩn bị các phương tiện, vật tư của gia đình (củ tràm, đất, bao tải,...) nhằm tự đảm bảo sử dụng cho gia đình khi sự cố sạt lở, sụt lún đất xảy ra;.....

3.2.4. Hậu cần tại chỗ:

a) Đối với chính quyền địa phương:

Chủ động các phương án cung cấp lương thực, nước uống, thuốc men,... để cấp phát cho người dân, ưu tiên các gia đình bị ảnh hưởng và lực lượng làm nhiệm vụ theo nguyên tắc chung là cơ bản đáp ứng các yêu cầu phục vụ tại chỗ trong lúc khẩn cấp trước khi có sự cứu trợ từ bên ngoài.

b) Đối với cơ quan quản lý về đê điều trong trường hợp xảy ra sạt lở đê điều:

Chủ động hỗ trợ các lực lượng tham gia, chính quyền địa phương và Nhân dân về vấn đề hậu cần kỹ thuật hộ đê.

c) Đối với hộ gia đình:

Từng hộ gia đình phải chuẩn bị đầy đủ các nhu yếu phẩm thiết yếu theo hướng dẫn của chính quyền địa phương, đảm bảo đủ dùng cho gia đình mình trong trường hợp xảy ra thiên tai.

3.3. Phương án ứng phó với sạt lở, sụt lún đất theo các cấp độ rủi ro thiên tai

3.3.1. Thời điểm triển khai các hoạt động ứng phó sạt lở, sụt lún đất:

Các thời điểm phải triển khai các hoạt động ứng phó tình hình sạt lở, sụt lún đất trên địa bàn tỉnh như sau:

- Thời điểm có bản tin dự báo, cảnh báo về hạn hán.
- Thời gian thiếu hụt lượng mưa kéo dài từ 02 đến 03 tháng.
- Thời điểm bắt đầu mùa mưa (khoảng đầu tháng 05).
- Thời điểm gió Tây Nam chuyển sang gió Đông Bắc (khoảng tháng 10).
- Khi có bản tin dự báo, cảnh báo bão, ATNĐ, sóng to, gió mạnh trên biển, triều cường, nước dâng.

3.3.2. Các kịch bản sạt lở, sụt lún đất:

Căn cứ diễn biến thực tế của sạt lở, sụt lún đất đã diễn ra trên địa bàn tỉnh, Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tỉnh Cà Mau xây dựng các kịch bản ứng phó sạt lở, sụt lún đất trên địa bàn tỉnh như sau:

a) Kịch bản 1: “Xảy ra sạt lở, sụt lún đất hoặc nguy cơ cao xảy ra sạt lở, sụt lún đất các khu vực ven sông, kênh rạch vùng ngọt hóa thuộc huyện U Minh và Trần Văn Thời khi xảy ra hạn hán với cấp độ RRTT cấp 1-3”.

b) Kịch bản 2: “Xảy ra sạt lở, sụt lún đất hoặc nguy cơ cao xảy ra sạt lở, sụt lún đất ven sông, ven biển, đê biển do mưa, dòng chảy, sóng lớn”.

3.3. Phạm vi ảnh hưởng và giải pháp ứng phó theo từng cấp độ rủi ro thiên tai:

(Chi tiết tại Phụ lục X kèm theo)

IV. NỘI DUNG CÁC KỊCH BẢN CỦA PHƯƠNG ÁN

4.1. Kịch bản 1

“Xảy ra sạt lở, sụt lún đất hoặc nguy cơ cao xảy ra sạt lở, sụt lún đất các khu vực ven sông, kênh rạch vùng ngọt hóa thuộc huyện U Minh và Trần Văn Thời khi xảy ra hạn hán với cấp độ RRTT cấp 1-3”.

4.1.1. Công tác ứng phó sạt lở, sụt lún đất:

a) Giai đoạn 1: *Giai đoạn có bản tin dự báo hạn hán có khả năng cao (xác suất từ trên 50% trở lên) ảnh hưởng trực tiếp đến tỉnh Cà Mau (giai đoạn triển khai các hành động sớm).*

- Ban Chỉ huy PCTT&TKCN tỉnh ban hành Công văn về phòng, chống hạn hán trên địa bàn tỉnh, bao gồm thông tin dự báo, cảnh báo hạn hán và chỉ đạo các sở, ngành, địa phương thực hiện tốt công tác thông tin, tuyên truyền về hạn hán; những tác động tiêu cực đến sản xuất và đời sống của người dân và các biện pháp phòng, chống thiệt hại bao gồm cả phòng, chống sạt lở, sụt lún đất để các tổ chức, cá nhân và cộng đồng dân cư chủ động thực hiện.

- Ban Chỉ huy PCTT&TKCN cấp huyện: Sau khi tiếp nhận Công văn về phòng, chống hạn hán của Ban Chỉ huy PCTT&TKCN tỉnh, Ban Chỉ huy PCTT&TKCN huyện triển khai thực hiện và phối hợp thực hiện các nội dung chỉ đạo của Ban Chỉ huy PCTT&TKCN tỉnh thuộc phạm vi, trách nhiệm của địa phương mình. Bên cạnh các biện pháp chung về phòng, chống hạn hán, một số hoạt động để phòng, chống sạt lở, sụt lún đất cần triển khai như:

+ Thường xuyên thông tin dự báo, cảnh báo hạn hán cho thành viên Ban Chỉ huy PCTT&TKCN cấp huyện, Ban Chỉ huy PCTT&TKCN cấp xã thuộc huyện.

+ Rà soát, thống kê các vị trí, khu vực có nguy cơ cao xảy ra sạt lở, sụt lún đất tại các xã trên địa bàn huyện, từ đó xác định những thiệt hại có thể xảy ra.

+ Rà soát phương án ứng phó sạt lở, sụt lún đất do hạn hán của huyện.

+ Ban hành Công văn chỉ đạo Ban Chỉ huy PCTT&TKCN cấp xã triển khai các hoạt động chuẩn bị ứng phó với hạn hán nói chung, sạt lở, sụt lún đất do hạn hán nói riêng như: Thường xuyên theo dõi và thông báo cho các thành viên Ban Chỉ huy PCTT&TKCN xã, các tổ chức, người dân về thông tin dự báo, cảnh báo hạn hán, những khu vực có nguy cơ cao xảy ra sạt lở, sụt lún đất; rà soát phương

án ứng phó sạt lở, sụt lún đất do hạn hán theo cấp độ rủi ro; xác định các công việc cần thực hiện; hướng dẫn cho người dân ứng phó với sạt lở, sụt lún đất do hạn hán nếu xảy ra.

- Ban Chỉ huy PCTT&TKCN cấp xã: Sau khi tiếp nhận Công văn về phòng, chống hạn hán của Ban Chỉ huy PCTT&TKCN cấp huyện, Ban Chỉ huy PCTT&TKCN cấp xã triển khai thực hiện và phối hợp thực hiện các nội dung chỉ đạo của Ban Chỉ huy PCTT&TKCN huyện thuộc phạm vi, trách nhiệm của địa phương mình. Một số hoạt động cần triển khai như:

+ Thường xuyên thông báo thông tin dự báo, cảnh báo hạn hán nói chung và sạt lở, sụt lún đất nói riêng cho các thành viên Ban Chỉ huy PCTT&TKCN cấp xã, Tiểu ban PCTT cấp khóm/ấp và người dân.

+ Theo dõi, cập nhật, báo cáo tình hình sạt lở, sụt lún đất.

+ Rà soát phương án ứng phó sạt lở, sụt lún đất theo cấp độ rủi ro; xác định các công việc cần thực hiện khi xảy ra sạt lở, sụt lún đất để chủ động ứng phó.

+ Cử cán bộ xuống khóm/ấp hỗ trợ nếu có yêu cầu về hướng dẫn ứng phó sạt lở, sụt lún đất bảo vệ tính mạng, tài sản cho người dân.

b) Giai đoạn 02: Thời điểm trước khi kết thúc mùa mưa (khoảng 01 tháng đến khi mùa mưa kết thúc) theo bản tin dự báo (giai đoạn chuẩn bị ứng phó):

Các cấp, các ngành, địa phương tiếp tục thực hiện các hoạt động ở giai đoạn 1; đồng thời, bổ sung và hoàn thành các hoạt động sau:

- Hoàn thành và phê duyệt các kế hoạch, phương án ứng phó sạt lở, sụt lún đất do hạn hán của các ngành, các cấp và địa phương.

- Nạo vét kênh mương, đóng các cống, đắp đập để trữ nước ngọt trong vùng ngọt vừa phục vụ sản xuất vừa duy trì phản áp nước phòng ngừa sạt lở, sụt lún đất ven sông, kênh rạch.

- Tuyên truyền, hướng dẫn người dân gia cố bờ bao, đê bao thật chắc chắn; bố trí lực lượng gắn với phát động người dân tham gia thực hiện gia cố các tuyến lộ giao thông nông thôn để phòng ngừa sạt lở, sụt lún đất.

c) Giai đoạn 03: Hạn hán chính thức xảy ra từ cấp độ 1 – 3 và gây ra sạt lở, sụt lún đất trên địa bàn.

c1) Công tác chỉ đạo, chỉ huy:

- Ban Chỉ huy PCTT&TKCN tỉnh ban hành Công văn chỉ đạo ứng phó sạt lở, sụt lún đất do hạn hán.

- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với sở, ngành, đơn vị có liên quan và Ủy ban nhân dân huyện, thành phố Cà Mau thường xuyên kiểm tra các vị trí, khu vực xung yếu, khu vực xảy ra sạt lở, sụt lún và nguy cơ cao xảy ra sạt lở, sụt lún đất để chỉ đạo xử lý, khắc phục.

- Đài Khí tượng Thủy văn Cà Mau tăng cường quan trắc, cập nhật thông tin, diễn biến tình hình hạn hán, thiếu nước, thông báo đến các cấp, các ngành có liên quan và người dân để phục vụ công tác chỉ đạo ứng phó.

- Sở Giao thông vận tải phối hợp với chính quyền địa phương tiến hành kiểm tra các tuyến đường, nhất là các tuyến đường giao thông nông thôn đã từng bị sụt lún, sạt lở ở đợt hạn hán năm trước, đánh giá hiện trạng, triển khai các giải pháp xử lý khẩn cấp các điểm có nguy cơ cao bị sụt lún, sạt lở đất, trong đó lưu ý các giải pháp cảnh báo, giảm tải trọng xe,...

- Ủy ban nhân dân cấp huyện triển khai thực hiện nghiêm túc chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban Chỉ huy PCTT&TKCN tỉnh và các chỉ đạo của cấp trên, đồng thời chỉ đạo rà soát, thống kê các vị trí, khu vực xung yếu, khu vực xảy ra sạt lở, sụt lún và nguy cơ cao xảy ra sạt lở, sụt lún đất để triển khai phương án xử lý, hỗ trợ người dân bị ảnh hưởng; phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tuyên truyền đến người dân không được tự ý sên vét, lấy đất lòng sông, kênh rạch khi chưa có sự cho phép của cơ quan có thẩm quyền để phòng tránh sạt lở, sụt lún đất; chỉ đạo các đơn vị cấp huyện sẵn sàng lực lượng hỗ trợ khi có yêu cầu.

- Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện khẩn trương, nghiêm túc các chỉ đạo của cấp trên; triển khai chỉ đạo, hướng dẫn của cấp trên, các cơ quan chuyên môn đến từng hộ gia đình, qua đó tuyên truyền, vận động người dân thực hiện đúng khuyến cáo; chỉ đạo cán bộ hỗ trợ người dân bị ảnh hưởng khắc phục sự cố, thăm hỏi động viên và hỗ trợ người dân khắc phục hậu quả do sạt lở, sụt lún đất gây ra.

c2) Công tác huy động lực lượng, phương tiện tại chỗ:

Các cấp, các ngành, địa phương tiến hành huy động lực lượng, phương tiện đã được liệt kê tại mục 1.3.2 để thực hiện công tác ứng phó sạt lở, sụt lún đất do hạn hán. Tùy theo mức độ, quy mô ảnh hưởng sau khi đã rà soát, đối chiếu với phương án mà huy động tương ứng.

c3) Công tác về vật tư, hậu cần tại chỗ:

Sự dụng hiệu quả các nguồn lực tại chỗ trong dân bao gồm cả con người, các vật liệu địa phương sẵn có như: tre, tràm, dừa,... của người dân để xử lý, khắc phục các sự cố sạt lở, sụt lún là hiệu quả nhất; sử dụng hiệu quả, đúng quy định nguồn quỹ phòng, chống thiên tai các cấp để mua sắm vật tư và phục vụ hậu cần cho công tác ứng phó sạt lở, sụt lún đất do hạn hán các cấp, các địa phương.

4.2. Kịch bản 2

“Xảy ra sạt lở, sụt lún đất hoặc nguy cơ cao xảy ra sạt lở, sụt lún đất ven sông, ven biển, đê biển do mưa, dòng chảy, sóng lớn”.

4.2.1. Công tác ứng phó sạt lở, sụt lún đất:

a) Giai đoạn 1: Thời điểm trước mùa mưa bão (giai đoạn triển khai các hành động sớm).

- Ban Chỉ huy PCTT&TKCN tỉnh ban hành Công văn về công tác chuẩn bị sẵn sàng ứng phó thiên tai trước mùa mưa bão, bao gồm cả phòng, chống sạt lở, sụt lún đất trong mùa mưa.

- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chỉ đạo các đơn vị chuyên môn phối hợp với các đơn vị, địa phương có liên quan xây dựng hoàn thiện trình cấp thẩm quyền phê duyệt phương án hộ đê biển Tây, bảo vệ bờ biển Đông. Tham mưu, đề xuất cấp thẩm quyền ưu tiên gia cố các đoạn đê biển, bờ biển rất xung yếu, xung yếu trước mùa mưa bão, đồng thời, dự trữ đầy đủ vật tư hộ đê, bảo vệ đê biển, bờ biển theo phương án đã phê duyệt đảm bảo để sử dụng khi có tình huống xảy ra; cử cán bộ thường xuyên tuần tra, kiểm tra để kịp thời phát hiện, xử lý sự cố đê biển, bờ biển.

- Ban Chỉ huy PCTT&TKCN cấp huyện: Sau khi tiếp nhận Công văn về phòng, chống hạn hán của Ban Chỉ huy PCTT&TKCN tỉnh, Ban Chỉ huy PCTT&TKCN huyện triển khai thực hiện và phối hợp thực hiện các nội dung chỉ đạo của Ban Chỉ huy PCTT&TKCN tỉnh thuộc phạm vi, trách nhiệm của địa phương mình, một số hoạt động để phòng, chống sạt lở, sụt lún đất cần triển khai như:

+ Thường xuyên thông báo thông tin dự báo, cảnh báo thời tiết, thiên tai và tình hình thủy văn cho thành viên Ban Chỉ huy PCTT&TKCN cấp huyện, Ban Chỉ huy PCTT&TKCN cấp xã thuộc huyện.

+ Thường xuyên rà soát, thống kê các vị trí, khu vực có nguy cơ cao xảy ra sạt lở, sụt lún đất do mưa, dòng chảy, sóng lớn tại các xã trên địa bàn huyện, từ đó xác định những thiệt hại có thể xảy ra.

+ Rà soát phương án ứng phó sạt lở, sụt lún đất do mưa, dòng chảy, sóng lớn của huyện.

+ Ban hành văn bản chỉ đạo Ban Chỉ huy PCTT&TKCN cấp xã triển khai các hoạt động chuẩn bị ứng phó với mưa bão nói chung và sạt lở, sụt lún đất trong mùa mưa nói riêng như: Thường xuyên theo dõi và thông báo cho các thành viên Ban Chỉ huy PCTT&TKCN xã, các tổ chức, người dân về thông tin dự báo, cảnh báo bão, ATNĐ, mưa lớn, sóng to gió lớn, triều cường, nước dâng,..., những khu vực có nguy cơ cao xảy ra sạt lở, sụt lún đất; rà soát phương án ứng phó sạt lở, sụt lún đất do mưa, dòng chảy, sóng lớn; xác định các công việc cần thực hiện; hướng dẫn cho người dân ứng phó với sạt lở, sụt lún đất do mưa, dòng chảy, sóng lớn nếu xảy ra.

- Ban Chỉ huy PCTT&TKCN cấp xã: Sau khi tiếp nhận Công văn chỉ đạo của Ban Chỉ huy PCTT&TKCN cấp huyện, tiến hành triển khai thực hiện và phối hợp thực hiện các nội dung chỉ đạo của Ban Chỉ huy PCTT&TKCN huyện thuộc phạm vi, trách nhiệm của địa phương mình. Một số hoạt động cần triển khai như:

+ Thường xuyên thông tin dự báo, cảnh báo sạt lở, sụt lún đất cho các thành viên Ban Chỉ huy PCTT&TKCN cấp xã, Tiểu ban PCTT cấp khóm/ấp và người dân.

+ Theo dõi, cập nhật, báo cáo đầy đủ tình hình sạt lở, sụt lún đất trên địa bàn quản lý.

+ Rà soát phương án ứng phó sạt lở, sụt lún đất của cấp xã; xác định các công việc cần thực hiện khi xảy ra sạt lở, sụt lún đất để chủ động ứng phó.

+ Cử cán bộ xuống khóm/ấp hỗ trợ nếu có yêu cầu về hướng dẫn ứng phó sạt lở, sụt lún đất bảo vệ tính mạng, tài sản cho người dân.

- Tuyên truyền, hướng dẫn người dân gia cố bờ bao, đê bao thật chắc chắn để bảo vệ sản xuất; không thực hiện các hoạt động làm tăng rủi ro xảy ra sạt lở, sụt lún đất; phối hợp với lực lượng quản lý đê biển tuyên truyền, vận động người dân không thực hiện các hoạt động vi phạm hàng lang bảo vệ đê hoặc các hành động làm ảnh hưởng đến an toàn của đê biển; vận động người dân cùng tham gia thực hiện gia cố các tuyến lộ giao thông nông thôn để phòng ngừa sạt lở, sụt lún đất;...

b) Giai đoạn 02: Thời điểm xảy ra sạt lở, sụt lún đất trong mùa mưa bão (giai đoạn ứng phó):

Công tác chỉ đạo ứng phó theo phương châm 04 tại chỗ thực hiện tương tự như ở **Giai đoạn 03** ứng phó sạt lở, sụt lún do hạn hán (mục c, 4.1.1, 4.1). Tuy nhiên, riêng đối với ứng phó sạt lở, sụt lún bờ biển, đê biển, công tác ứng phó triển khai thực hiện theo Phương án hộ đê đã được phê duyệt.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Căn cứ Phương án chung của tỉnh, từng sở, ngành, địa phương xây dựng phương án chi tiết để triển khai thực hiện, đồng thời, thường xuyên theo dõi thông tin dự báo tình hình sạt lở, sụt lún đất từng năm mà có sự cập nhật, điều chỉnh một cách linh hoạt sát với tình hình thực tế để triển khai thực hiện.

2. Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đơn vị và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Cà Mau phải trực tiếp chỉ đạo Ban Chỉ huy PCTT&TKCN của đơn vị, địa phương mình thực hiện nhiệm vụ theo từng phương án. Các thành viên Ban chỉ huy PCTT&TKCN tỉnh, huyện, thành phố Cà Mau, xã, phường, thị trấn thực hiện theo nhiệm vụ và địa bàn được phân công phụ trách.

3. Các tổ chức, cá nhân, lực lượng đóng trên địa bàn phải tuân thủ sự điều động và chấp hành nghiêm túc sự chỉ đạo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân – Trưởng ban Chỉ huy PCTT&TKCN các cấp trên địa bàn tỉnh.

4. Ban Chỉ huy PCTT&TKCN các cấp, các ngành thực hiện nghiêm chế độ trực ban và thông tin, báo cáo theo quy định.

5. Về kinh phí thực hiện: Sử dụng kinh phí được giao đầu năm cho ngành, địa phương, đơn vị; Quỹ phòng, chống thiên tai tỉnh, Quỹ phòng, chống thiên tai phân cấp cho cấp huyện, cấp xã và các nguồn kinh phí hợp pháp khác. Trường hợp phát sinh kinh phí vượt khả năng cân đối ngân sách và Quỹ phòng, chống thiên tai, các sở, ngành, địa phương, đơn vị báo cáo Sở Tài chính tham mưu, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

6. Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn theo dõi, đôn đốc, tổng hợp tình hình thực hiện Phương án hàng năm, kịp thời báo cáo, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, chỉ đạo tháo gỡ khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện.

7. Đối với việc phân công, phân cấp chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ ứng phó, khắc phục hậu quả sạt lở, sụt lún đất thực hiện theo đúng phân công tại phương án này, trong trường hợp các văn bản quy định có thay đổi thì thực hiện theo các văn bản mới. Mọi hoạt động triển khai ứng phó thiên tai phải thực hiện một cách linh hoạt nhưng vẫn đảm bảo các quy định về phòng, chống dịch Covid-19 tại thời điểm xảy ra thiên tai.

Trên đây là nội dung Phương án ứng phó sạt lở, sụt lún đất theo cấp độ rủi ro thiên tai trên địa bàn tỉnh Cà Mau./.

Nơi nhận:

- Ban Chỉ đạo QG về PCTT (b/c);
- Ủy ban Quốc gia UPSC TT&TKCN (b/c);
- UBND tỉnh (b/c);
- Tổng cục PCTT (b/c);
- Trưởng ban, P. Trưởng ban BCH PCTT&TKCN tỉnh (b/c);
- Chi cục PCTT miền Nam;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Thành viên BCH PCTT&TKCN tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Ủy ban nhân dân các huyện, TP Cà Mau;
- Lưu: VT, PCTT(Đc).

**KT.TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN**

**GIÁM ĐỐC SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT
Lê Thanh Triều**